



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Vũ Thiện Hàn

Mục Lục

1. Vấn đề trong tháng
Thông Luận
3. Cương lĩnh chính trị của đảng cộng sản: quyết tâm đưa đất nước vào bể tắc
Nguyễn Gia Kiểng
7. Toàn dân Palestine đi bầu
NTC (Paris)
8. Gaullisme và Davos
Huỳnh Hùng
9. Cơ sở cất cánh của những con "rồng"
Diệp Tường Bào
13. Phát biểu trên đài VNCR
Tiêu Dao Bảo Cự
14. Dân chủ hay chuyên chính?
Trần Minh Thảo
18. Lãnh đạo quần chúng
Đặng Ứng Hà
20. Nhân quyền và Liên đới
Trần Ngọc Sơn
21. Phát triển hỗn loạn và hậu quả
Nguyễn Văn Việt
22. Dân Việt Nam phải làm gì?
Nguyễn Huy Bảo
23. Phán quyết của Tối cao pháp viện
Karlsruher. **Việt Nhân**
25. Thi sĩ Tản Đà và lòng yêu tổ quốc
Phạm Ngọc Trường
27. TNS Wellstone lên tiếng về trường
hợp giáo sư **Đoàn Viết Hoạt**
28. Tin tức-Thời sự
31. Độc giả viết
32. Sở Tay & Thơ Xuân

Vấn đề trong tháng

Phe thủ cựu của đảng cộng sản tuyên chiến với đất nước Việt Nam

Hai văn kiện căn bản cho Đại Hội VIII của đảng cộng sản Việt Nam, dự thảo Báo Cáo Chính Trị và Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế, đã hoàn tất và đã được in xong vào cuối tháng 12-1995. Chúng thể hiện một chọn lựa chính trị liều lĩnh và thách đố đối với cả nhân dân Việt Nam lẫn xu hướng tiến triển của thế giới.

Phải coi đây là tài liệu chung quyết, các đại biểu tại đại hội chỉ làm công việc rất hình thức là biểu quyết thông qua, trừ trường hợp tranh chấp gay go nổ bùng ngay tại đại hội nếu phe Võ Văn Kiệt đủ sức để phản công.

Phe thủ cựu giáo điều đã đại thắng và áp đặt đường lối của họ. Theo Báo Cáo Chính Trị, đảng cộng sản sẽ tiếp tục theo đuổi "chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh", tiếp tục bác bỏ đa nguyên chính trị, duy trì và củng cố đường lối "dân chủ tập trung" dưới sự lãnh đạo độc quyền của đảng cộng sản. Trong quan hệ đối ngoại, họ sẽ "chung thủy với đồng chí bạn bè" và "trân trọng các quan hệ truyền thống", nói cách khác sẽ trung thành và rập khuôn theo Trung Quốc. Trong địa hạt kinh tế, họ sẽ tăng cường vai trò của kinh tế quốc doanh, sẽ tái lập và tăng cường các hợp tác xã đã phá sản và hầu hết đã bị giải thể, họ sẽ bóp nghẹt kinh tế cá nhân và tiểu chủ, nghĩa là đại bộ phận hoạt động kinh tế tư nhân của người Việt. Về mặt chính trị, họ sẽ quyết liệt chống diễn biến hòa bình, sẽ tăng cường và chính thức hóa bằng luật pháp vai trò chỉ huy của bộ máy đảng trên nhà nước.

Đây là một triết thoái quan trọng về một chế độ cộng sản chuyên chính toàn trị. Tất cả những quan điểm của phe được gọi là cỏi mở được phát biểu trong bài đóng góp của thủ tướng Võ Văn Kiệt (xem

Thông Luận số 90, tháng 1/96) đều bị bác bỏ hoàn toàn.

Dựa vào Báo Cáo Chính Trị, người ta có thể tiên liệu những thay đổi đường lối và về tương quan lực lượng trong đảng sau Đại Hội VIII. Phe ông Đào Duy Tùng, với sự ủng hộ của quân đội, sẽ kiểm soát được Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư, cá nhân ông Đào Duy Tùng có thể sẽ là tổng bí thư đảng thay ông Đỗ Mười. Ông Kiệt sẽ phải về hưu nếu không chịu chấp nhận một vai trò bù nhìn, các bộ trưởng đa số sẽ là vây cánh của ông Tùng. Tướng Lê Khả Phiêu lên cấp trong Bộ Chính Trị. Phe nắm bộ máy đảng đã tranh thủ được sự hỗ trợ của các tướng lãnh để đánh bại phe nắm bộ máy nhà nước. Quân đội sẽ có một trọng lượng lớn hơn trong sinh hoạt chính trị. Khả năng chuyển biến về một chế độ độc tài quân phiệt trở thành một thực tế. Sau Đại Hội VIII, chủ trương phân biệt đảng và nhà nước do ông Võ Văn Kiệt đề xướng ra từ năm năm qua sẽ bị bãi bỏ, thay vào đó sẽ là sự đồng hóa đảng và nhà nước như trước thập niên 90.

Hiện nay trong nước, những dấu hiệu của một chính sách cứng rắn giáo điều đã bắt đầu. Chính sách kiểm duyệt tăng cường rõ rệt, một số báo đã bị đình bản, nhiều bảng hiệu quảng cáo đã bị tháo gỡ hoặc bôi xóa, hàng ngàn băng nhạc và phim ảnh đã bị hủy hoại. Nhiều nhà báo ngoại quốc đã nói tới một cuộc "tiểu cách mạng văn hóa" theo mô hình Trung Quốc.

Cương lĩnh chính trị của đảng cộng sản, dù nằm trong logic sống còn của nó, quả thực khó tưởng tượng. Trong một thế giới đang chuyển hóa mạnh mẽ về dân chủ, họ muốn đưa Việt Nam trở về một chế độ cộng sản chuyên chính dựa trên một chủ nghĩa không những đã bị đào thải mà còn bị lỗi bịch hóa. Họ muốn chặn đứng sự

phát triển của kinh tế thị trường dù chính họ cũng nhìn nhận là chính mở cửa về kinh tế thị trường đã cứu chế độ trong thời gian qua. Họ rập khuôn theo Trung Quốc vào giữa lúc mà mô hình Trung Quốc đã bế tắc và rất có thể sẽ đưa tới hỗn loạn sau cái chết của Đặng Tiểu Bình. Đây là một chọn lựa tự sát, nó sẽ rất bị thảm cho đảng cộng sản nhưng cũng sẽ có những hậu quả vô cùng tai hại cho đất nước. Đầu tư nước ngoài, đã giảm mức độ gia tăng trong năm 1995, sẽ còn suy giảm hơn nữa trong những năm tới, các trao đổi hợp tác với thế giới cũng sẽ bị thiệt hại nặng và kinh tế Việt Nam sẽ suy sụp nếu đường lối mới của đảng cộng sản được thực sự thi hành.

Những người dân chủ Việt Nam phải nghĩ gì và phải làm gì?

Trước hết không nên thất vọng nếu ông Kiệt thất bại trong Đại Hội VIII sắp tới. Ông Kiệt hoàn toàn không phải là một người có khuynh hướng dân chủ và cũng không phải là người chủ trương một quyền lực dựa trên luật pháp. Ông Kiệt cũng không hiền lành gì đối với đối lập dân chủ. Ông là tác giả của câu nói đáng sợ: *"Quản lý con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa là quản lý tại nơi cư trú, tại chỗ làm việc và trên đường đi"*. Ông chủ yếu là một người của bộ máy đảng, đã leo lên hết các nấc thang quyền lực để vào được Bộ Chính Trị mà không cần giữ một chức vụ chính thức nào trong guồng máy nhà nước. Con đường tiến thân của ông tương tự như sự nghiệp của các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Linh, Đào Duy Tùng, Trần Xuân Bách. Cũng như Lê Đức Thọ đứng đầu quân đội mà không cần quân hàm, Võ Văn Kiệt là một tướng công an không đeo lon. Sự kiện ông làm phó thủ tướng từ 1987 và thủ tướng từ 1992 đến nay không thể khiến ta quên ông là sản phẩm của bộ máy đảng. Ông Kiệt cũng là một con người rất tàn bạo và nham hiểm. Trong thời gian đứng đầu hệ thống công an miền Nam, qua các chức vụ giám đốc Sở Công An và bí thư Thành Ủy Sài Gòn, ông đã đàn dưng ra đảng Việt Nam Phục Quốc, lừa hàng ngàn thanh niên vào bẫy, nhiều người vẫn còn quần quai trong các nhà tù, hàng trăm người đã bị xử bắn. Ông đã đàn áp thẳng tay Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ và đối xử tàn tệ với ông Nguyễn Hộ. Gần đây, cũng chính ông đã ra tay đàn áp Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ mà chính ông Đỗ Mười đã cho phép hoạt động. Là một người có thế lực lớn trong đảng và nắm được một bộ phận đáng kể của công an, lại được quốc tế biết

đến, ông Kiệt đã có thể góp phần quan trọng cho tiến trình dân chủ hóa nếu muốn. Nhưng ông Kiệt đã không muốn. Ông Kiệt còn là một trở ngại cho tiến trình dân chủ hóa: nhiều người đầy thiện chí nhưng vì trông đợi ở ông mà đã không tích cực tham gia vào các cuộc vận động dân chủ.

Cũng không nên nhìn đảng cộng sản một cách quá đơn giản như là gồm một phe cánh tân và một phe thủ cựu. Thực ra các cấp lãnh đạo cộng sản đều giống nhau. Người nào cũng chống dân chủ cả, và người nào trong thâm tâm cũng đều hiểu dân chủ chắc chắn sẽ tới, và họ đều tìm cách thích nghi với viễn ảnh đó một cách càng chậm càng hay và có lợi cho chỗ đứng cá nhân của họ. Về mặt kinh tế, chắc chắn ông Kiệt có cái nhìn thuận cho kinh tế thị trường hơn ông Đào Duy Tùng bởi vì ông điều khiển chính phủ và tiếp xúc hằng ngày với thực tại xã hội. Sau Đại Hội VIII, khi ông Đào Duy Tùng, trực tiếp hay gián tiếp, đã nắm được quyền điều khiển bộ máy nhà nước và phải vật lộn với các thực tế kinh tế xã hội, ông cũng không thể làm khác hơn ông Kiệt. Đào Duy Tùng sẽ khám phá ra là lãnh đạo một đất nước 74 triệu người phức tạp rất nhiều so với lãnh đạo một Ban Bí Thư. Cho tới nay, những việc ông Kiệt làm và khiến cho ông được tiếng là cởi mở thực ra chỉ là những nhượng bộ chẳng đáng dừng trước sự phát triển của xã hội và tình hình thế giới. Diễn tiến của xã hội Việt Nam không thể đảo ngược được. Nếu ông Đào Duy Tùng điên cuồng chống lại thực tế, chính ông sẽ bị thực tế đánh gục. Ông Kiệt mềm dẻo và biết nhượng bộ nên đã giúp kéo dài chế độ, ông Đào Duy Tùng cứng nhắc hơn chỉ làm cho tình hình thêm căng thẳng, bất mãn tích lũy nhanh hơn và chế độ sụp đổ sớm hơn.

Không nên quá sợ rằng phe Đào Duy Tùng một khi nắm được quyền lực sẽ thẳng tay đàn áp đối lập dân chủ hơn nữa. Dĩ nhiên phe ông Đào Duy Tùng muốn đàn áp, nhưng những người lãnh đạo cộng sản không thể làm tất cả những gì họ muốn. Đối lập dân chủ Việt Nam đã đạt được một tầm vóc nào đó vì xã hội Việt Nam đã chuyển mình và nhờ phấn đấu của những người dân chủ Việt Nam chứ không phải vì sự tử tế của phe phái cầm quyền nào. Cường độ của các cuộc vận động dân chủ sẽ tiếp tục tăng lên dù phe bảo thủ có thể nắm được quyền hành. Những người bất mãn với phe Đào Duy Tùng chiếm đa số trong đảng, họ có thể sẽ đóng góp cho cuộc vận động dân chủ. Các lực lượng đối

lập dân chủ Việt Nam cần tranh thủ sự hợp tác của họ.

Mâu thuẫn cơ bản trong nội bộ đảng cộng sản sau Đại Hội VIII là ở chỗ phe Đào Duy Tùng tuy thắng thế trong bộ máy đảng nhưng lại là thiểu số trong toàn đảng và bị cả dân tộc thù ghét. Họ sẽ rất cô lập và có thể bị sụp đổ do áp lực từ ngay trong nội bộ đảng. "Thắng lợi" của họ là một thắng lợi rất đắt giá cho sự sống còn của đảng cộng sản. Việc họ phải mưu đồ áp đặt Báo Cáo Chính Trị mà không dám cho thảo luận công khai nếu không phải là dấu hiệu của một sự hoảng hốt thì cũng là một hành động thiếu tự tin. Cũng không thể loại trừ khả năng Đại Hội VIII sẽ là một cuộc đấu đứ đới làm rạn vỡ thêm đảng.

Đối lập Việt Nam phải phản ứng mạnh trước chọn lựa cực kỳ phản động và xác xược của đảng cộng sản. Nhất định không thể để Đào Duy Tùng và vây cánh của ông ta thực hiện đường lối hại dân, phản quốc. Họ đã tuyên chiến với nhân dân và tổ quốc Việt Nam. Chúng ta phải đánh lại bằng đường lối hòa bình nhưng quả quyết. Chúng ta bị đặt trước một thách đố thô bạo, nhưng chúng ta cũng có những cơ may mới.

Chúng ta phải thắng cuộc đấu này. Còn không đầy bốn năm nữa chúng ta sẽ thay đổi thế kỷ và chúng ta cũng sẽ thay đổi cả thiên niên kỷ. Ngay từ bây giờ chúng ta đã có thể tưởng tượng tiếng reo hò vang dội của cả thế giới tung hô một thời đại mới. Tất cả mọi dân tộc có một mức độ văn minh nào đó đều sẽ tiến vào kỷ nguyên dân chủ. Nếu chúng ta phải bước vào thế kỷ 21 như là một trong những dân tộc cuối cùng còn phải mang trên vai cái ách độc tài thì đó sẽ là một mối nhục vô cùng lớn, lớn tới độ mà người Việt Nam chúng ta sẽ khó còn đủ tự hào để gọi tên đất nước mình. Các thế hệ lớn lên sẽ rất khó chấp nhận thân phận Việt Nam. Đất nước Việt Nam sẽ chết đi trong lòng rất nhiều người.

Đánh bại chính sách mù quáng điên rồ của những người lãnh đạo cộng sản thủ cựu, giành thắng lợi cho dân chủ trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21 là điều chúng ta phải làm vì danh dự và sự tồn vong của đất nước. Những người dân chủ chân chính Việt Nam, bất luận thuộc quá khứ chính trị nào, bắt buộc phải kết hợp với nhau trong một mặt trận chung. Hòa giải và hòa hợp dân tộc chưa bao giờ cần thiết và sáng tỏ bằng lúc này.

Thông Luận

Cương lĩnh chính trị của đảng cộng sản: quyết tâm đưa đất nước vào bế tắc

Tập tài liệu "Dự thảo các văn kiện trình Đại Hội VIII của đảng" đã hoàn tất. Tập tài liệu dài tổng cộng 79 trang, gồm hai tài liệu: "**Báo Cáo Chính Trị**" (từ trang 3 đến trang 52) và "**Báo Cáo Phương Hướng, Nhiệm Vụ Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội 5 Năm 1996-2000**" (từ trang 53 đến trang 81). Tập trung hai tài liệu này là cương lĩnh chính trị của đảng cộng sản để chuẩn bị Đại Hội VIII dự trù vào tháng 6-1996 sắp tới.

Tập tài liệu được in ra 130.000 cuốn và đóng dấu "MẬT", thêm một dòng chữ "Lưu hành nội bộ". Đảng cộng sản, theo các con số thành thạo được công bố, có trên hai triệu đảng viên, như vậy tuyệt đại đa số đảng viên không được nhận cương lĩnh này trước ngày Đại Hội VIII mở ra.

Trong hai tài liệu này, tài liệu II (Báo Cáo Phương Hướng, Nhiệm Vụ Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội) hoàn toàn không có tầm quan trọng nào. Nó chỉ nhắc lại những định hướng đã có trong tài liệu I (Báo Cáo Chính Trị) và thêm một số chi tiết. Tài liệu II hoàn toàn không đưa ra một ý nào mới so với tài liệu I và cũng không chứng minh, biện luận gì thêm, nó chỉ là một bản liệt kê danh mục được viết qua loa.

Tin từ trong nước cho biết không có những buổi thảo luận tại các cơ sở đảng để mở xê, tu chính hay bổ túc. Như vậy phải hiểu rằng tuy gọi là "dự thảo" nhưng đây là tài liệu chung quyết. Các đại biểu tham dự Đại Hội VIII sẽ chỉ làm công việc của các đại hội trước đây là biểu quyết thông qua trừ trường hợp cương lĩnh bị đa số đại biểu bác bỏ, một trường hợp chưa từng xảy ra trong lịch sử đảng cộng sản nhưng cũng không thể loại bỏ hoàn toàn vì phe Võ Văn Kiệt hiện nay khá mạnh. So sánh Báo Cáo Chính Trị với bài đóng góp của ông Võ Văn Kiệt người ta thấy tất cả những đề nghị của ông Kiệt đã bị bác bỏ.

Câu hỏi đầu tiên của người đọc là tại sao Báo Cáo Chính Trị lại bắt đầu bằng đoạn "*Đất nước sau 10 năm đổi mới*"? Tại sao lại bắt đầu từ cột mốc này, mà không

hề nhắc lại quá trình hình thành và chiến đấu của đảng cộng sản trong suốt 66 năm hiện hữu? Người đọc có thể tự tìm ra lời giải thích. Những người sắp cầm quyền trong đảng như các ông Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Hà Phan, v.v... không phải là những nhân vật lịch sử của đảng, trong khi những đảng viên kỳ cựu đã đóng góp xây dựng ra đảng như Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Hộ, Trần Văn Giàu, La Văn Liếm, Hoàng Minh Chính, Ngô Thúc, Lê Giản, Vũ Đình Huỳnh, v.v... hoặc đã thất sủng, có người đã chết oan, hoặc đã quay lại chống đảng và trở thành một đe dọa cho đảng. Võ Văn Kiệt cũng là một người có công rất lớn trong quá trình xây dựng đảng. Nhắc tới quá khứ là nhắc lại công lao của họ và cho họ một trọng lượng mà họ có thể sử dụng một cách nguy hiểm cho những người cầm quyền mới.

Báo Cáo Chính Trị khẳng định đảng cộng sản đã vượt qua được giai đoạn khó khăn nhất (1).

Các thành tựu được liệt kê là: tăng trưởng kinh tế trung bình 8,2% trong 5 năm qua, kìm hãm được lạm phát, tạo được một số biến chuyển tốt, phá tan được "*các vụ bạo loạn lật đổ và hoạt động gây rối về chính trị*"; thực hiện được "*những đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị, phá vỡ được thế cô lập ngoại giao*". Điều đáng chú ý là Báo Cáo Chính Trị không khoe khoang mà còn cố ý giới hạn tầm vóc của các thành tựu về kinh tế - xã hội. Những cụm từ được dùng ở đoạn này là "*có tiến bộ*", "*có bước phát triển*", "*có những mặt phát triển và tiến bộ*". Những ai muốn có thể hiểu là Báo Cáo Chính Trị muốn tương đối hóa những gì được coi là thành công của chính phủ do ông Võ Văn Kiệt cầm đầu. Hai thành tựu được nói với những lời lẽ nòng nân nhất là an ninh và hệ thống chính trị (2) đều là những "thành tựu" chủ yếu do Bộ Chính Trị.

Khi phân tích những "*Khuyết điểm và yếu kém*", Báo Cáo Chính Trị tỏ ra tận tình hơn. Các vấn đề xã hội được đánh giá là còn nhiều nhức nhối. Việc đổi mới hệ

thống chính trị được coi là một thành tựu ở phần trên thì cũng bị coi là một yếu kém ở phần dưới (3).

Phân phân tích của khuyết điểm được kết luận: "*Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta càng ngày càng được xác định rõ hơn*".

Từ phân tích đó, Báo Cáo Chính Trị rút ra sáu bài học chủ yếu: phải giữ vững chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (4), phủ nhận đa nguyên chính trị (5), xác nhận kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng đại đoàn kết toàn dân, tranh thủ hậu thuẫn quốc tế trước hết là với các nước cộng sản, giữ vững vai trò lãnh đạo độc quyền của đảng cộng sản.

Lần đầu tiên đảng cộng sản chính thức tuyên bố chấp nhận bất công và bóc lột như một thực tế xã hội (6). Một đảng viên cộng sản có thể tự hỏi như vậy thì còn gì là lý tưởng cộng sản.

Một chọn lựa chiến lược rất quan trọng là đúng hẳn về phía Trung Quốc. Lập trường được phát biểu một cách kín đáo, như không muốn người đọc chú ý. "*Thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại. Chung thủy với đồng chí, bạn bè. Trân trọng những quan hệ truyền thống*" (trang 13). Thế nào là chung thủy, thế nào là quan hệ truyền thống? Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh chắc không quên chính sách chống và mật sát Trung Quốc thậm tệ cuối thập niên 1970, dẫn tới cuộc chiến biên giới mùa xuân 1979. Nhưng họ cũng có thể tạm hài lòng vì trước đó ông Đào Duy Tùng, người sắp nắm toàn quyền, đã sang tận Bắc Kinh trong một cuộc viếng thăm có ý nghĩa của một sự cầu phong.

Việc quân đội ủng hộ phe Đào Duy Tùng cũng cần được hiểu đúng lý do của nó. Gần đây ông Võ Văn Kiệt cũng đã cố hết sức để tranh thủ sự hỗ trợ của quân đội, ông cũng sẵn sàng nhượng bộ không đụng đến các công ty của quân đội, nhưng các tướng lĩnh đã ngã về phe ông Tùng vì họ

tin rằng ông Tùng tránh cho họ một cuộc đụng độ với Trung Quốc. Quân đội Việt Nam đã mất đi rất nhiều khả năng chiến đấu từ khi lao vào kinh doanh. Xe tăng, tàu chiến được dùng để chở hàng lậu, si quan lo tìm mồi bán hàng, các công ty của các đơn vị quân đội cạnh tranh và xung khắc với nhau. Từ chỗ mất khả năng chiến đấu và mất tinh thần chiến đấu đến chỗ sợ chiến đấu không xa.

Giữ vững vai trò lãnh đạo của đảng được coi là đồng nghĩa với chống các nguyện vọng dân chủ và nhân quyền (7). Báo Cáo Chính Trị hoàn toàn không đưa ra một lập luận nào để biện minh tại sao đảng cộng sản phải tiếp tục giữa độc quyền chính trị, tại sao phải duy trì nguyên tắc dân chủ tập trung. Thái độ thực sự phơi bày ở đây là thái độ của kẻ mạnh và có súng, không có yêu cầu phải thuyết phục ai.

Phần thứ hai của Báo Cáo Chính Trị (Mục Tiêu Đến Năm 2020 Và Năm 2000) mở đầu bằng nhận định *"thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố khó lường trước được"*, và nhắc lại bốn nguy cơ: tụt hậu xa hơn, diễn biến hòa bình, chênh lệch xã hội chủ nghĩa và tham nhũng. Trong bốn nguy cơ này diễn biến hòa bình là mối lo lớn nhất, bởi vì theo Báo Cáo Chính Trị những nguy cơ khác nếu không khắc phục được sẽ là *"mảnh đất thuận lợi cho diễn biến hòa bình"*.

Mục tiêu năm 2020, được nói đến một cách vắn tắt là *"biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp"* và đưa sản lượng bình quân mỗi đầu người (tài liệu dùng chữ tắt tiếng Anh GDP-Gross Domestic Product) cao gấp từ 8 đến 10 lần so với năm 1990. Nhưng GDP bình quân đầu người năm 1990 là bao nhiêu? Về điểm này các tài liệu thống kê của nhà nước rất mơ hồ. Có tài liệu đưa con số 95 USD, có tài liệu 110 USD và cũng có tài liệu nói đến GDP điều chỉnh lại ở mức 200 USD. Như vậy cứ lấy con số cao nhất thì theo mục tiêu đảng cộng sản tới năm 2020 Việt Nam mới đạt mức độ lợi tức tương đương với Thái Lan ngày nay. Lúc đó Thái Lan, với đà tăng trưởng hiện nay, có lẽ đã vượt quá 10.000 USD bình quân đầu người rồi. Đây là một thái độ chấp nhận thua kém vĩnh viễn. Với một mục tiêu khiêm nhường như vậy, người ta có quyền tự hỏi đảng cộng sản nhân danh cái gì để kiêu hãnh? Điều thực sự đáng chú ý là đảng cộng sản thực sự quyết tâm ngăn chặn kinh tế tư nhân, bởi vì mục tiêu

đặt ra cho năm 2020 là kinh tế quốc doanh chiếm 60% GDP.

Phần mục tiêu kinh tế cho tới năm 2000 giống như một bản liệt kê giá cả hàng hóa, các con số được đưa ra một cách tùy tiện, điều đáng nói là quyết tâm *"không để đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa"* (khẩu hiệu này được nhắc lại nhiều lần trong tài liệu). Như vậy chắc chắn sẽ có mâu thuẫn lớn với kinh tế thị trường. Cũng khiêm tốn không kém mục tiêu năm 2020, mục tiêu cho năm 2000, được trình bày chi tiết hơn trong tài liệu II (Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội) là bước vào thế kỷ 21 Việt Nam sẽ chỉ còn (!?) 10% dân chúng thiếu ăn và 30% trẻ em thiếu dinh dưỡng.

Một mục tiêu khác cho tới năm 2000 là *"giữ vững bản chất giai cấp công nhân"* cho đảng và, dĩ nhiên, chống diễn biến hòa bình.

Phần thứ ba (Định Hướng Phát Triển Các Lĩnh Vực Chủ Yếu) dành hơn ba trang để nhắc lại và kể lể những mục tiêu kinh tế và những con số không căn cứ, với rất nhiều trùng hợp với phần trước và với tài liệu II (Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế) để rồi đề cập đến "Chính sách đối với các thành phần kinh tế": kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước.

Kinh tế nhà nước được quy định chiếm 60% GDP, bốn thành phần khác chia nhau 40% còn lại. Kinh tế hợp tác, chủ yếu là các hợp tác xã, một hình thức kinh doanh đã phá sản hoàn toàn và chỉ còn là một kỷ niệm buồn, sẽ được hồi sinh và đặc biệt nâng đỡ, nhưng sẽ phải hoạt động bất chấp qui luật cổ phần mà theo một qui luật "dân chủ" kỷ cực đo nhà nước áp đặt (8). Kinh tế cá thể, tiểu chủ sẽ bị bóp nghẹt, hoặc sẽ phải đi vào các hợp tác xã, hoặc sẽ không được phép phát triển (9), kinh tế tư bản tư nhân sẽ bị theo dõi và kiểm soát, nhà nước sẽ can thiệp thường xuyên vào công việc kinh doanh, chính sách của nhà nước là không cho tư nhân kinh doanh về dịch vụ (10). Kinh tế tư bản nhà nước, được định nghĩa là hợp doanh giữa nhà nước và tư bản tư nhân trong và ngoài nước, được trao vai trò động viên vốn và kỹ năng của tư bản để... xây dựng chủ nghĩa xã hội (11).

Đoạn này, dù không được trình bày nổi bật, có lẽ là đoạn quan trọng nhất trong tài liệu. Trên thực tế có thể nói người Việt Nam sẽ bị cấm kinh doanh.

Đoạn này khẳng định rõ rệt đường lối cộng sản và rất phù hợp với chọn lựa giữ nguyên vai trò lãnh đạo độc quyền của đảng và chủ nghĩa xã hội. Các nhà lý luận của đảng cộng sản Việt Nam đã nhận ra mâu thuẫn cơ bản giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội và họ đã lấy quyết định bẻ gãy kinh tế thị trường. Nếu họ không nói thẳng ra thì cũng chỉ vì họ sợ gây hoảng hốt trong dân chúng mà thôi. Chọn lựa này trái hẳn với những khuyến cáo của các định chế tín dụng và tiền tệ quốc tế và chắc chắn sẽ đưa Việt Nam vào thế bị cấm vận trên thực tế, với hậu quả không tránh khỏi là suy thoái. Có thể tiên liệu rằng chính sách nghịch thường và duy ý chí này sẽ không thể thực hiện được vì xã hội Việt Nam đã đi tới một tình trạng trong đó kinh tế thị trường không thể đảo ngược được nữa, nhưng trước khi phá sản nó sẽ gây ra những thiệt hại rất lớn cho Việt Nam.

Chọn lựa kinh tế này có lẽ ông Đào Duy Tùng đã lãnh ý từ Bắc Kinh sau chuyến viếng thăm Trung Quốc của ông. Nó phù hợp với khuynh hướng xiết lại đang được nhận thấy tại Trung Quốc. Nhưng những người lãnh đạo Bắc Kinh có lẽ sẽ khôn ngoan hơn, họ sẽ không làm tất cả những gì họ đã khuyến ông Đào Duy Tùng để đưa đất nước họ vào suy thoái. Họ chỉ xúi dục, và ông Đào Duy Tùng đã dại.

Chọn lựa cơ bản đã như vậy, các phần sau của "Định Hướng Phát Triển" chỉ là những quảng diễn nhạt nhẽo, viết cho có lệ, có cũng được mà không có cũng được. Ban soạn thảo Báo Cáo Chính Trị đã không chứng tỏ một ưu tư nào cho những đoạn sau, họ không lưu ý cả đến những mâu thuẫn quá rõ ràng. Chẳng hạn như câu *"khuyến khích mạnh tiết kiệm và đầu tư"*. Thế nào là "khuyến khích mạnh"? Và tư nhân nào sẽ tiết kiệm để đầu tư khi biết trước số phận dành cho họ là sát nhập vào các hợp tác xã - điều hành theo lối mỗi người một phiếu như nhau bất luận vốn đóng góp là bao nhiêu - hay sẽ phải đứng lại ở tầm vóc vệ tinh cho các hợp tác xã? Hay câu *"công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tài liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất"* (trang 33) Người đọc không khỏi cau mày buồn cho đất nước bị rơi vào tay những cấp lãnh đạo như thế!

Đoạn nói về định hướng quốc phòng và an ninh có hai câu đáng chú ý: *"kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh"* và *"tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với*

quốc phòng và an ninh". Như thế có nghĩa là quân đội và công an sẽ được phép kinh doanh làm giàu bù lại với sự phục tùng bộ máy đảng. Dễ hiểu, khi lý tưởng không còn nữa người ta lấy quyền lợi vật chất để tranh thủ sự trung thành.

Đoạn viết về "Thực hiện đại đoàn kết dân tộc", nếu tách rời khỏi toàn văn của Báo Cáo Chính Trị có thể chấp nhận được (12). Ngoại trừ nửa câu "...không trái với lợi ích chung của dân tộc", vừa mơ hồ vừa chủ quan, không có gì cần bàn cãi nhiều.

Nhưng ai được quyền nhận định thế nào là "trái với lợi ích chung của dân tộc" là cả một vấn đề. Nếu đó là do đảng cộng sản quyết định, như người ta có thể hiểu thì lại chẳng có gì mới, đâu vẫn hoàn đó, những người dân chủ ôn hòa đang mòn mỏi trong các nhà tù, như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Quảng Độ, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu vẫn tiếp tục ở tù. Chắc chắn là như vậy vì ngay sau những mỹ từ về đoàn kết dân tộc, đảng cộng sản vội vã khẳng định lại vai trò lãnh đạo độc quyền của mình và lớn tiếng đe dọa những người khác chính kiến (13).

Có lẽ vì lo ngại sẽ không kiểm soát hoàn toàn được Quốc Hội, phe thủ cựu chủ trương giảm quyền lực của Quốc Hội. Quốc Hội từ đây sẽ chỉ có vai trò giám sát vòng ngoài mà không còn quyền kiểm tra, thanh tra và kiểm soát (14). Đây là một sự dẫm đạp lên hiến pháp bởi vì theo hiến pháp hiện hành Quốc Hội là cơ quan quyền lực cao nhất và có tất cả mọi quyền.

Một phần riêng của Báo Cáo Chính Trị, phần thứ tư và cũng là phần chót, dành cho mục tiêu "Xây Dựng Đảng Ngang Tầm Đòi Hỏi Của Thời Kỳ Mới".

Phần này nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần "kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh" và "nguyên tắc tập trung dân chủ". Phải chăng để thuyết phục chính mình về một lập trường mà chính mình cũng thấy là không đứng vững?

Sự phân hóa và chia rẽ trong nội bộ đảng có thể nhận thấy. Báo Cáo Chính Trị nhận định chia rẽ nội bộ đã gây thiệt hại lớn cho đảng (15). Sự suy yếu của đảng được thể hiện phần nào qua một câu có âm hưởng của một sự hốt hoảng: "Đảng phải mạnh từ trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành". Nhưng làm sao mạnh được khi một thiểu số bất chấp đại bộ phận đảng viên áp đặt lập trường và quyền lực của mình, thậm chí tuyệt đại đa số không được đọc ngay cả cương lĩnh chính trị của đảng?

Thấy rõ nguyên nhân suy thoái của đảng là mất đồng thuận, Báo Cáo Chính Trị đặt nặng yêu cầu nâng cao "bản lĩnh chính trị" (cụm từ này được lập lại nhiều lần), nghĩa là học tập "chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh" để đi đến nhất nguyên về tư tưởng (16).

Ông Võ Văn Kiệt và những đảng viên ủng hộ ông cần đọc kỹ trang 46 và 47 của Báo Cáo Chính Trị dành riêng cho họ. Họ phải chấm dứt mọi phát biểu không "phải đạo" và không được phổ biến tài liệu mật (17). Cả nhân hai ông Võ Văn Kiệt và Phan Văn Khải bị nhắm vì có vợ con kinh doanh phi pháp (18). Từ nay tất cả phải đi vào nền nếp dưới sự lãnh đạo của bộ máy đảng (19). Nên lưu ý về Đại Hội Toàn Quốc của đảng. Nếu có bầu trong toàn bộ đảng viên chắc chắn phe ông Kiệt sẽ thắng thế với tỷ số không dưới 2/3. Nhưng lại chỉ có bầu giữa các đại biểu đại hội và các đại biểu này phần lớn do bộ máy đảng trong tay ông Đào Duy Tùng chỉ định cho nên phe ông Đào Duy Tùng sẽ thắng thế tại đại hội. Nói rằng đảng viên phải phục tùng đại hội và Ban Chấp Hành Trung Ương do đại hội bầu ra chẳng khác gì nói phải phục tùng phe ông Đào Duy Tùng.

Để ngăn chặn trước ý đồ của phe ông Kiệt dựa vào quần chúng đảng viên kinh chống với bộ máy, Báo Cáo Chính Trị đe dọa những biện pháp kỷ luật nặng nề (20).

Việc thăng tiến của đảng viên từ nay sẽ chủ yếu dựa trên tiêu chuẩn trung thành: "coi trọng cả đức lẫn tài, đức là gốc". Người ta có thể nhớ lại đề dăng khẩu hiệu "hồng hơn chuyên" của những thập niên trước.

Đoạn 6 của phần xây dựng đảng được dành cho "đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng". Lần này ngôn ngữ bị chà đạp trắng trợn, vì "đổi mới" ở đây hoàn toàn có nghĩa là trở về với cái cũ và cái rất cũ. Bộ máy đảng định đoạt tất cả, cá nhân đảng viên hoàn toàn không có vai trò nào ("lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên"); đảng "theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của nhà nước". Các chi bộ của đảng sẽ chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng thay vì trước các thủ trưởng. Đây là công thức của những năm chiến tranh. Báo Cáo Chính Trị gọi đó là "đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng".

Điều kinh khủng hơn hết là lần này "sự lãnh đạo của đảng cần thể chế hóa thành

luật pháp". Câu ngắn ngủi này tự nó được viết thành một đoạn riêng. Quốc hội bù nhìn trong tương lai gần sẽ phải biểu quyết những đạo luật xác định vai trò lãnh đạo của đảng. Nếu có những người đang đòi bỏ điều 4 của Hiến Pháp qui định vai trò lãnh đạo của đảng, thì ngược lại phe ông Đào Duy Tùng cảm thấy điều 4 vẫn chưa đủ, cần phải xác định rõ ràng và chi tiết hơn nữa bằng những đạo luật để sự lãnh đạo của đảng trên nhà nước vừa hợp hiến vừa hợp pháp. Thế là chấm dứt chủ trương phân biệt đảng và nhà nước. Việc biểu quyết một đạo luật cho phép bộ máy đảng kiểm tra, cắt đặt các bộ trưởng chính phủ do Quốc Hội bổ nhiệm và chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc Hội.

Đoạn 7, đoạn chót của phần xây dựng đảng và cũng là đoạn chót của Báo Cáo Chính Trị sau khi nhấn mạnh "vị trí cực kỳ quan trọng" của việc kiểm tra, nghĩa là theo dõi và hạch sách của đảng đối với nhà nước ("lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không lãnh đạo"), khẳng định quyền "xử lý sai phạm" của đảng. Bộ máy nhà nước như vậy sẽ hoàn toàn thành bù nhìn.

Đoạn này, và Báo Cáo Chính Trị, chấm dứt bằng một câu vô tội vạ như sau:

"Củng cố, kiện toàn bộ máy kiểm tra các cấp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kiểm tra về đường lối, quan điểm, pháp luật, kinh tế, về nghiệp vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất chính trị tốt, công tâm, trong sạch, đủ năng lực, kể cả năng lực kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng".

Báo Cáo Chính Trị không có mở đầu và cũng không có kết luận. Nó không nhắc lại lịch sử hoạt động của đảng và cũng không đề cập đến tương lai. Không một lời kêu gọi làm nức lòng người, không một đoạn nào phấn khởi hồ hởi. Các tác giả của Báo Cáo Chính Trị không làm một cố gắng nào để thuyết phục bất cứ ai. Văn phong của tài liệu bộc lộ một tâm lý bi quan và lì lợm của kẻ biết mình bị mọi người thù ghét, không còn hy vọng chiếm được thiện cảm của ai, một tâm lý xác xược nhưng chủ bại. Một đạo quân dù hùng hậu đến đâu cũng vẫn thất bại nếu đã mang sẵn cái thất bại ở trong tâm hồn. Nhưng phe thủ cựu của đảng cộng sản Việt Nam không hùng hậu, họ bị toàn dân thù ghét và bị thiểu số ngay trong đảng. Thất bại là chắc chắn. Và thất bại sẽ rất bi đát vì nó tỷ lệ thuận với sự xác xược và liều lĩnh. Ngay cả những người lãnh đạo rất bao dung và quảng đại sau này cũng khó tránh cho họ công lý của quần chúng nếu

họ không sớm tỉnh ngộ.

Đảng cộng sản Việt Nam đã gây ra muôn vàn đổ vỡ về tinh thần và vật chất cho đất nước, và đã biến đất nước thành một vùng nước đọng, giò đày phe bảo thủ còn muốn triệt tiêu mọi hy vọng đổi mới để đưa đất nước trở lại một chế độ tồi tệ với một viễn ảnh phả sản thấy rõ. Họ còn sẽ làm trầm trọng hơn nguy cơ chia rẽ Nam-Bắc bởi vì phe ông Đào Duy Tùng chủ yếu là người miền Bắc, phe ông Kiệt nhiều hậu thuẫn tại miền Nam và có tất cả mọi triển vọng họ sẽ sử dụng tối đa lá bài Nam-Bắc nếu bị loại bỏ khỏi bộ máy đảng.

Trong những ngày sắp tới phe Đào Duy Tùng sẽ phải áp đặt những tay sai vô điều kiện vào đại hội để biểu quyết cho họ và họ sẽ phá vỡ đảng cộng sản. Họ sẽ phải cắt đặt những tay sai vô điều kiện vào quốc hội để biểu quyết những đạo luật cơ chế hóa sự lãnh đạo của bộ máy đảng trên nhà nước, và họ sẽ nhằm nhী hóa hoàn toàn chế độ cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Họ sẽ gặp những chống đối mạnh hơn họ.

Không thể nào tưởng tượng một sự mù quáng đến mức độ ấy. Chắc chắn ông Đào Duy Tùng và vây cánh của ông không đến nỗi điên dại như vậy. Chiến lược của họ chỉ có thể là đưa ra một đường lối hoàn toàn không thể chấp nhận được cho phe Võ Văn Kiệt để loại trừ phe này và sau đó thay đổi đường lối. Nhưng đây là là một tính toán cực kỳ liều lĩnh. Có tất cả mọi xác suất là họ sẽ thất bại và gây đổ.

Và nếu như thế thì bản Báo Cáo Chính Trị này có công dụng của nó. Nó tạo ra một hòa giải dân tộc giữa tất cả mọi lực lượng dân chủ hay hướng về dân chủ chống lại phe thủ cựu, nó tạo ra một làn sóng chống đối mãnh liệt có khả năng cuốn phăng đi cả đảng lẫn chế độ cộng sản, cho phép đất nước hiện ngang tiến vào thế kỷ 21 với đáng đi dân chủ.

Điều cuối cùng xin được nói ra ở đây là, mặc dầu thực tại khó khăn, không có một định mệnh nào bắt đất nước ta phải thua kém viễn viễn hay lâu dài.

Không làm gì có một liên hệ tỷ lệ giữa đầu tư và tăng trưởng, đầu tư 35% GDP, phát triển 10%, v.v... Chúng ta là quốc gia bệnh hoạn và nếu không dứt bệnh hoạn có thể phát triển một cách rất phi thường, ngoài tất cả mọi công thức ước lệ, như một người mới ốm dậy phục hồi sức khỏe một cách mau chóng. Chúng ta có thể phát triển 15% hay 20% mỗi năm, hay hơn nữa, mà không cần phải áp đặt những chịu đựng quá đáng cho dân chúng. Chúng ta

có thể bắt kịp các nước trong vùng trong một thế hệ, nếu chúng ta kết hợp được với nhau để đánh bại nhóm người thiên cận và xác xược này và để thiết lập một chế độ thực sự dân chủ, động viên được mọi khối óc, mọi bàn tay và mọi trái tim Việt Nam trong cố gắng xây dựng một tương lai chung.

Nguyễn Gia Kiểng

Trích dẫn:

(1) Năm năm sau Đại hội VI là 5 năm phấn đấu gian khổ, quyết liệt: công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua. [...] Sau Đại hội VII không lâu, Liên Xô và Đảng Cộng sản Liên Xô tan rã đã tác động sâu sắc đến nước ta. Đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Một số thế lực bên ngoài đẩy mạnh những hoạt động diễn biến hòa bình, gây bạo loạn, lật đổ. Một số phần tử phản động trong nước thừa cơ ngóc đầu dậy. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách hiểm nghèo. Mặc dù hoàn cảnh phức tạp, Đảng ta và nhân dân ta vẫn kiên trì đường lối đổi mới, ra sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, phát huy thành tựu đạt được trong những năm trước, vượt qua khó khăn, trở ngại, giành thêm nhiều thắng lợi to lớn mới.

(2) Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân cả nước ta ngày càng đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ái.

(3) Dời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, vẫn đồng bào dân tộc, còn quá khó khăn. Chất lượng phục vụ y tế, giáo dục, đào tạo ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm tốt.

(4) Điều quan trọng ngay từ đầu chúng ta đã xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp.

(5) Bài học lớn là dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phải chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Dứt khoát không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng

đối lập.

(6) Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hóa giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu chính đáng, vừa coi trọng xóa đói giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người đều khá giả.

(7) Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc luôn chia mùi nhọn vào Đảng, tập trung sức phá hoại nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng. Thủ đoạn họ thường dùng là xuyên tạc lịch sử, gieo rắc hoài nghi, phủ nhận thành tựu cách mạng, phủ nhận sự hy sinh và công lao của những người cộng sản, thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt họ lợi dụng những kẻ cơ hội, phản bội về chính trị, hoặc thoái hóa về phẩm chất đạo đức để phá hoại sự đoàn kết thống nhất của Đảng từ bên trong.

(8) Hình thức hợp tác có nhiều triển vọng là hợp tác xã cổ phần, được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền định đoạt ngang nhau đối với công việc chung. Nhà nước giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Tập trung tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, củng cố và phát triển vững chắc những loại hình kinh tế hợp tác theo các phương hướng và nguyên tắc nêu trên.

(9) Hướng dẫn, vận động kinh tế cá thể, tiểu chủ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

(10) Khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất. Bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng luật pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp dành cổ phần ưu đãi để bán cho người lao động tại doanh nghiệp. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa chủ và thợ trên cơ sở bảo đảm lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

(11) Kinh tế nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cần phát triển đa dạng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

(12) Đảng cần lãnh đạo, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao và chiều sâu mới, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài phát huy truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc vì mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, tiến lên, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa

binh, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Đại đoàn kết phải lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

(13) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

(14) Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội. Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác.

(15) Tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa đọa về đạo đức và lối sống đang là vấn đề nhức nhối. Một số ít thoái hóa về phẩm chất chính trị, chống lại Đảng; tuy là số rất nhỏ nhưng hoạt động của họ gây hệ quả rất xấu.

(16) Căn cứ vào Cương lĩnh và các văn kiện khác của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.

(17) Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, mất niềm tin và chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Đảng viên có quyền được phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm sai trái với quan điểm, đường lối của Đảng, không được tán phát tài liệu, làm lộ bí mật của Đảng và của quốc gia. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc đảng hoặc lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng.

(18) Quy định trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng và con làm ăn phi pháp; định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở trung ương và địa phương không được phép làm. Đảng viên không được làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân.

(19) Thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban

Toàn dân Palestine đi bầu

Palestine chưa phải là một quốc gia. Lãnh thổ Palestine hiện nay chỉ là những vùng đất vừa được tự trị. Ngày 20-1-1996, hơn 1 triệu người Palestine ghi danh đi bầu Chủ tịch và 88 thành viên trong Hội Đồng Quản Trị vùng tự trị Palestine.

Đây là lần đầu tiên người Palestine được tham dự một cuộc bầu cử tự do. Họ đi bầu trong những điều kiện vô cùng khó khăn. Vì vấn đề chính trị và an ninh, chính phủ Do Thái chỉ cho phép 4.400 cử tri trên 70.000 ghi danh đi bầu tại Đông Jérusalem. Những người khác phải đi bầu ở ngoại ô. Ngoài ra còn có khoảng 3.000 tù nhân Palestine còn bị giam giữ trong tù. Nhóm quá khích Do Thái, nhất là nhóm ở vùng Hébron biểu tình phản đối bầu cử vùng tự trị. Nhóm quá khích Hồi giáo Hamas chủ trương không tham gia bầu cử. Hai đảng Mặt trận Dân chủ Giải phóng Palestine, và Mặt trận Nhân dân kêu gọi tẩy chay. Một nửa số cử tri Palestine vùng Hébron phản đối không chịu đi bầu dưới sự kiểm soát của quân đội Do Thái. Nhiều nơi cử tri ở cách xa phòng phiếu nhiều cây số. Ở Đông Jérusalem dân Palestine phải đi bầu ở nhà bưu điện. Thùng phiếu ở đây không được gọi là thùng phiếu, giống như một hộp thư.

Tuy vậy, dân Palestine vẫn háo hức đi bầu. Ngay từ sáng sớm, hàng ngàn người, đặc biệt là phụ nữ Palestine đã xếp hàng từ lâu trước giờ mở cửa phòng phiếu. Nhiều gia đình bỏ công ăn việc làm đi bầu. Có gia đình không ngần ngại bỏ tiền đi taxi đi

bầu. Đài truyền hình Pháp cho thấy vài hình ảnh ngày đi bầu sống động như ngày hội. Một cụ già nói rất chân thành: "Tôi mơ ước từ rất lâu được đi bầu, được bày tỏ nguyện vọng của mình, nay giấc mơ ấy đã thành sự thật. Chưa bao giờ tôi sung sướng như vậy". Một gia đình khác nói đây là ngày rất quan trọng của Palestine, không đi bầu không được. Tại Cisjordanie, tỷ lệ người đi bầu là 75%, tại Gaza, tỷ lệ lên đến 93 %.

Ông Yasser Arafat, tuy là người đứng đầu đảng Tổ chức Giải phóng Palestine, đảng lớn và uy tín nhất, chỉ đắc cử với tỷ lệ 88,1%. Người tranh cử chức chủ tịch với ông, ít người biết đến, không có uy tín như ông Arafat, cũng được trên 9%. Số phiếu trắng là 3%. Khoảng 40 trên 88 thành viên hội đồng quản trị đắc cử không thuộc đảng ông Yasser Arafat. Không một ai độc diễn. Không một ai đắc cử với tỷ lệ 99 %, tỷ lệ tối thiểu tại các xứ độc tài hay xã hội chủ nghĩa. Những con số này cho phép thấy được tính cách tự do của cuộc bầu cử. Palestine chưa bao giờ có bầu cử. Người dân Palestine dân trí không cao, rất thiếu thốn, nghèo đói, sống trong cảnh chiến tranh, tị nạn nửa thế kỷ nay, sao họ lại tha thiết với bầu cử như vậy? Những người chưa có một quốc gia, còn nhiều phân hóa, chia rẽ, còn chịu nhiều kiểm soát, kìm kẹp của Do Thái, không có truyền thống dân chủ, vậy mà đã tổ chức được một cuộc bầu cử tự do. Thấy mà ham.

NTC (Paris)



Chấp hành Trung ương Đảng và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số; mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

(20) Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng và tổ chức của Đảng đều phải bị xử lý kỷ luật nặng.

THÔNG LUẬN Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:
Association VietNam Fraternité, 24
Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Gaullisme và Davos

Diễn đàn thế giới về kinh tế (World Economic Forum) lần thứ 26 đã được tổ chức tại Davos, một trung tâm trượt tuyết cách thành phố Zurich (Thụy Sĩ) hai giờ xe hơi. Diễn đàn này bắt đầu từ mùng 1 đến mùng 6 tháng hai 1996, quy tụ các trí thức, các nhà lãnh đạo chính trị, kinh tế, tài chính, thương gia, kỹ nghệ gia ... trên toàn cầu, trao đổi ý kiến và suy nghĩ về nền kinh tế thế giới. Chủ đề năm nay là : **ủng hộ cuộc toàn cầu hóa (kinh tế) .**

Toàn cầu trở thành một thị trường. Hiện tượng toàn cầu hóa kinh tế được Renato Ruggiero, lãnh đạo Tổ chức thương mại thế giới, đề cao khi ông tuyên bố : Vào năm 1995, cuộc trao đổi thương mại tăng trưởng ba lần nhanh hơn tăng trưởng sản xuất. Đó là một bằng chứng hiện tượng toàn cầu hóa càng ngày càng tăng. Larry Summers, thứ trưởng kinh tế Hoa Kỳ thêm rằng: Trong năm năm nữa, cái hố cách biệt giữa trao đổi thương mại và sản xuất càng ngày càng rộng hơn.

Ngoài ra, thế giới càng ngày càng chấp nhận cạnh tranh như là nguyên động lực. Bằng chứng, Mexico sau cuộc khủng hoảng tài chính vào cuối năm 1994, đáng lẽ phản ứng như cách đây mười năm là đóng cửa các biên giới, ngược lại đã chấp nhận mở cửa cạnh tranh. Nhờ đó, cán cân ngoại thương đã tăng 20 phần trăm vào năm 1996, với 80 tỷ USD nhập khẩu và 100 tỷ USD xuất khẩu.

Trong các biểu văn được dùng tại Davos, tinh từ quốc tế đã được thay thế bằng tinh từ toàn cầu, tuy rằng hai tinh từ này trên mặt văn chương được xem như đồng nghĩa. Bởi vì, theo các chuyên gia Davos, tinh từ quốc tế bao hàm liên hệ giữa các quốc gia, trong khi đó tinh từ toàn cầu ám chỉ một thế giới không biên giới, như không gian Cyber (Cyberespace, Cyberspace) mà kỹ thuật đang thịnh hành trên thế giới là mạng lưới Internet. Tại Davos, các cuộc nói chuyện, diễn thuyết về không gian cyber đều thu hút rất nhiều người nghe và lúc nào cũng treo bảng hết chỗ. Những nhân vật quan trọng nắm trong tay quyền quyết định vận mạng kinh tế toàn cầu cảm thấy nhu cầu bức thiết tìm hiểu cái không gian vô hiện hữu, vô luật này. Không gian cyber có thể luân

lưu 1000 tỷ USD vào năm 2000 lại mang tính phản chủ quyền (anti-souveraineté); triệt tiêu các biên giới, mọi biên giới : không gian, thời gian, luật lệ ... Thiên niên kỷ thứ 21 với không gian Cyber sẽ mở ra một biên cương mới cho kinh tế, chính trị với những luật chơi mới, những quan niệm mới. Đất nước nào, dân tộc nào không chuẩn bị sẽ đi vào năm hai ngàn với những thua thiệt lớn.

Trong cuộc hội thảo với đề tài Kinh tế thế giới vào năm 2000, dưới sự điều hợp của kinh tế gia Rudi Dornbusch (giáo sư đại học nổi tiếng MIT), quy tụ những đỉnh cao trí tuệ như : Lawrence Summers, thứ trưởng tài chính Hoa Kỳ, Hans Tietmeyer, chủ tịch Ngân hàng trung ương Đức (Bundesbank), và Jean Claude Trichet, thống đốc Ngân hàng trung ương Pháp, các tham dự viên được mời cho ý kiến về câu hỏi: quốc gia nào là đại cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới, vào thiên niên kỷ tới ? Các câu trả lời đều nhất trí cho Hoa Kỳ sẽ đứng đầu với 82 phần trăm phiếu, Đức với 8 phần trăm, một vài phần trăm cho Nhật Bản, Trung Quốc hay Ấn độ. Nước Pháp, hiện nay đứng hàng thứ tư đã không được các tham dự viên nhắc đến. Điều hợp viên Rudi Dornbusch, vốn nổi tiếng có óc khôi hài, châm biếm, đã quay qua hỏi Jean Claude Trichet : Nước Pháp không được kể trong số năm cường quốc kinh tế, phải chăng nước Pháp sẽ trở thành một tỉnh của Đức? Cử tọa đã cười rộ.

Cùng lúc đó, tổng thống Pháp, Jacques Chirac trong cuộc thăm viếng chính thức vào đầu tháng hai 1996 tại Hoa Kỳ đã tuyên bố tại điện Capitol : Ngày hôm nay cũng như trước đây, thế giới cần tới Hoa Kỳ. Sự dẫn thân của Hoa Kỳ còn cần thiết cho hòa bình, dân chủ và phát triển. Sau những kêu gọi cải tổ cơ cấu quân sự của Tổ chức Minh ước Bắc Đại Tây Dương (NATO), tổng thống Chirac mong muốn nước Pháp là một bạn chơi ưu đãi của Hoa Kỳ trong lãnh vực kinh tế. Trong cuộc nói chuyện trước 500 thương gia do Câu Lạc bộ kinh tế Chicago (Economic Club of Chicago) mời, tổng thống Chirac, để đánh tan những thành kiến cho rằng nước Pháp chỉ sản xuất pho mát, rượu vang, xa xỉ phẩm, đã cho biết : nước Pháp là nước mà

số hàng xuất khẩu bình quân trên đầu người lớn hơn Mỹ và Nhật Bản. Một phần ba sản phẩm kỹ nghệ do các tổ hợp trong đó các đầu tư ngoại quốc chiếm đa số vốn.

Tổng thống Chirac, được xem như là nhân vật kế thừa của chủ thuyết do de Gaulle sáng lập, được gọi là Gaullisme. Thuyết này chủ trương một nước Pháp mạnh, đứng ngoài phạm vi ảnh hưởng của cái dù nguyên tử Hoa Kỳ. Do đó nước Pháp dưới thời tổng thống de Gaulle đã chế tạo bom nguyên tử, rút ra khỏi các cơ quan quân sự của NATO. Chủ trương độc lập này đã có một hệ luận là nước Pháp phải mạnh về kinh tế và một hậu quả là tinh thần quốc gia pha lẫn ít nhiều tính bài Mỹ đã trở thành lá chắn của chính trị đối ngoại Pháp. Do đó khi tổng thống Chirac qua Washington kêu gọi cải tổ NATO, ông đã đi ngược lại truyền thống Gaullisme. Và khi kêu gọi tư bản Mỹ đầu tư vào Pháp ông đã làm một việc trên thực tế thủ tướng của ông ta, Alain Juppé, phải làm.

Có nhiều lý do để giải thích cái nghịch lý trong hành động của tổng thống Chirac. Nhưng có lẽ lý do thích đáng nhất là bằng hành động này ông ta đã trả lời một cách gián tiếp câu hỏi châm biếm của Rudi Dornbusch tại Davos và cũng nhân dịp đó khơi động tinh thần chinh phục của dân Pháp, cũng là đề tài một tham luận ký tên Jacques Chirac đăng trên nhật báo chính trị Le Monde, cùng ngày lên đường Mỹ du. Nước Pháp sau 14 năm dưới quyền cai trị của cựu tổng thống F. Mitterrand, không có những cải tổ cấu trúc về kinh tế, xã hội, tài chính cần phải có để theo kịp đà toàn cầu hóa. Nhà nước Pháp phải cứu mang các xí nghiệp công làm ăn lỗ lã. Dân Pháp lại bảo thủ, có đầu óc xem trọng những quyền lợi riêng (corporatisme). Sau thất bại của thủ tướng Juppé trong cố gắng cải tổ vào cuối năm 1995, đây là dịp tổng thống Chirac gởi cho dân Pháp thông điệp thức tỉnh. Nhìn dưới góc độ này, đó là một viễn kiến chính trị rất lớn.

Một cái nhìn nhanh về Việt Nam: Bảo cáo chính trị của đảng CSVN sửa soạn cho đại hội VIII chủ trương gia tăng kinh tế quốc doanh, không chịu tách rời đảng ra khỏi nhà nước ...nghĩa là đi ngược lại xu hướng toàn cầu hóa. Đại đa số dân ta không có hoàn cảnh để có viễn kiến lớn, nhà cầm quyền cũng không có viễn kiến lớn. Đó là một bất hạnh lớn cho nước ta.

Huỳnh Hùng

Cơ sở cất cánh của các con "rồng"

Diệp Tường Bảo

Quan điểm của chính giới Việt Nam, về các con "rồng" là một trong những biện chứng đảo ngược chông chênh trong lịch sử. Sau nhiều thập niên thù hằn và khinh bỉ, bây giờ chính quyền cộng sản lại đề cao các quốc gia này, tôn họ lên hàng gương mẫu phát triển. Mặt khác, các thành phần quốc gia vốn có thiện cảm với những chế độ tư bản độc tài, không khỏi cảm thấy bị phản bội khi chứng kiến cảnh những đồng minh cũ ngày càng quan hệ thân mật với kẻ thù. Trên địa bàn văn hóa, một trận đánh âm thầm nhưng chủ yếu diễn ra quanh "chủ nghĩa" Khổng Tử mà chế độ cộng sản muốn lợi dụng để biện minh cho sự độc tài chuyên chế của họ. Tuy nhiên, vấn đề quá quan trọng để chúng ta có thể nhìn nó với những thành kiến bề ngoài. Muốn ước lượng đúng mức khả năng để Việt Nam phát triển theo kiểu mẫu các con "rồng", chúng ta hãy phân tách những yếu tố đã cho phép các nước này cất cánh. "Rồng" là danh hiệu chỉ các "nước hậu kỳ nghệ mới" (*new post-industrial country*) A châu, tức những nước mà kỹ thuật cao cấp và dịch vụ tài chính đã bắt đầu đóng một vai trò kinh tế quan trọng hơn công nghiệp nặng và kỹ nghệ sơ đẳng. Ngày nay, bốn nước xứng đáng với cái tên "rồng" là Đại Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba và Hương Cảng nhưng trường hợp Hương Cảng sẽ ít được đề cập đến, vì nó không phải là một lãnh thổ độc lập nên không có những ưu tư của một quốc gia.

Viện trợ của Hoa Kỳ

Đại Hàn, Đài Loan và Tân Gia Ba đã bắt đầu phát triển mạnh từ thập niên 60, dựa trên tình trạng đối kháng giữa hai khối tư bản và cộng sản: sự tranh giành ảnh hưởng giữa các siêu cường quốc đã khiến Mỹ sẵn sàng bỏ ra những số tiền khổng lồ để giúp các quốc gia đồng minh. Đối với Đại Hàn và Đài Loan, sự tiếp tế của Hoa Kỳ đã từ 5% lên đến 10% Tổng Sản lượng Quốc gia (TSLQG). Những số tiền to lớn đó đã cho phép những nước này trang bị hạ tầng cơ sở và đồng thời công nghiệp hóa nền kinh tế và nâng cao mức sống dân chúng. Vào những năm 70, khi Đại Hàn và Đài Loan trở thành những cường quốc xuất cảng, Hoa Kỳ thay đổi hình thức giúp đỡ bằng cách chuyển nó thành những tín dụng thương mại. Từ 1951 đến 1965,

Mỹ đã tài trợ cho Đài Loan 1.465 triệu Mỹ kim, tức 10 Mỹ kim một đầu người mỗi năm, đó là không kể phần viện trợ dưới hình thức nguyên liệu mà trị giá tương đương với 30% nhập khẩu của hải đảo này. Về phía Đại Hàn, sự giúp đỡ của Mỹ từ 1945 đến 1969 đã là 3.285 triệu Mỹ kim, tức 6,6 Mỹ kim một đầu người mỗi năm. Từ 1954 đến 1965, viện trợ Mỹ tương ứng với 47% tổng trị giá nhập khẩu của Đại Hàn. Tân Gia Ba không có tầm quan trọng địa lý chính trị của Đại Hàn và Đài Loan vì nó vừa nhỏ, vừa nằm chính giữa Mã Lai Á và Nam Dương; do đó hải đảo này đã không hưởng được một viện trợ bên ngoài đáng kể nào cả. Tuy nhiên, Mỹ đã tham gia một cách gián tiếp vào sự phát triển của Tân Gia Ba qua những đầu tư quan trọng vào nền kinh tế của hải đảo: từ 1973 đến 1984, phần đầu tư của Mỹ, so với tổng số đầu tư tại đây đã là 38%.

Kỹ nghệ hóa bằng xuất khẩu

Một nguyên nhân bên ngoài khác giải thích sự thành công nhanh chóng của các con "rồng" là họ đã là những quốc gia đầu tiên lấy xuất khẩu làm nền tảng công cuộc kỹ nghệ hóa. Vào các năm 60, có ba mô hình phát triển. Mô hình thứ nhất, có thể gọi là "tân thực dân" chủ trương rằng những quốc gia mới độc lập tiếp tục giữ vai trò cung cấp nguyên liệu cho các nước kỹ nghệ, và nhập khẩu vật liệu công nghiệp mà họ cần. Các nước Phi châu với những kho tàng khoáng sản vĩ đại, những quốc gia Á Rập với mỏ dầu hỏa, thậm chí những nước A châu có nhiều tài nguyên thiên nhiên như Nam Dương, Mã Lai Á, Thái Lan, ít nhiều đã áp dụng mô hình nói trên. Mô hình thứ hai chủ trương, theo gương mẫu Liên Xô và Trung Quốc, "cắt đứt với chế độ tư bản" để mỗi quốc gia phải cố gắng sản xuất tối đa theo khả năng của mình ngõ hầu giới hạn triệt để những quan hệ với nước ngoài. Một số quốc gia Mỹ La Tinh và lê dĩ nhiên tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đã thử phát triển theo đường lối này. Kết quả là vào thời đó, các nước Tây phương là những quốc gia duy nhất sản xuất hàng hóa công nghiệp có chất lượng và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế nhưng tiền công tại các nước này lại rất cao. Do đó, có một cơ may lớn cho những quốc gia muốn đầu

tư vào lãnh vực công nghiệp xuất khẩu có tiền công rẻ. Thế nhưng chánh sách kỹ nghệ hóa bằng xuất khẩu đã không dễ dàng như ta tưởng. Nhiều nhà kinh tế đã nghi ngờ sự lựa chọn này vì họ không tin rằng kỹ nghệ của những quốc gia đang phát triển có sức cạnh tranh với các nhóm công nghiệp quốc tế. Vì thế, gia công là cách duy nhất để bước vào thị trường quốc tế và hấp thụ kỹ thuật tiên tiến bên ngoài nhưng đối với nhiều quốc gia mới độc lập, nó biểu hiện một hình thức bóc lột không thể chấp nhận về mặt chính trị.

Tuy nhiên, những quốc gia đã sáng suốt và can đảm thi hành chiến lược nói trên được hưởng hai điều kiện vô cùng thuận lợi. Trước hết, tánh chất tiên phong của đường lối này đã khiến họ không gặp nhiều cạnh tranh trong địa hạt họ đã chọn lựa. Thứ hai, về mặt tâm lý, vào thời đó, vì Tây phương không tiên đoán rằng các con "rồng" có thể trở thành những đối thủ kinh tế nên họ đã không ngần ngại ký những hợp đồng dự tính những mức độ chuyển giao kỹ thuật rất cao. Thậm chí, một số công ty có nhiều nhu cầu nhân công như các ngành dệt, gang thép, còn nghĩ rằng xuất ngoại các đơn vị sản xuất là một phương pháp để cạnh tranh với Nhật Bản! Đầu thập niên 80, hơn 20% các xí nghiệp Đại Hàn làm gia công cho các công ty đa quốc gia. Vào thời đó, những hãng ngoại quốc có mặt tại Đại Hàn thực hiện 62% nền sản xuất, 67% xuất khẩu và 60% thương mại trong ngành điện tử. Từ 1962 đến 1983, phần lớn số vốn 4 tỷ Mỹ kim mà ngoại quốc đầu tư vào Đài Loan và Tân Gia Ba đi vào địa hạt công nghiệp. Tại Đài Loan, 30% số đầu tư đi vào các ngành điện và điện tử. Tại Tân Gia Ba, tới 1987, hầu như tất cả nền thương mại sản phẩm công nghiệp nằm trong tay những công ty nước ngoài và phần lớn sự tăng trưởng trong ngành điện tử là nhờ các hãng Mỹ.

Tinh thần dân tộc

Tuy nhiên, các con "rồng" đã không lợi dụng được các thời cơ bên ngoài nếu họ đã không có một tinh thần đoàn kết to lớn. Vào đầu thập niên 60, tất cả những nước này đều tranh đấu để sống còn. Đài Loan được xây dựng trên kỷ niệm sự thất bại nhục nhã của phe Quốc Dân Đảng trên lục địa và phải sống liên tục dưới sự đe dọa xâm lược của Hoa lục trong lúc sự bảo vệ của Hoa Kỳ ngày càng mỏng manh. Đại Hàn đã thấy cái chết trước mắt: trong cuộc chiến 50-53, thủ đô Hán Thành đã bị Bắc

Triều Tiên chiếm đóng hai lần. Can thiệp của Liên hiệp Quốc dưới sự chỉ huy của Hoa Kỳ đã có được chỉ nhờ Liên Xô vắng mặt để tẩy chay cuộc biểu quyết, một sai lầm mà họ không bao giờ lặp lại! Năm 1965, khi Tân Gia Ba bước vào độc lập, thành quốc này nằm trong một bối cảnh khu vực rất căng thẳng: sự xung đột giữa Mã Lai Á và Nam Dương đe dọa trầm trọng những giao thương trong vùng, nền tảng sự tồn tại của hải đảo. Mặt khác, Tân Gia Ba đã bị đuổi khỏi Liên bang Mã Lai Á do chính sách quan thuế của nó (2/3 ngân sách Mã Lai Á đến từ quan thuế trong khi thành quốc là một vùng miễn thuế!). Tình trạng khủng hoảng và quyết tâm phục hồi danh dự đã đoàn kết dân chúng Đại Hàn, Đài Loan và Tân Gia Ba. Mặt khác, họ được hướng dẫn bởi những lãnh tụ có một quan niệm cao cả về sứ mạng của mình. Trên bình diện dân chủ, người ta có nhiều lý do để chất vấn các lãnh tụ Đài Loan Tưởng Giới Thạch, Tưởng Kinh Quốc, Đại Hàn Syngman Rhee, Park Chung-hee, Chun Doo-ghan, Roh Tae-woo, Tân Gia Ba Lý Quang Diệu nhưng không ai có thể chối cãi họ là những người có bản lãnh và đã đưa đất nước đến phồn vinh. Mặt khác, chúng ta cũng nên lưu ý rằng nếu trong quá khứ những chế độ hiện hữu tại Đại Hàn, Đài Loan và Tân Gia Ba có thể coi là chuyên quyền "sáng suốt", chính sự "sáng suốt" đó đã khiến các nhà lãnh đạo đưa đất nước đến nền dân chủ.

Như thế, có phải chăng Khổng giáo đã được dùng làm nền tảng văn hóa cho sự phát triển của các con "rồng"? Trên điểm này, có nhiều ý kiến đối lập. Vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, nhiều tác giả cho rằng những thái độ bảo thủ, hoài cổ, phục tùng mà đạo Khổng chuyên chở đã khiến Á châu đậm chân. Nhưng bây giờ, một số nhà xã hội học lại cho rằng những đức tính Khổng giáo như kỷ luật, liên đới, giáo dục, dành dụm đã là những nhân tố then chốt cho sự cất cánh của các quốc gia Á châu. Vấn đề càng phức tạp vì Khổng giáo thể hiện qua nhiều hình thức riêng biệt tại mỗi nước. Một số nhà nghiên cứu còn cho rằng từ lâu, Khổng giáo nguyên thủy không tìm thấy ở Trung Quốc hay Đài Loan mà tại Đại Hàn. Điều chúng ta có thể chắc chắn là nếu có một Khổng giáo phù hợp với việc phát triển, đó là Khổng giáo hiểu theo ý nghĩa trọn vẹn, tức bao hàm khái niệm chánh quyền có bổn phận đối với dân chúng và tư cách của những lãnh tụ tùy thuộc ở cách họ đảm trách "dân mệnh".

Vai trò nhà nước

Vai trò của nhà nước trong sự phát triển tại những nước Á châu rõ rệt đến nỗi các nhà kinh tế nhận định sự cất cánh của các nền kinh tế qua những chương trình cải cách sâu rộng (thống nhất tỷ giá hối đoái, cải thiện hệ thống thuế má, canh tân hành chánh, v. v. ...). Ngoài công việc cải cách, nhà nước điều hành sự phát triển bằng cách xác định những ưu tiên kinh tế, định hướng chánh sách đầu tư và tạo lập những điều kiện phù hợp với mục tiêu. Nếu chánh quyền các con "rồng" cho rằng các ngành xuất khẩu phải tự túc vì có thể lợi dụng được những yếu tố quốc tế thuận lợi, họ đã không áp dụng lý luận này với những khu vực kinh tế khác. Công nghiệp nặng, kỹ nghệ cao cấp, hạ tầng cơ sở không thể phát triển chỉ nhờ cơ chế thị trường. Trong những lãnh vực này, nhà nước đóng vai trò cơ động và xí nghiệp quốc doanh có mặt trong mọi lãnh vực.

Tại Đài Loan, sự phân đôi giữa khu vực quốc doanh và tư doanh đã kết hợp với cấu trúc xã hội để đưa đến một tình trạng phân công độc đáo. Đến thập niên 80, kiều dân Hoa lục khống chế bộ máy chánh trị và giữ độc quyền trên các xí nghiệp quốc doanh trong khi thành phần bản xứ đảm trách kinh tế tư doanh, đặc biệt là địa hạt xuất khẩu. Sự thành công rực rỡ của ngành xuất khẩu đã là động lực cho sự gia nhập của thành phần bản xứ vào bộ máy lãnh đạo, trong đó Chủ tịch Lý Đăng Huy là nhân vật tiêu biểu.

Tại Đại Hàn, từ 1962, nhà nước hướng dẫn công cuộc phát triển qua kế hoạch ngũ niên với sự xác định các khu vực ưu tiên để kích thích chúng qua những quy chế đặc biệt như: công nghiệp phân bón (62-66), máy móc nông nghiệp (67-71), tàu thủy (72-76), hóa dầu (77-81), nguyên tử và điện lực (81-86), gang thép (87-91), xe hơi và điện tử (91-95).

Tại Tân Gia Ba sự can thiệp của nhà nước trong đời sống xã hội lộ liễu đến nỗi một nhà quan sát Mỹ đã từng tuyên bố nửa chơi nửa thiệt "*Tân Gia Ba là cái thí nghiệm xã hội chủ nghĩa duy nhất đã thành công*"; cũng nên nhắc lại là Đảng Hành động Nhân dân, tổ chức liên tục cai trị đảo từ ngày độc lập, chỉ rời Quốc tế Xã hội năm 1976. Vì trở ngại thứ nhất cho sự phát triển của thành quốc là dân số, chánh quyền đã áp dụng tất cả những biện pháp có khả năng giải quyết vấn đề này, kể cả những biện pháp có tính cách cưỡng bức hoặc bất công. Nhưng các nhà lãnh đạo hải đảo còn có tham vọng chế tạo một con người Tân Gia Ba mới: họ đã ban hành

những đạo luật trừng phạt gắt gao các hủ tục xả rác, khạc nước miếng, v. v. ... Vì họ muốn những thế hệ sau này xuất phát tối đa từ giai cấp ưu tú, tại Tân Gia Ba, những hộ được lãnh tiền trợ cấp là những gia đình giàu sang! Trọng tâm kế tới là thu hút ngoại tệ và kỹ thuật cao cấp bên ngoài. Để đạt đến hai mục tiêu này, chánh quyền đã biến hầu như tất cả những hải cảng thành những vùng miễn thuế và đặt ra quy chế "công nghiệp kỹ thuật tiên phong" cho phép những công ty thuộc lãnh vực này được miễn thuế trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm. Chánh sách ấy đã đạt đến những kết quả kỳ diệu: từ 1974 đến 1987, đầu tư trong đảo đã vọt từ 292 triệu lên 12 tỷ Mỹ kim, trong đó phần ngoại quốc chiếm 73%.

Cơ cấu xã hội

Muốn có ổn định xã hội, nhà nước phải làm tròn nhiệm vụ giáo dục nhân dân, cải thiện đời sống dân chúng và nâng đỡ những phần tử yếu kém. Nguyên vọng con cái có được một học vấn đầy đủ hơn mình, là của chung loài người nhưng đối với những dân tộc chịu ảnh hưởng Khổng giáo, có truyền thống tuyển lọc tinh hoa bằng khoa cử, nó còn tha thiết hơn nữa. Vì thế, ta có thể nói rằng bất cứ một chánh quyền nào, đặc biệt là những chế độ dựa trên đạo Khổng, nếu không đáp ứng nhu cầu giáo dục thì hoàn toàn mất tư cách để đòi hỏi nhân dân phục tùng.

Nhằm cung cấp nhân sự lãnh nghề cho các hăng và hấp thụ tối đa kỹ thuật bên ngoài hầu nhanh chóng thoát khỏi hoàn cảnh làm gia công, các con "rồng" Á châu đã đầu tư mạnh mẽ vào nền giáo dục. Trong khoảng thời gian 52-87, chánh quyền Đài Loan đã hạ tỷ lệ mù chữ từ 42% xuống còn 7% trong lúc số người có trình độ đại học từ 1% lên tới 21% (tăng gấp 41 lần) trong lúc số học sinh cho một giáo viên từ 40 xuống còn 23. Song song, số lượng nhân sự y tế từ 10.000 năm 1954 lên tới 130.000 năm 1985 và số bệnh nhân từng giường từ 3.000 xuống còn 300. Chênh lệch giàu nghèo được giảm bớt bằng những chánh sách thuế khóa, phân phát ruộng đất thích ứng. Năm 1984, tiền lương thợ thuyền bình quân tại Đài Loan lên tới hơn phân nửa so với Pháp. Năm 1987, khoảng cách giữa 20% các gia đình giàu nhất và 20% các gia đình nghèo nhất được thu ngắn và con số 40% gia đình hưởng được 60% quốc sản là một trong những con số khả quan nhất trên thế giới.

Sự phát triển Đại Hàn đã vừa dựa vào, vừa đi đôi, với việc cải tiến điều kiện sinh

sống quần chúng. Trong khoảng thời gian 62-85, số người đi học từ 54% lên tới 97% trong lúc tỷ lệ tử vong sơ sinh từ 0,6 xuống còn 0,3% và tuổi thọ từ 52 lên tới 68 tuổi. Từ 1965, khởi đầu từ khu vực nhà nước và các nhóm công nghiệp lớn, lương bổng gia tăng nhanh chóng. Tuy nhiên, nhờ sự tiến bộ nhân sự và kỹ thuật, năng suất không suy giảm mà còn gia tăng. Tỷ lệ dân chúng nghèo cùng cực từ 40% năm 1965 giảm xuống 10% năm 1980. Song song, cấu trúc mô hình tiêu thụ thay đổi nhiều, phần dành cho thực phẩm từ 60% giảm xuống 30%, nhường chỗ cho giáo dục, giải trí, v. v ...

Năm 1965, khi quân lực Anh rút khỏi Tân Gia Ba, Tổng Sản lượng Quốc nội (TSLQN) giảm xuống 15%, làm nạn thất nghiệp lên tới tột đỉnh. Năm 1995, mức sống dân chúng tại thành quốc qua mặt nước Pháp. Hai sự kiện này tượng trưng cho sự biến đổi nhanh chóng và sâu rộng của xã hội Tân Gia Ba. Chánh quyền đã rất sớm có ý chí đào tạo nhân dân, đặc biệt là những thành phần trẻ, để đáp ứng nhu cầu của những công ty sử dụng kỹ thuật tinh vi và có năng suất cao. Nhưng quan trọng hơn, họ đã ý thức được đó là biện pháp duy nhất để duy trì phát triển. Với sự cộng tác của một số quốc gia - Mỹ, Đức, Pháp, Nhật, ... - và xí nghiệp nước ngoài - Philips, Brown Boveri, ... - họ đã thành lập rất nhiều trung tâm đào tạo nghiệp vụ.

Sự tăng trưởng lợi tức một cách nhanh chóng đã đẩy mạnh tiết kiệm tại các con "rồng". Trong khoảng thời gian 65-92, tỷ lệ tích lũy trên TSLQN đã tăng thêm 27, 19 và 10 điểm tại Đại Hàn, Đài Loan và Tân Gia Ba. Mặc dù nó không cần thiết trong giai đoạn đầu, một nền tích lũy tăng trưởng nhanh chóng là điều kiện thiết yếu cho sự phát triển lâu dài và tự lập vì nó nuôi dưỡng vốn đầu tư nội bộ. Chúng ta có thể so hiện tượng đó với người đạp xe: tốc độ khởi đầu với việc đạp xe nhưng sau đó nó là yếu tố bắt buộc để giữ thăng bằng. Mặt khác, mức độ tiết kiệm là một chỉ dấu cụ thể để đánh giá niềm tin của dân chúng vào tương lai quốc gia.

Cuối cùng, chúng ta có thể so sánh những trường hợp vừa được tả với Hương Cảng, là con "rồng" duy nhất thực hiện chủ nghĩa tự do toàn bộ: tại lãnh thổ, nhà nước chỉ đóng vai trò cố hữu là bảo đảm trật tự và xây cất đường (50% ngân sách quốc gia, đầu thập niên 80). "Chánh phủ" Hương Cảng hoàn toàn không chú ý đến những việc giúp đỡ xí nghiệp, cải thiện đời sống dân chúng hay phát triển giáo

dục. Đó không là một chuyện ngẫu nhiên nếu lãnh thổ này cũng là con "rồng" duy nhất đã không bao giờ làm chủ định mạng của mình. Nói cho cùng, nó chỉ là một tập trung hạ tầng cơ sở, bám vào một nước mệnh mông và thiếu trang bị là Trung Quốc.

Việt Nam và bối cảnh quốc tế hiện tại

Lẽ dĩ nhiên, lộ trình của các con "rồng" không bắt buộc là con đường phát triển duy nhất. Tuy nhiên, nếu chánh quyền Việt Nam có tham vọng lấy các nước này làm thước mẫu, thì họ phải công nhận là nước ta không đáp ứng một phần lớn những tiêu chuẩn nêu trên.

Dưới hình thức hiện nay, Việt Nam chắc chắn sẽ không bao giờ hưởng được một ân huệ quan trọng nào từ Hoa Kỳ. Mặc dù Mỹ đã bình thường hóa quan hệ với nước ta và đang có những mối căng thẳng với Trung Quốc, họ không thể coi chế độ Việt Nam hiện tại như một đồng minh. Như chính Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đánh giá trong một tài liệu "mật" gửi cho Bộ Chánh trị Đảng Cộng sản (ĐCS), bất đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc chỉ có bản chất "quốc gia" (nghĩa là lãnh thổ) chứ không là đường lối. Trong lúc đó, giai cấp lãnh đạo tiếp tục nói đến Hoa Kỳ qua những thành ngữ miệt thị là "lực lượng phản động" hay "thành phần đế quốc". Sẽ không có một chánh phủ Hoa Kỳ nào dám nhảy qua cái hố phân cách việc lập bang giao để không bị thua thiệt trong cuộc đua giành thị trường và việc bỏ công quỹ để giúp một quốc gia vẫn đề cao một chủ nghĩa mà tuyệt đại đa số người Mỹ thù ghét.

Sau ba mươi năm thử nghiệm canh tân, thành quả của các con "rồng" đã là bài học cho tất cả những nước trên còn đường phát triển. Việt Nam không những đã hụt mất thời cơ lịch sử mà còn chậm trễ so với các "nước đang vươn lên" (*emergent country*) ở Á châu, còn được gọi là "cọp". Mã Lai Á, Thái Lan, Nam Dương đã đi vào thời kỳ công nghiệp. Vì những nước châu Mỹ La Tinh và Đông Âu đã thoát khỏi chế độ độc tài, tiềm năng kỹ thuật của họ cũng sẽ được vận dụng một cách vô cùng có hiệu lực so với xưa. Khoảng cách giữa các cường quốc và những nước lạc hậu nhất hoàn toàn được các quốc gia đang phát triển chiếm giữ. Chỗ đứng của nước ta trong vùng Á châu không có gì vẻ vang: năm 1991 với một TSLQN đầu người là 1.250 Mỹ kim, Việt Nam đứng xa sau Mã Lai Á (7.400), Thái Lan (5.270), Phi Luật Tân (2.440), Nam Dương (2.730)

và thua cả Tích Lan (2.650) trong lúc hải đảo đang phải đối phó với một cuộc nội chiến. Điều đáng lo là khoảng cách giữa Việt Nam và các nước này ngày càng lớn hơn: năm 1975, TSLQG của hai miền Việt Nam hợp lại, là 1/4 của Thái Lan nhưng bây giờ nó lại xuống 1/5. Tháng 12-1993, tại Quốc hội, ông Võ Văn Kiệt ước tính với vốn đầu tư 40 tỷ Mỹ kim mỗi năm, trong vòng 8 năm, TSLQG nước ta sẽ nhon gấp 2: giả thuyết này rất bấp bênh nhưng dù cho nó được thực hiện đi nữa, vào năm 2000, TSLQG của Việt Nam cũng sẽ chỉ bằng 1/2 Thái Lan và tương đương với Phi Luật Tân ... vào năm 1988.

Mặt khác, kinh nghiệm các con "rồng" đã làm phương Tây trở nên rất dè dặt đối với việc trao chuyển kỹ thuật. Một cách nghịch thường, họ tiếp tục dành quỹ chế này cho các con "rồng", lý do là hoàn cảnh tài chánh của những nước này cho phép họ thương thuyết cứng rắn. So với các nước Á châu đang phát triển, số đầu tư nước ngoài vào Việt Nam rất thấp: tính theo đầu người, nó bằng 1/60 Mã Lai Á, 1/8 Thái Lan, 1/3 Nam Dương, 1/2 Phi Luật Tân. Thêm nữa, một phần lớn số tiền (33%) được đầu tư vào những việc khai thác các tài nguyên có sẵn (nông-lâm-ngư nghiệp, năng lượng, du lịch) thay vì dành cho công nghiệp sản xuất. Điều này cũng không có gì ngạc nhiên khi ta nhận thấy trong *Tài liệu cho Hội nghị các nước tài trợ* (1992) do chánh quyền Hà Nội thực hiện, về những điểm mạnh của nước ta, 6 trang dành cho tài nguyên có sẵn và chỉ một nửa trang nói về kỹ nghệ.

Bản chất của "đổi mới"

Sau 10 năm chánh sách "Đổi mới", cấu trúc kinh tế Việt Nam đã không ... thay đổi nhiều. Năm 1986 nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và xây cất chiếm 51, 28, 18 và 3% TSLQN; năm 1993, các con số này là 48, 26, 21 và 5. Trong khoảng thời gian đó, khu vực tư doanh chỉ có vẻ bọc phát (từ 15% lên 30%,) bởi vì trước đó nó hầu như không có. Dầu sao đi nữa, nó cũng còn quá khiêm tốn đối với một nền kinh tế thị trường: để so sánh, tại một nước mang hình ảnh "khuy nhả" như Thụy Điển, khu vực tư doanh chiếm 80% nền kinh tế. Về phần kinh tế tập thể, nếu khu vực hợp tác xã đã hoàn toàn suy sụp (từ 28% xuống còn 5%), cùng lúc khu vực quốc doanh bành trướng rộng rãi (từ 57% lên 64%), đặc biệt là phần do trung ương quản lý (từ 34% lên 46%). Thế thì chúng ta thấy rõ bản chất của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Trái

với những gì một số nhà chánh trị - theo phe đối lập cũng như thuộc chế độ - thường nghĩ, chiêu bài đó không phải không có thực chất nhưng cứu cánh của nó không là giải tư kinh tế Việt Nam mà là củng cố khu vực nhà nước bằng cách tu chỉnh các công ty quốc doanh. Giải tỏa giá cả đã là một biện pháp để chế độ loại và giết các "con vẹt què" để rồi chiếu cố những xí nghiệp béo bở. Bằng chứng là cuối năm 1993, chỉ có hai dự án giải tư được thực hiện là hãng chất dẻo Bình Minh và xưởng may mặc Legamex. Chúng ta hiểu được vì sao mặc dù quá trình giải tư nền kinh tế Việt Nam còn phôi thai, ĐCS và Quân đội đã lên tiếng đòi hỏi "khôi phục" khu vực nhà nước.

Yếu tố con người

Nhân tài là khí giới chủ yếu để Việt Nam tranh đua trên trường thế giới nhưng nhìn kỹ lại, cái yếu tố con người mà chánh giới Việt Nam thường nhắc đến, không gì là hiển nhiên. Huyền thoại "*con người Việt Nam cần cù*" bị kinh nghiệm của các nhà kinh doanh phá vỡ hàng ngày. Khi thì chủ nhân than phiền chỉ thị không được tuân hành, khi thì là nhà kinh tài chưa lập được sự nghiệp mà vốn đã bị tham nhũng khoét lung. Phần lớn người Việt Nam làm ăn trong tinh thần chộp giật, với những dự án ngắn hạn, được cái nào hay cái đó: phần tiết kiệm thấp kém (12% TSLQN, so với 19 tại Phi Luật Tân, 32 tại Mã Lai Á, 36 tại Trung Quốc) chứng tỏ dân chúng không tin ở sự "ổn định" mà chánh quyền không ngừng hô hào. Tham nhũng cùng với buôn lậu khiến Việt Nam không là một nước hấp dẫn cho việc đầu tư mà ngân sách nhà nước thì vẫn thiếu hụt. Sau một thập niên vật lộn với "luật giang hồ", giới kinh doanh Tây phương bắt đầu chán ngấy "nhà nước thế quyền": từ 57% năm 1989, phần đầu tư của họ xuống còn 19% năm 1993. Cùng lúc, phần của các "nước Trung Hoa" (Đài Loan, Hương Cảng, Tân Gia Ba) từ dưới 10% lên tới hơn 50%, đó là không kể những nước như Thái Lan hay Nam Dương mà nền kinh tế hầu như bị cộng đồng Hoa kiều khống chế. Hoàn toàn xa lạ với một thái độ bài Hoa nào đó, chúng ta có lý do để lo ngại cho chủ quyền quốc gia nếu tương lai thấy nền kinh tế Việt Nam do mạng lưới Hoa kiều chủ động trong lúc Trung Quốc vẫn tiếp tục chiếm đóng một phần lãnh thổ nước ta. Điều đáng phẫn nộ là tập đoàn lãnh đạo để cho đất nước chuốc lấy nguy hiểm đó thay vì tạo một môi trường phù hợp cho sự tham gia tích cực và đồng đạo của người

Việt hải ngoại. Về mặt kỹ năng, tỷ lệ 85% người biết chữ mà ông Võ Văn Kiệt coi là "*một điểm mạnh*", không có gì xuất sắc so với các quốc gia cạnh tranh với ta (Phi Luật Tân, 90%, Thái Lan 94%). Tại Việt Nam, tỷ lệ học sinh trên số trẻ em từ 12 đến 17 tuổi là 41% và số sinh viên trên số thanh niên thuộc lứa tuổi 18-24 là 2%: đó là những chỉ số thấp nhất so với các quốc gia tương đương với nước ta (61 và 10 ở Nam Dương, 66 và 7 ở Mã Lai Á, 37 và 16 ở Thái Lan). Tình trạng đã bế tắc nhưng diễn tiến của nó còn nguy kịch hơn. Vì ĐCS đã không bao giờ xem giáo dục là cái gì khác hơn là một công cụ chiếm quyền, từ 1986, lãnh vực này đã bị hoàn toàn bỏ rơi chỉ vì nó không còn hữu ích cho chiến thuật của họ. Kể từ niên khoá 88-89, toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam áp dụng biện pháp học phí. Ở một nước mà 51% dân chúng vẫn sống dưới mức nghèo khổ (không được cấp dưỡng 2.150 ca-lô-ri mỗi ngày theo tiêu chuẩn Liên hiệp Quốc), lẽ tất nhiên, học phí là một gánh nặng quá đáng đối với nhiều gia đình, khiến hiện tượng bỏ học ngày càng tăng: trong năm 1991, ước lượng trẻ em thất học là 2 triệu, 22% ở cấp 1, 32% ở cấp 2 và 30% ở cấp 3. Ở bậc đại học, ngay cả những ngành có khả năng hấp dẫn sinh viên, cũng thiếu người ghi danh: năm 1993, dù đã hạ thấp rất nhiều trình độ chọn lọc, Đại học Kinh tế Tài chánh chỉ ghi nhận 620 sinh viên trên 2.100 chỗ dự bị, Đại học Sư phạm Sài Gòn một nửa trên 950. Một chánh quyền đặt dân chúng vào thế lựa chọn giữa ăn no áo mặc và học vấn, hoàn toàn không còn tư cách để quản lý đất nước.

Nhìn về tương lai

Các con "rồng" đã phát triển trên cơ sở Không giáo. Trước đó, Nhựt Bản đã lấy tinh thần "vô sĩ đạo" làm chất liệu đoàn kết dân tộc. Gần đây, Mã Lai Á và Nam Dương cất cánh trong khuôn khổ một Hồi giáo cấp tiến. Thái Lan là một nước Phật giáo thuộc "Tông phái các bậc Lão trưởng" (*Thê-ra-va-đa*) mà một số nhà quan sát đã vội và buộc tội phổ biến thái độ thụ động. Các trường hợp này chứng minh không có một truyền thống nào, riêng nó, có thể ngăn chặn sự phát triển.

Tuy nhiên, có ba sự kiện hợp thành nền tảng chung của mọi phát triển, ba điều kiện không có không được.

Trước hết là phải có một **đồng thuận dân tộc** sâu sắc. Đồng thuận ở đây, có nghĩa là dân chúng cảm thấy đất nước là của chung, ý thức quyền lợi riêng tư

không thể đi ngược quyền lợi tập thể và tin tưởng ở một tương lai chung. Người ta có thể thiết lập tinh thần ấy bằng một chủ nghĩa duy quốc gia hung hăng nhưng lịch sử đã chứng minh tính chất phù du của đường lối ấy. Tốt hơn là gắn bó tối đa công dân với "chuyện làng": muốn đạt đến tinh thần đó, mọi thành phần phải có quyền tham gia ngang hàng vào sự việc đất nước. Nhà nước phải được tách rời khỏi mọi tổ chức, đội ngũ đảm trách nhà nước chỉ là những người được nhân dân tuyển lựa cho một nhiệm kỳ nhất định.

Song song, tinh thần **liên đới xã hội** phải được củng cố: nhà nước phải làm tròn nhiệm vụ là bảo vệ dân tộc, nâng đỡ những phần tử yếu kém, chuẩn bị tương lai và hướng dẫn những lựa chọn. Gần đây, Chủ tịch Ngân hàng Thế giới, James Wolfensohn nhận xét: "*Cách nhìn kinh tế vi mô trở nên không đủ. Có một yếu tố khác có tầm quan trọng ít nhất ngang hàng [...]: con người và xã hội. Không có tiến bộ xã hội, ta sẽ không có một phát triển thỏa đáng*".

Yếu tố cốt lõi thứ ba là **dân trí**. Đó không là một khẩu hiệu đạo đức suông mà là lịch sử. Kinh nghiệm thế giới đã chứng minh dân trí vừa là nguồn gốc, vừa là thực phẩm nuôi dưỡng sự phát triển lâu dài. Những công cuộc phát triển bất chấp yếu tố con người đã đều thất bại: loài người chưa sáng chế ra được một phương cách vừa phát huy dân trí vừa khùng bố quần chúng, hạn chế tư duy, cấm đoán phát biểu. Thiên tài của một dân tộc chỉ có thể nảy nở trong một không khí thoải mái, với những tinh hoa tự do và một báo chí giải phóng. Nói theo cố Thủ tướng Winston Churchill, "*dân chủ không là phương pháp tốt nhất, nó là phương pháp duy nhất*".

Diệp Tường Bảo

Đọc thêm

- BOUTEILLER Éric, *Taiwan, naissance d'une puissance*, HEC Eurasia Institute, 1990.
JACOBS Norman, *The Korean Road to Modernization and Development*, University of Illinois Press, 1985.
LÊ Văn Đăng, *Giải tư các xí nghiệp quốc doanh*, Thông Luận, 4-1994.
MORISHIMA Michio, *Capitalisme et Confucianisme*, Flammarion, 1987.
NGUYỄN Phi Phụng, *Đài Loan từ độc tài tới dân chủ*, Thông Luận, 2-1996.
RÉGNIER Philippe, *Singapour et son environnement régional*, PUF, 1987.
TÔN Thất Long, *Vài điểm đặc trưng về tình trạng giáo dục bậc Đại học ở Việt Nam hiện nay*, Thông Luận 12-1994.

Tiêu Dao Bảo Cự phát biểu trên đài VNCR

Cuối năm 1995, đài VNCR (Vietnam California Radio) phát thanh trong cộng đồng người Việt miền nam Cali đã phỏng vấn nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, hiện ngụ tại Đà Lạt, về tác phẩm *Nửa Đồi Nhìn Lại* của ông xuất bản đầu năm 1994 tại Cali, và về những vấn đề liên quan đến tình hình hiện tại của đất nước. Sau đây là một phần của bài phỏng vấn dài 40 phút này.

Chúng tôi cảm ơn anh Đinh Quang Anh Thái là người thực hiện cuộc phỏng vấn và anh Lê Đình Điều giám đốc đài VNCR đã có nhã ý tặng chúng tôi băng ghi âm và cho phép chúng tôi trích đăng.

P.N.L.

Đinh Quang Anh Thái: Thưa ông Bảo Cự, trong lời tựa cuốn *Nửa Đồi Nhìn Lại* của ông được xuất bản ở hải ngoại, nhà phê bình văn học Đặng Tiến đã bày tỏ nỗi hoài nghi là trong thâm tâm, trí thức cũng sợ dân chủ, vì được dân chủ thì trí thức mất quyền lợi riêng tư. Ông có thể cho thính giả đài VNCR biết quan điểm của ông về lời phát biểu này của Đặng Tiến không?

Tiêu Dao Bảo Cự: Đoạn ông trích dẫn vừa rồi của Đặng Tiến tiếp theo một đoạn dài hơn trong lời tựa cuốn *Nửa Đồi Nhìn Lại* của tôi, đoạn nói về trí thức. Đoạn dài hơn đó, Đặng Tiến viết như thế này: *"Tôi không biết nghệ sĩ và trí thức Việt Nam có tiên tiến hay không, nhưng chắc chắn họ chưa bao giờ chọn được chỗ đứng - dù ở thế mạnh hay thế yếu. Họ giống như người phụ nữ thời xưa, quyền thế đặt đầu thì ngồi đấy. Tài giỏi như Nguyễn Du mà suốt đời làm quan đành phải im hơi lặng tiếng. Công cán như Nguyễn Trãi rồi cũng bị tru di vì một đời lời nói thẳng. Trước những tấm gương ấy, trí thức của chúng ta đã có truyền thống thuận phục lâu đời. Dĩ nhiên là vẫn có những tiếng nói lẻ loi, từ Chu An, Nguyễn Trường Tộ đến Dương Thu Hương, Hoàng Minh Chính, nhưng những tiếng nói đó không làm thành dư luận. Vì từ lâu, người trí thức chỉ là những cá nhân, không tạo được một tầng lớp có lực lượng, có quần chúng, có hậu thuẫn. Trong cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay, người trí thức đáng lẽ phải là ngọn gió tiền phong. Nhưng có thật thế không? Hay là ngược lại, trí thức*

trong thâm tâm cũng sợ dân chủ?"

Nhận xét trên của Đặng Tiến mới nghe qua rất là cay đắng, nhưng chứa đựng nhiều sự thật. Vấn đề đã được đặt ra trong suốt quá trình lịch sử, và hiện nay vẫn còn nóng bỏng. Người trí thức chân chính ngoài kiến thức, sáng suốt, còn phải có nhân cách và lòng dũng cảm, nhất là khi phải đối diện với quyền lực và bạo quyền. Mà trí thức của chúng ta lại phải thường xuyên đối mặt với cường quyền. Nhìn lại lịch sử, quả thực các trí thức lớn dám chống lại bạo quyền rất hiếm hoi. Phần lớn trí thức là những kẻ thuận phục. Trong mọi cuộc đấu tranh, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay, tình thế đòi hỏi người trí thức, nếu muốn dân thân có hiệu quả, thì phải có những phẩm chất khác nữa để tạo được lực lượng và sức hậu thuẫn của quần chúng, chứ không phải chỉ là tiếng nói lương tri đơn lẻ. Tuy nhiên chúng ta không thể đòi hỏi quá nhiều ở trí thức. Mỗi thời kỳ, tôi nghĩ là chỉ cần có vài ba trí thức, thậm chí là chỉ có một người, cũng đã có thể tác động lên tình thế.

Vậy thì trí thức có sợ dân chủ không? Tôi cho rằng nói chung trí thức không sợ dân chủ, vì người trí thức nào dù ít hay nhiều đều có khát vọng dân chủ tự do, trong đó tài năng của họ, kiến thức của họ mới được phát huy và tôn trọng. Có thể phần lớn trí thức không dám đấu tranh cho dân chủ, khi việc đó đòi hỏi phải trả giá. Tuy nhiên những người sợ dân chủ chỉ là một bộ phận nhỏ, trong đó có những kẻ bất tài, hèn nhát, đang dựa vào thế lực cầm quyền để có đặc quyền đặc lợi. Đối với những người này, nếu có dân chủ họ sẽ không còn chỗ đứng. Những người này đã chấp nhận thân phận nô bộc, cúc cung tận tụy phục vụ cho cường quyền. Họ chỉ biết làm tay sai chứ không biết sáng tạo, chỉ biết phục tùng chứ không dám phản kháng. Xét cho cùng thì họ đã mất phẩm chất của người trí thức, dù họ đầy mình bằng cấp và có tri thức uyên bác. Như thế thì cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay đòi hỏi người trí thức phải sáng suốt hơn và dũng cảm.

ĐQAT: Ông vừa nói rằng trong cuộc đấu tranh hiện nay, người trí thức cần phải có một số phẩm chất mới. Ông có thể đưa

ra một vài thí dụ về những phẩm chất mới đó không?

TDBC: Đối với người trí thức thì tư tưởng của họ là điều quan trọng. Vì vậy khi họ nói lên được sự thật, họ nói lên được tiếng nói lương tri thì rõ ràng điều đó hết sức quan trọng, và đôi khi chỉ điều đó thôi cũng đã đòi hỏi phải trả giá rồi. Nhưng, như chúng ta biết, muốn cho tư tưởng đó trở thành một lực lượng xã hội, đòi hỏi phải có một sự vận động, để thâm nhập tư tưởng đó vào quần chúng. Do đó, ngoài tiếng nói lương tri ra, tất nhiên khi họ dấn thân họ trở thành những người hoạt động chính trị, thì lại đòi hỏi những phẩm chất của người làm công tác chính trị, có nghĩa là phải biết vận động, phải biết thuyết phục, phải biết tổ chức, v.v...

ĐQAT: Thưa ông, cũng trong cuốn *Nửa Đồi Nhìn Lại*, ông có viết rằng cần có sự kết hợp giữa những người làm chính trị chuyên nghiệp với những nghệ sĩ trí thức có cùng nhận thức và lý tưởng. Câu chúng tôi muốn hỏi ông là nếu sự kết hợp này là cần thiết, trong nước hiện nay đã có sự kết hợp này chưa, và nếu có thì tầm vóc của nó ra sao rồi?

TDBC: Như chúng ta đã biết, lịch sử của nhiều cuộc cách mạng trên thế giới đã chứng minh là cần thiết phải có sự kết hợp đó. Vì một tư tưởng, một lý thuyết hay là một lý tưởng chỉ có thể tạo ra sự thay đổi rộng lớn trong xã hội khi nó đã thâm nhập vào quần chúng, và trở thành lực lượng xã hội. Cho nên cần phải có một đội ngũ nòng cốt thực hiện điều đó, và đó là những người làm chính trị chuyên nghiệp. Hơn ai hết, có lẽ chúng ta phải thừa nhận rằng người cộng sản đã làm điều này rất có hiệu quả. Và trong những cuộc đấu tranh cần phải đối kháng lại bộ máy cai trị đàn áp tàn bạo, tinh vi, điều này lại càng cần thiết hơn. Đối với vấn đề đó, tôi suy nghĩ có tính cách nguyên lý, còn trong thực tiễn về sự kết hợp này ở trong nước, tôi không có điều kiện để hiểu rõ. Tuy nhiên tôi cho rằng là trong tình thế hết sức đặc thù và mới mẻ của Việt Nam hiện nay, cuộc đấu tranh cho dân chủ có thể có nhiều phương thức phong phú mà những người đấu tranh phải có tinh thần sáng tạo chứ không thể rập khuôn được.

ĐQAT: Trong phần kết của cuốn *Nửa Đồi Nhìn Lại*, ông cho rằng hòa giải và hòa hợp dân tộc là con đường duy nhất để đưa đất nước ra khỏi tình trạng đen tối ngày hôm nay. Chúng tôi muốn hỏi thăm ông rằng chữ "dân tộc" mà ông đề cập đến có bao gồm cả những người đang cai trị hay không. Nếu có sự bao gồm đó, thì làm cách nào để mà hòa giải hòa hợp với họ khi mà họ cứ cố bám lấy địa vị ngồi trên đầu người dân?

TDBC: Về vấn đề này, theo chỗ tôi biết, hình như đây là một vấn đề hết sức gai góc, đặc biệt đối với người Việt ở nước ngoài hiện nay. Nhưng mà quan điểm của tôi về vấn đề đó như thế này. Nếu không có hòa giải hòa hợp, phải đối kháng. Đối kháng có nghĩa là xung đột, một mất một còn. Như thế tất nhiên là phải dùng bạo lực, có nội chiến, phải đổ máu, đưa đến rối loạn và đổ vỡ. Dân tộc Việt Nam gần đây đã trải qua điều này hơn ba thập kỷ. Với bao nhiêu hy sinh, mất mát, chịu đựng, đại đa số người Việt Nam hiện nay có lẽ là không muốn chấp nhận tình thế đó thêm một lần nữa. Nếu mà nói như thế thì có lẽ mọi người dễ đồng tình.

Tuy nhiên, vấn đề mấu chốt được đặt ra là hòa giải hòa hợp với ai, và như thế nào. Theo tôi thì dĩ nhiên là phải hòa giải hòa hợp giữa mọi thành phần dân tộc, và bằng những phương pháp hòa bình, thông qua đối thoại, cảm thông và hợp tác. Nhưng mà vấn nạn ở đây là có hòa giải hòa hợp với những người đang cai trị không? Làm cách nào để hòa giải hòa hợp khi họ không muốn, chỉ muốn bắt người khác phải phục tùng? Trở lại ý ban đầu, nếu không hòa giải hòa hợp thì phải đối kháng, đi đến lật đổ và nội chiến, như vậy có phải vấn đề trở nên bế tắc hay không? Theo tôi, chỉ có thể hòa giải hòa hợp khi giữa hai bên có sự ngang hàng và tôn trọng. Nếu những người cai trị thấy lực lượng đối lập yếu kém, nhân dân sợ hãi, chỉ biết phục tùng, tất nhiên họ không thêm hòa giải hòa hợp. Do đó vấn đề là lực lượng đối lập phải đoàn kết, phát triển mạnh lên, nhân dân phải nâng cao ý thức dân chủ, biết và dám đấu tranh phản kháng, không phải chỉ là bày mưu cho người ta lừa đi, chặn đất. Nếu đạt đến tình trạng đó thì nhất định những người cầm quyền phải hòa giải hòa hợp, dù họ có muốn hay không. Và lại những người cầm quyền không phải là một thế lực hoàn toàn thuần nhất. Trong điều kiện câu kết vì quyền lợi, nhất định sự mâu thuẫn sẽ nảy sinh, khi sự phân chia quyền lợi không được thỏa đáng, mà điều đó thì không thể tránh khỏi.

Mặt khác, trong tình hình thế giới và đất

nước đang biến chuyển hiện nay, nhận thức của một bộ phận những người cầm quyền cũng sẽ thay đổi. Không phải tất cả họ đều xấu và không thể chuyển biến. Hơn nữa đối với người cầm quyền, "thuận lòng dân thì còn, nghịch lòng dân thì mất" đã là một quy luật của muôn đời. Đối với một chế độ, sớm hay muộn, nhất định điều đó sẽ xảy ra. Ai muốn tồn tại không thể đi ngược lại quy luật này. Do đó hòa giải hòa hợp cũng phải đặt ra với những người đang cai trị, nhưng phải trải qua một quá trình, trong đó lực lượng đối lập phải mạnh lên, đủ sức mạnh và lực lượng để đối thoại, nhân dân đủ ý thức và năng lực làm chủ vận mệnh của mình. Và quá trình nhanh hay chậm tùy thuộc vào sự vận động của cả hai phía.

ĐQAT: Thế ông có thấy dấu hiệu nào chứng tỏ là nhà cầm quyền hiện nay muốn hòa hợp và hòa giải với người dân chưa?

TDBC: Hiện nay, nếu về mặt công khai thì người ta vẫn nói điều đó. Trong các nghị quyết chính thức của Đảng, của Mặt trận, những phát biểu của cán bộ lãnh đạo cấp cao, người ta vẫn nói hòa giải hòa hợp, và người ta cũng đã làm một số việc có tính cách trình diễn về hòa giải hòa hợp đó. Nhưng về thực chất, họ vẫn muốn những người khác phải đi theo đường lối của đảng cộng sản. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải làm thế nào để đến lúc mà họ phải thực sự đi đến hòa giải hòa hợp chứ không phải chỉ dùng làm chiêu bài và bắt người khác phải khuất phục mình.

ĐQAT: Thưa ông, lúc này trong phần nhận định về trí thức, ông đã nói rất tổng quát về người trí thức Việt Nam nói chung. Riêng đối với trí thức hải ngoại thì ông có điều gì muốn tâm sự hoặc nhấn nhủ không?

TDBC: Đối với trí thức hải ngoại, dĩ nhiên nếu nói là nhấn nhủ thì chúng tôi không dám rồi. Nhưng nếu là tâm sự thì chúng tôi có thể nói như thế này. Tôi tin tưởng rằng đại đa số trí thức hải ngoại đều có tấm lòng đối với đất nước, đều hết sức ưu tư về vận nước và muốn đóng góp một cái gì cho đất nước. Nhưng rõ ràng trong tình hình hiện nay, một tình hình hết sức là phức tạp, quan điểm họ có thể khác nhau. Nhưng tôi nghĩ rằng, có lẽ bằng cách này hay cách khác chúng ta phải làm một cái gì, chứ nếu chúng ta không làm thì lịch sử vẫn đi tới, và dù là chúng ta có phê phán, có nói gì đi nữa, có nghĩ gì đi nữa, lịch sử vẫn cứ đi tới và chúng ta không có một tác động nào vào tình thế. Như vậy có phải đó là một điều đáng tiếc hay không?

Dân chủ hay chuyên chính ?

LTS: Ông Trần Minh Thảo sinh năm 1945, tốt nghiệp đại học sư phạm tại Huế. Được kết nạp vào đảng cộng sản năm 1969. Trước 1975, làm giáo sư Việt văn tại Bảo Lộc và viết báo. Sau 1975, làm viên chức nhà nước tại Bảo Lộc. Năm 1989 tự ý xin nghỉ hưu, sống bằng nghề sấy trà. Ông Thảo đã có lần gửi bài viết trực tiếp cho Thông Luận (đăng và giới thiệu trên TL số 86, tháng 10-1995). Lần này, ông tiếp tục trình bày các suy nghĩ của ông về dân chủ và chuyên chính. Chúng tôi xin giới thiệu cùng độc giả bài viết mới đây của ông Thảo.

Dân chủ hay chuyên chính chắc hẳn phải trở thành đề tài thảo luận chính trong đại hội đảng lần thứ tám. Đại hội khẳng định đảng chọn lựa *dân chủ hay chuyên chính* sẽ cho thấy đảng cộng sản Việt Nam chọn chỗ đứng trong quần chúng như thế nào, đại diện lợi ích của tầng lớp nào.

Dân chủ thì có lợi cho ai ?

Xét lịch sử đấu tranh của các dân tộc thì tầng lớp trên trong xã hội không hề có nhu cầu về một nền chính trị dân chủ. Đơn giản là vì tầng lớp ấy, hoặc do nắm được quyền, hoặc do sở hữu nhiều của cải nên họ có nhiều tự do hơn. Trong những xã hội ấy tất yếu sẽ sản sinh ra tình trạng câu kết giữa quyền và tiền. Đó là liên minh mà các bên đều có lợi. Trong những xã hội ấy, chỉ có tầng lớp dưới mới có nhu cầu dân chủ. Trong những xã hội ấy, khi tầng lớp dưới đòi hỏi dân chủ thì luôn bị tầng lớp trên coi những đòi hỏi ấy là thù địch. K.Mác, Lênin, chủ tịch Hồ Chí Minh... bị truy đuổi cũng chỉ vì những người ấy đấu tranh cho một nền dân chủ trong tình thế xã hội mà liên minh quyền tiền chạy đua tìm kiếm lợi nhuận và của cải, cố sống cố chết bám giữ đặc quyền, đặc lợi.

Ở Việt Nam hiện nay, tầng lớp trên là ai? Họ có nhu cầu nào? Ai là người đại diện cho quyền lợi chính trị của tầng lớp ấy? Tầng lớp dưới là ai? Họ có nhu cầu gì? Đòi hỏi dân chủ là âm mưu của các thế lực thù địch trong chiến lược diễn biến hòa bình? Đảng cộng sản Việt Nam cần dân chủ hay cần chuyên chính hơn để đánh thắng kiểu âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực (giai cấp) thù địch?

Những vấn đề nêu ra trên đây cần được giải đáp thỏa đáng và mọi người Việt Nam đều có quyền và có trách nhiệm bàn bạc, tranh luận cho ra lẽ, đặc biệt là thành phần dân cư thuộc tầng lớp dưới, đặc biệt hơn nữa, đó là quyền của những đảng viên có biết chút ít về chủ nghĩa Mác-Lênin. Chẳng phải là đảng cộng sản Việt Nam đã gian khổ hy sinh biết bao thế hệ cho cái quyền đó của người dân hay sao? Trước hết là quyền của người dân ở tầng lớp dưới? Thử giải đáp những vấn đề nêu trên.

Đảng và các thế lực phản động

Trong xã hội chủ nghĩa thực hiện triệt để học thuyết Mác-Lênin thì tầng lớp dưới được ưu đãi là dân nghèo, người đại diện của nó là đảng cộng sản, công cụ quyền lực của nó là nhà nước vô sản. Về chính trị, những cá nhân, tập thể, đảng phái nào không tán thành cách nói và hiểu như vậy đều được người cộng sản xem là phản động, đặc biệt là khi những thế lực ấy lại được sự bảo trợ của nước ngoài như ở Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua.

Như vậy, phản động là từ dùng để chỉ tầng lớp trên và những thế lực chính trị nắm quyền chính nhờ dựa vào thế lực nước ngoài. Người dân Việt Nam nói chung là oán ghét các phần tử phản động.

Nguyên nhân sâu xa là vì dân còn nghèo, nước còn nô lệ. Khi xã hội giàu lên, đời sống dân nghèo có được cải thiện nhưng so với thành phần có thu nhập cao qua nhiều nguồn khác nhau thì vẫn còn chênh lệch, có khi rất xa nhau. Trong tình hình đất nước không còn ngoại xâm thì đối với dân nghèo, bọn phản động chính là tầng lớp trên và những thế lực chính trị đại diện lợi ích của tầng lớp trên. Giải thích tình hình xã hội theo học thuyết Mác thì đúng là như vậy. Khi đảng cộng sản Việt Nam chủ trương làm giàu thì đảng là đại biểu lợi ích của tầng lớp trên. Đảng có thể nói khác đi được chăng? Nhất là khi đảng còn khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin là kim chỉ nam cho hành động thì giải thích như thế nào là không sai. Bởi vì chính sách nhà nước phục vụ lợi ích của tầng lớp nào thì nhà nước là công cụ (bộ máy chính trị) của tầng lớp ấy.

Không phải chỉ từ khi đảng chủ trương làm giàu thì tầng lớp dưới mới mất hẳn công cụ chính trị của mình mà phải nói trong các chế độ chính trị nhất nguyên chưa bao giờ tầng lớp dưới thực sự có công cụ chính trị của mình. *Để xem chính quyền nhà nước là công cụ của tầng lớp*

nào trong xã hội thì xét xem các chính sách của nó chứ không thể xét con người cụ thể nắm giữ các chức vụ trong bộ máy quyền lực các cấp. Trong một nhà nước nghèo hết sức nghèo thì vẫn có một tầng lớp trên hoặc chính bộ máy nắm quyền lực nhà nước là tầng lớp trên. Trái lại trong một nhà nước giàu thật giàu thì tầng lớp dưới vẫn chiếm số đông. Thành phần dân cư ấy luôn là mối bận tâm hàng đầu của mọi thế lực chính trị, hoặc thực lòng chăm lo lợi ích của nó, hoặc thực hiện các chính sách mị dân và bị nó oán ghét.

Tầng lớp trên luôn thêm khát quyền lực và tiền của. Nó không có nhu cầu dân chủ cho đến khi nó thấy có khả năng mất cả quyền lẫn của. Nhưng trước khi nói đến dân chủ nó sẽ phản ứng quyết liệt với bất cứ yêu sách dân chủ nào của tầng lớp dưới. *Có tất cả hay mất tất cả, đó chính là khởi điểm của chuyên chính. Tầng lớp dưới có thêm những gì phải có, tầng lớp trên mất đi những gì phải mất, đó chính là thời điểm của dân chủ.*

Dân chủ bao giờ cũng là yêu sách của tầng lớp dưới. Trong các cuộc tranh giành quyền lực ở các xã hội thiếu dân chủ (chính trị nhất nguyên) nếu tầng lớp dưới thắng và thành lập nhà nước của mình thì nhà nước ấy sẽ thoát ly khỏi lực lượng đưa nó lên nắm quyền. Đó là quy luật khách quan chi phối mọi kiểu loại nhà nước nhất nguyên từ xưa đến nay. Nhà nước ấy biến thành tầng lớp trên hoặc công cụ của tầng lớp trên. Do đó một đảng chính trị luôn có trong nó ba thành phần hữu, tả và trung dung. Phái nào lên nắm quyền đều có khả năng trở thành phái hữu của đảng chính trị ấy. Nghĩa là trong một đảng chính trị chấp chính thì không phải mọi đảng viên đều trở thành người cai trị (tầng lớp trên). Mọi kiểu loại nhà nước không có đủ chỗ trong bộ máy cai trị cho toàn thể đảng viên của nó. Nhu cầu dân chủ cũng là nhu cầu bức bách trong nội bộ đảng cầm quyền. *Nếu trong nội bộ đảng cầm quyền mà không có dân chủ thì đấy là dấu hiệu cho thấy ngoài xã hội tầng lớp dưới đang gánh chịu mọi thua thiệt. "Thế lực thù địch" luôn để ra từ nội bộ đảng cầm quyền.* Hiểu theo cách nào thì cũng đều đúng như vậy.

Ai là người đại diện chân chính cho lợi ích của tầng lớp dưới ?

Người ấy phải là đảng cộng sản. Trước đây, khi đảng chưa nắm quyền lực nhà nước thì đúng là như vậy và do đó mà đảng

nắm được quyền chính. Khi đảng cộng sản đã có quyền lực nhà nước trong tay lại chủ trương chuyên chính thì tầng lớp dưới trong xã hội mất người đại diện lợi ích của mình, xét cả lý lẫn tình đều đúng như vậy. Tình hình đất nước hiện nay cũng đúng như vậy.

Những chính sách của đảng hiện nay đối với tầng lớp dưới xét cho cùng không phải chủ yếu vì lợi ích của tầng lớp dưới. Những chính sách ấy làm cho tầng lớp dưới trong xã hội không thấy được nguyên nhân của đói nghèo, không thấy ra được nguồn gốc của đói nghèo. Tệ hơn nữa là tầng lớp dưới trong xã hội Việt Nam ngày nay còn bị trói buộc, không có đủ quyền để giành lại những gì vốn thành phần ấy phải có, phải được. Những gì mà đảng, nhà nước và tầng lớp trên ban cho tầng lớp dưới trong xã hội thì không cách nào bù đắp được những gì mà họ phải giao cho tầng lớp trên để tầng lớp trên thỏa mãn cơn khát làm giàu không cách nào thỏa mãn được. Vì đảng còn coi chủ nghĩa Mác-Lênin là kim chỉ nam cho hành động nên cách giải thích trên đây là không sai.

Tầng lớp dưới trong xã hội Việt Nam đang có nhu cầu dân chủ. Khi tầng lớp dưới đòi hỏi dân chủ thì tầng lớp trên trong các chế độ thiếu dân chủ coi đòi hỏi đó là phản động. Đấy cũng là lẽ thường tình. Nếu không như thế thì đã không có Mác và chủ nghĩa cộng sản.

Nhân dân lao động Việt Nam, trong thực tiễn đã mất người đại diện lợi ích chính trị xã hội của mình. Khi họ muốn đòi lại các quyền cơ bản, nhất định giới thống trị coi là thù địch. Mác đã nói như vậy.

Dân chủ nào ?

Nền dân chủ một đảng như vậy luôn là nền dân chủ của tầng lớp trên. Thực chất thì đấy là chuyên chính của tầng lớp trên.

Một nền dân chủ trong đó tầng lớp dưới có người đại diện đích thực của mình phải là một nền dân chủ có đối lập. Nếu không có đối lập thì người đại diện của nó hoặc công khai hoặc lén lút móc ngoặc với tầng lớp trên, bỏ rơi nó chẳng chút thương xót, không chỉ là bỏ rơi mà còn quay lại trấn áp nó nếu nó đòi hỏi những quyền cơ bản của loài người văn minh nói chung và của nhân dân lao động nói riêng. Có thể có một nền dân chủ một đảng được không? Chế độ xã hội chủ nghĩa kiểu Trung Quốc đang cố chứng tỏ có thể xây dựng được một kiểu nhà nước như vậy. Một số bản án tử hình gần đây ở Trung Quốc cho thấy

đảng cộng sản Trung Quốc có khả năng thực hiện luật pháp một cách công minh. Không những thế họ còn muốn chứng tỏ đảng cộng sản Trung Quốc "dị ứng với nhà giàu". Thế nhưng những bản án ấy cũng không chứng tỏ được luật pháp ở Trung Quốc là công minh và cũng không đủ để chứng tỏ mọi đảng viên cộng sản Trung Quốc nắm các thứ quyền lực là còn nghèo, cũng không chứng tỏ được đảng cộng sản Trung Quốc là đảng tiên phong của nhân dân lao động Trung Quốc. Cũng như vậy, những "nhân vật phản động chính trị" ở Trung Quốc chưa hẳn là thuộc tầng lớp trên. *Những bản án ấy chỉ chứng tỏ là trong các chế độ chính trị dân chủ một đảng, hình phạt (chuyên chính) bao giờ cũng đi xuống dưới và thường là tàn khốc để chứng tỏ quyền lực của tầng lớp thống trị và để răn đe tầng lớp dưới.* Cách làm đó là phù hợp với tập quán trị dân của người Trung Quốc. Hơn nữa, luật pháp của một nước dân chủ thật sự phải được thể hiện qua các cơ chế phân quyền và những biện pháp chế tài để ngăn ngừa các hành vi lạm quyền, phạm luật. Một nhà nước dân chủ thực sự không thể dùng hình phạt tàn khốc để ngăn ngừa hành vi phạm pháp nói chung, trong khu vực nhà nước nói riêng.

Một chế độ chính trị dân chủ có đối lập có nhiều khả năng ngăn ngừa các hành vi lạm quyền hơn và do đó tránh được việc luôn dùng các biện pháp tàn khốc. Dân chủ có đối lập luôn có lợi cho tầng lớp dưới. Nếu vẫn còn đảng cộng sản thì đảng phải nên quan tâm đến điều ấy.

Dân chủ có đối lập phải trở thành đề tài thảo luận và phải được đại hội đảng lần thứ tám biểu quyết với đa số tuyệt đối.

Tại sao phải làm như vậy? Bởi vì đa số đảng viên, nhất là những đảng viên không muốn trở thành công cụ chuyên chính của tầng lớp trên, vẫn còn giữ tấm lòng của mình với tầng lớp dưới. Những người ấy không căm ghét tầng lớp trên, họ chỉ không muốn trở thành công cụ chính trị của tầng lớp trên mà thôi.

Phải để cho tầng lớp trên hình thành tổ chức chính trị của tầng lớp ấy. Những đảng viên cộng sản nào không còn muốn làm công cụ chính trị cho tầng lớp dưới thì đảng cho họ thoát ly khỏi tầng lớp mà vốn họ muốn đại diện. Đảng không thể dùng quyền lực chuyên chính buộc mọi đảng viên phải đương nhiên trở thành công cụ chính trị thực hiện lợi ích của tầng lớp trên.

Đổi mới chính trị nhưng vẫn trung thành với chủ nghĩa Mác thì chỉ có thể làm như

vậy mà thôi. Không thể nói đổi mới chính trị là đảng dựa vào chuyên chính công khai đi với tầng lớp trên, vì lợi ích của tầng lớp trên chuyên chính trở lại với tầng lớp dưới. Không chỉ tầng lớp dưới cần có dân chủ mà chính đảng cộng sản Việt Nam cần có dân chủ thực sự để đảng quay về làm người đại biểu đích thực cho lợi ích của tầng lớp dưới.

Một đảng chính trị không thể là đại biểu cho lợi ích của nhiều giai tầng trong xã hội mà những giai tầng ấy vốn có những lợi ích mâu thuẫn nhau.

Nhà nước chính là người thực hiện và bảo vệ ích lợi của đất nước, của toàn dân. Nhà nước ấy là công cụ quyền lực của toàn xã hội. Trong những xã hội không có dân chủ thì nhà nước là nhà nước của tầng lớp trên. Dân chủ là vũ khí của xã hội dùng để chặn bàn tay của tầng lớp trên không cho nó biến nhà nước thành công cụ chỉ biết bảo vệ lợi ích của chính nó.

Nói thêm về âm mưu diễn biến hòa bình và các thế lực thù địch

Những khái niệm trên đây thường được hiểu ngầm là để nói về những kẻ thù cũ. Thế nhưng những kẻ thù cũ ấy với những đồng đô-la quý báu đang từng ngày từng giờ chi phối đến công cuộc đề ra chính sách nhà nước ở cấp cao (vĩ mô) và khéo léo léo lái quyền lực nhà nước các cấp (vĩ mô) thế nào cho các đồng đô-la ấy sinh lợi nhiều nhất, nhanh nhất mà chi phí thì ít nhất.

Như vậy có một kẻ thù không rõ diện mạo đang ẩn núp đâu đó. Khi mà kẻ thù không có diện mạo rõ thì thường xuyên xảy ra thanh trừng trong nội bộ. Ai thanh trừng ai? Theo lý mà nói thì tầng lớp trên đang bị thanh trừng nhưng thực tiễn cho thấy tầng lớp dưới trong xã hội và đảng đang chịu sự thanh trừng ấy. Nền chuyên chính chủ trương làm giàu thực chất là chuyên chính tư sản. Đó là chuyên chính tư sản được bộ máy bạo lực nhân danh giai cấp vô sản thực hiện. Sự giàu lên của những đảng viên cầm quyền và gia đình họ cho thấy đảng mất phương hướng trong việc xác định đối tượng chuyên chính.

Từ đó mà suy, chính đảng cộng sản Việt Nam rất cần có dân chủ thực sự để đảng vẫn còn là đảng chính trị của tầng lớp dưới. Bởi vì nền dân chủ một đảng luôn luôn biến dạng thành nền chính trị độc tài tư sản. *Chuyên chính tư sản đỏ hay trắng thì đều là chuyên chính của tầng lớp trên.* Đó là nền dân chủ của số ít.

Có ba cách lựa chọn mà đại hội đảng lần thứ tám sẽ phải xem xét:

1. Tiếp tục thực hiện chuyên chính. Điều

ấy bảo đảm đảng còn lãnh đạo đất nước trong một thời gian nữa. Cuối cùng sẽ sụp đổ như bất kỳ nền chuyên chính nào.

2. Biến đảng thành người đại diện lợi ích của tầng lớp trên.

3. Đảng vẫn còn là đội tiên phong của tầng lớp dưới.

Nếu đảng thấy mình chưa tư sản hóa đủ để tầng lớp trên tin tưởng thấy đảng là người đại diện xứng đáng cho lợi ích của họ thì chọn cách thứ nhất.

Nếu đảng thấy số đảng viên còn thuộc tầng lớp dưới ít đi thì nên chọn cách thứ hai.

Nếu đảng còn chọn lựa chủ nghĩa Mác-Lênin làm kim chỉ nam thì nên chọn cách thứ ba.

Điều làm cho các nhà lý luận của đảng lúng túng là ở chỗ không dám chỉ ra những sai lầm của Mác khi Mác cho rằng chuyên chính vô sản luôn là chuyên chính của tầng lớp dưới. Thực tế cho thấy, chuyên chính kiểu nào thì do sự liên kết mặc nhiên giữa quyền và tiền, cuối cùng vẫn là chuyên chính tư sản, chuyên chính của tầng lớp trên.

Mác chưa thấy ra điều đó, vì Mác chưa thấy đảng cộng sản nắm quyền lực nhà nước. Lênin có thấy nhưng ông lại mất sớm. Chính cái sai đó của Mác đã làm cho các đảng cộng sản trong quá trình thực hiện chuyên chính vô sản đã sụp đổ tan tành và giao việc bảo vệ quyền lợi của tầng lớp dưới cho một chính đảng khác, hoặc thực sự quay về với tầng lớp dưới để lại được số đông cử tri (thuộc tầng lớp dưới) đưa lên ghế quyền lực trở lại. Đó là tình cảnh của một số đảng cộng sản Đông Âu vừa qua và hiện nay.

Nếu còn trung thành với lý tưởng của Mác thì phải đổi mới một điểm then chốt trong học thuyết. *Đó là chủ nghĩa cộng sản sẽ thực hiện một nền dân chủ vạn lần tốt hơn chuyên chính tư sản (thời kỳ Mác còn sống). Đó là nền dân chủ có đối lập mà đảng cộng sản luôn là người đại diện trung kiên cho quyền lợi của tầng lớp dưới thường chiếm số đông trong xã hội.* Điều đó sẽ bảo đảm cho các đảng cộng sản luôn được số đông tín nhiệm. Làm được như thế thì đảng sẽ được tiếng là trung thực về chính trị, luôn được sự kính trọng tin yêu của nhân dân. Đó chẳng phải là điều mong muốn nóng bỏng của những người làm chính trị, của những đảng chính trị hay sao?

Sự không trung thực về chính trị bao giờ cũng là nguồn gốc và động lực hủy hoại, tha hóa mọi giá trị cao đẹp của xã hội loài người nói chung và của đất nước, dân tộc Việt Nam nói riêng.

Điều quan trọng hơn tất cả là nền dân chủ một đảng chưa bao giờ là phương thức giữ

nước tốt nhất. Do đó có thể nói nền dân chủ một đảng là cha đẻ của diễn biến hòa bình. Lịch sử dân tộc đã chứng tỏ mà đảng cũng thường nói, tập đoàn thống trị luôn trở thành tập đoàn bán nước vì đặc quyền, đặc lợi.

Chủ nghĩa chống cộng

Có một số người nói không thể chống chủ nghĩa cộng sản. Nhận xét ấy có mặt đúng. Một số người khác lại nói không thể chống chủ nghĩa tư bản. Điều ấy cũng có mặt đúng. Chủ nghĩa cộng sản chỉ là tên gọi của khuynh hướng tư tưởng chú trọng bảo vệ lợi ích của tầng lớp dưới. Có thể lực chính trị nào chống đối lại lợi ích của tầng lớp dưới trong một xã hội mà tồn tại được chăng? Chống chủ nghĩa tư bản thì đất nước không giàu lên được, loài người sẽ lâm vào cảnh đói nghèo, bệnh tật, chiến tranh và hủy diệt. Cũng không ai làm chính trị vì lòng hận thù mà thành công, mà kiến tạo được một xã hội có kỷ cương, có văn hóa.

Cộng đồng Vatican II là sự tỉnh táo đáng phục của Thiên chúa giáo, vì những vấn kiện của nó không còn coi chủ nghĩa cộng sản là kẻ thù không đội chung trời. Không thể lực chính trị nào có thể tồn tại lâu dài khi cứ sống bám vào lợi ích của tầng lớp trên trong xã hội.

Tình hình Việt Nam ngày nay chỉ có nhu cầu dân chủ, không có nhu cầu bạo lực. Dân chủ không bao giờ đẻ ra từ bạo lực, từ sự thù hận chính trị. Không thể có một thứ chủ nghĩa chống cộng theo kiểu chống "bọn khổ rách áo ôm" trong tầng lớp dưới.

Trong một chế độ chính trị dân chủ thực sự, chủ nghĩa cộng sản nhất định có chỗ đứng của nó khi nào nó còn trung thành với lý tưởng của nó: là người đại diện chính đáng cho lợi ích của dân nghèo, của tầng lớp dưới.

Hy vọng

Những đảng viên vẫn nuôi lý tưởng giải phóng nhân dân lao động ra khỏi tình trạng sống bần cùng, tha hóa không thể nào ngồi yên nhìn những phần tử thoái hóa, thối nát, lợi dụng thế lực của đảng lên lút đi với tầng lớp trên mà miệng vẫn ngon ngọt nói đến chủ nghĩa cộng sản.

Những đảng viên ấy chính là những vốn quý, còn trung thành với lý tưởng vì dân, vì nước. Đảng coi trọng loại đảng viên nào?

Nếu có một nền dân chủ có đối lập thì những người ấy là lực lượng làm cho đảng thực sự thu phục được lòng dân. Đảng vẫn cứ nắm quyền quyết định việc nước do được sự hậu thuẫn của số đông.

Những dòng viết trên đây là để nói chuyện với những người cộng sản còn có nguyện vọng làm cho đời sống dân nghèo bớt khổ. Dân nghèo bao giờ cũng chiếm số đông trong xã hội dù cho đất nước có biến thành rừng, thành cọp hay thành cái gì đi chăng nữa.

Đất nước có được nền chính trị dân chủ có đối lập như vậy là phúc cho dân nghèo, cho đảng và trên hết là cho cả dân tộc không kể gì là giàu với nghèo. Chủ trương chuyển chính để cho loại đảng viên thoái hóa, biến chất bóc lột dân nghèo, làm kiệt quệ đất nước là đảng đang lợi ngược dòng chảy. Đảng nghĩ sao về việc ấy?

Những cái có thể

Trước tình trạng trong đảng và ngoài xã hội có sự phân hóa sâu sắc như hiện nay, tình hình đất nước có khả năng phát triển theo các hướng sau đây:

1. Đảng sẽ đẩy nhanh hơn nữa tốc độ đổi mới. Sử dụng các thành tựu ngoạn mục của công cuộc công nghiệp hóa để chứng minh nền dân chủ một đảng luôn luôn có khả năng phi thường. Do đó khẳng định được nền dân chủ một đảng là sự lựa chọn duy nhất đúng.

2. Làm chậm lại công cuộc phát triển của đất nước để làm giảm tình trạng căng thẳng trong các quan hệ xã hội, nhất là sự bất mãn ngày càng gia tăng giữa đại bộ phận nhân dân còn nghèo hoặc ngày càng nghèo đi với thiểu số người ngày càng giàu lên trong liên minh quyền tiền.

Những gì đang diễn ra trên đất nước cho thấy đảng muốn chọn cách thứ hai.

Khả năng thứ hai được chọn cho thấy đảng chưa muốn có đổi mới chính trị một cách sâu rộng. Đất nước có thể phát triển chậm đi một ít nhưng xã hội và đảng sẽ ít bị phân hóa hơn, đảng ít bị chê trách hơn. Mặt khác, phát triển với tốc độ chậm có vẻ phù hợp với khả năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức, thực hiện của đội ngũ cán bộ, đảng viên cầm quyền hiện nay.

Nếu khả năng này được chọn, còn cho thấy đảng sắp có những chuyển hướng trong các quan hệ đối ngoại.

Một sự lựa chọn như vậy chứng tỏ đảng đã hoảng hốt trước sự phát triển của xã hội, của đất nước và không chứng tỏ đảng đang đứng trên thế tiến công.

Tuy vậy nhìn từ đại cục thì cả hai khuynh hướng ấy không đối nghịch nhau. Chủ trương phát triển (đất nước) nhanh hay chậm đều thể hiện một ham muốn chung nhất: Phát triển nhanh hay chậm trong chế độ dân chủ một đảng đều có cùng mục đích là giữ nguyên hiện trạng. Bởi vì phát triển nhanh không thể làm cho tầng lớp dưới hết nghèo, trái lại phát triển chậm

cũng không làm cho tầng lớp trên trong liên minh quyền tiền không giàu lên hơn nữa.

Mặt khác không thể để cho đất nước phát triển theo năng lực, trình độ hiểu biết của những đảng viên một đảng, vì đấy là tội ác. Làm như vậy chỉ chứng tỏ đảng không làm việc nước, chỉ làm việc đảng. Thậm chí có người nói làm như vậy cũng không phải là làm việc đảng nữa kia. Cả hai chủ trương ấy đều nhằm một lợi ích không phù hợp với lợi ích của đất nước, dân tộc và xét cho cùng là lợi ích của đảng cầm quyền (không bao gồm những người cầm quyền).

Phát triển nhanh hay chậm mà đất nước, nhân dân tiếp tục bị liên minh quyền tiền xâu xé, chà đạp, rúc rĩa cho khánh kiệt đi, làm cho các thế hệ sau "trắng tay" thì có gì là hay.

Sự lựa chọn duy nhất đúng của đất nước và cả của đảng chính là đẩy nhanh tốc độ phát triển đất nước và mạnh dạn xây dựng một thể chế chính trị dân chủ có đối lập.

Làm như vậy thì quyền lãnh đạo đất nước của đảng có bị thử thách nhưng Việt Nam sớm theo kịp người mà tầng lớp dưới trong nội bộ dân tộc được che chắn tốt hơn. Không thể để cho nhân dân lao động Việt Nam ít được bảo vệ hơn nhân dân lao động của một nước Pháp, hay Mỹ, hay Ý... tư bản chủ nghĩa.

Có thể nói nhân dân lao động ở Trung Quốc được bảo vệ tốt hơn chăng, khi mà họ muốn đòi hỏi những quyền lợi cơ bản của người lao động nói riêng, của người công dân nói chung thì bị các điều trong hiến pháp và học thuyết chống diễn biến khóp miệng lại hoặc đưa vào nhà tù hoặc ra pháp trường?

Người cộng sản chân chính không thể làm như vậy với dân tộc mình, với tầng lớp đưa mình lên nắm quyền chính.

Nhân dân lao động ở Pháp, ở Ý tuy cũng chẳng ưa gì giới chủ nhân cá mập hoặc các chính quyền coi trọng lợi ích của tầng lớp trên nhưng họ lại tự chứng tỏ được rằng họ được che chắn tốt hơn, được tôn trọng hơn trong một nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và một nền chính trị có đối lập.

Cái có thể cuối cùng là khả năng diễn ra một cuộc thanh lọc nội bộ mà phần thắng thuộc về thế lực nào nắm được công cụ chuyển chính và được một sự hậu thuẫn nào đó ở ngoài.

Việc ấy chỉ có lợi cho tầng lớp trên, không có lợi cho đảng và nhất là cho dân tộc, đất nước.

Đảng nên vì lợi ích của ai và chọn lựa khả năng nào?

Trần Minh Thảo
Bảo Lộc, ngày 22-12-1995

LÃNH ĐẠO QUẦN CHÚNG

Đặng Ứng Hà

Những tháng cuối năm 95, Thông Luận đã góp được một phần thú vị vào việc phát huy tinh thần dân chủ, thể hiện qua cuộc thảo luận sôi động về vấn đề lòng yêu nước của người Việt Nam. Những ý kiến đóng góp về bài báo của ông Nguyễn Gia Kiểng, Một Cách Nhìn Cuộc Chiến (TL 82 tr.4-5) nói lên trọn vẹn tinh thần tôn trọng ý kiến khác biệt, tinh thần cởi mở của những người chia sẻ quan điểm dân chủ. Không phải là nhiều nhận gì những thảo luận ngoạn mục như thế trên các diễn đàn báo chí ở quanh đây. Cho đến nay, đã có sáu bài tranh luận được in ra liên tiếp trong sáu tháng báo. Những bài góp ý thảo luận nói chung đều duyệt lại luận điểm về lòng yêu nước của quần chúng, và đồng thanh đối lập với quan điểm của tác giả, khiến ông phải nói thêm trong một bài tạp ghi (TL 84, tr. 31) mà theo ý tôi là không cần thiết. Số phận của bài báo như thế là để gợi một nỗ lực làm mới cách nhìn sự kiện đã quá quen thuộc tưởng như không cần bàn cãi gì nữa cả. Những suy nghĩ dưới đây xin được xem như là một cách hiểu khác giữa hai hàng chữ, qua bài viết của Nguyễn Gia Kiểng.

Những bài viết của Nguyễn Gia Kiểng thường vẫn sắc cạnh, khám phá, đã hình thành một phong cách chính luận đanh thép của một người hoạt động chính trị nhiệt tâm và có tài. Bài viết của ông thường có những nhận định độc đáo. Phong thái nhìn vấn đề của ông thường phóng khoáng, bao dung. Từ những ấn tượng đã có về những bài viết trước đây của ông, tôi đọc bài báo vừa nói với sự đồng tình lẫn lo ngại về những tranh luận không tránh khỏi, vì những lẽ sau đây: đầu tiên là bài viết dùng khá nhiều kỹ thuật quen thuộc trong văn học thiên hay trong tâm lý trị liệu: ngụ ngôn, ẩn dụ và những nghịch lý. Đặc biệt là lý luận bằng những nghịch lý thường có hiệu quả cao, chúng có thể lay động tận gốc rễ những thói quen tư duy của người đối thoại. Những kiểu lập ngôn này rất ít thấy trong văn chính luận. (Có lẽ chỉ NGK mới bàn một cách thoải mái và hấp dẫn về quỹ đạo của chó trong một bài văn chính luận). Nếu ẩn dụ thường có sức thuyết phục mạnh thì phải nhận rằng lối nói nghịch lý rất khó nuốt vì thường là chứng đảo lộn những định kiến có sẵn; người đọc dễ nhói

tim khi nghe ông thuyết phục kiểu như *lòng yêu nước của người Việt có thể chỉ là một ngộ nhận, người Việt Nam không yêu nước như ta tưởng, chúng ta khó yêu nước vì chúng ta thiếu truyền thống yêu nước, chúng ta khó yêu nước vì thiếu văn hóa, tổ quốc Việt Nam cũng phải biết ăn năn...*

Một lẽ khác nữa là bài viết để lộ một số những khái niệm bị chấp lẩn, khiến dễ gây ngộ nhận. Khái niệm "tổ quốc" chẳng hạn đã không mặc ý nghĩa vẫn có. Những người góp ý đây đó cũng nhận thấy sự chấp lẩn này trong lập luận, khi các vị cho là ông Kiểng đã đồng hóa tổ quốc với chế độ chính trị hay là thiếu số cầm quyền. Thử thay thế một số từ ngữ mấu chốt thường được nhắc đến trong bài viết, như là "*chúng ta*" (chúng ta thiếu lòng yêu nước), "*tổ quốc*" (tổ quốc biết ăn năn) hay cả như "*người Việt Nam*" bằng cụm từ "*giới lãnh đạo hai miền nam, bắc*" chẳng hạn, thì ý nghĩa của một số nhận định trở nên sáng tỏ và có thể đã là cơ sở cho đồng thuận rộng rãi. Theo cách này, ta hãy thử đọc lại mấy câu có dùng mấy từ trên; "giới lãnh đạo hai miền nam, bắc không yêu nước như ta tưởng", "lòng yêu nước của giới lãnh đạo hai miền nam, bắc tuy có nhưng mờ nhạt, nó luôn ở dưới một cái gì khác". Cũng thế một câu đã từng bị gạt vắn đã trở nên rõ nghĩa hơn: "lòng yêu nước của giới lãnh đạo hai miền nam, bắc chưa bao giờ là một yếu tố quyết định"... Đường như chính hai khái niệm "yêu nước" cũng tạo ra nhiều tranh cãi chỉ vì nội diện của nó không được xác định cụ thể: yêu nước trong tình thế đất nước ngửa nghiêng hay yêu nước trong thời bình? Sự không rành mạch này đã khiến cuộc thảo luận khó dẫn đến đồng thuận nào.

Thêm nữa là một số phán đoán sự kiện dường như chưa được kiểm chứng chính xác. Những phân tích về nguyên nhân của sự kiện tác giả cho là thiếu truyền thống yêu nước (nơi những nhà chính trị sùng bái chủ nghĩa hay quyền lợi phe đảng), và những đánh giá về lòng yêu nước của những người đã tham dự cuộc chiến vừa qua với tất cả tâm huyết và bằng thái độ dấn thân, là những nhận định gây nhiều tranh cãi. Sở dĩ thế là vì bài viết không phân định đâu là trách nhiệm của những kẻ cầm quyền và đâu là khối quần chúng đồng đảo trong sự việc mà NGK gọi là

"nhảm nhí hóa" lòng yêu nước. Cả bài viết có thể nói là đã bắt đầu từ một dấu hỏi lớn về người cộng sản cầm quyền để đi đến nhận định đanh thép về tập đoàn lãnh đạo này qua hành động mà họ từng nhân danh lòng yêu nước: hạ nhục tập thể, và bỏ tù cả nước khi quyền hành đất nước vào tay. Một đảng yêu nước không thể làm thế, không thể yêu nước Việt Nam mà không hề xót thương người Việt Nam... Gạt bỏ dần những nội dung cần xác minh của bài viết, có thể thấy hai luận điểm chính: (1) những người cầm quyền xưa nay vẫn chỉ giàu lòng yêu địa vị, quyền lợi của họ hơn là phát huy lòng yêu nước của nhân dân; (2) phải làm mới bầu không khí cho sinh hoạt chính trị trở nên lành mạnh, có văn hóa, có thể mới giúp đất nước tiến đến một xã hội tốt đẹp, để con người sẽ yêu nước bền bỉ và sâu sắc, ví như cọp lại về rừng, như trẻ lại có mẹ để được hôn. Cần nói ngay là bài viết dành phần lớn để đánh giá di vãng và hiện trạng mà mới chỉ phác thảo những nét mới hazy còn rất khái quát cho tương lai. Nhưng hai luận điểm trên không thể có cơ sở bàn cãi nếu không dựa trên một tiền đề cơ bản là: người Việt Nam giàu lòng yêu nước (hiểu là một tình cảm tự nguyện dẫn đến hy sinh cá nhân rất lớn lao vì nghĩa cả), nhưng lòng yêu nước của dân chúng đã không đem lại một kết quả đáng ra phải có. Cho nên, tôi ngờ là NGK không hề có ý định duyệt xét lại xem người Việt chúng ta (hiểu là một cộng đồng dân tộc) có yêu nước hay không - một vấn đề có lẽ hiển nhiên không cần tra vấn. Ông chỉ muốn tra vấn lại lòng yêu nước của những kẻ có quyền lực chính trị tại đất nước chúng ta mà thôi.

Cứ qua mạch lý luận thì dường như chủ ý của bài viết NGK chỉ muốn mượn vấn đề phát huy lòng yêu nước để đặt một vấn đề khác, rất thực tiễn cho những ai quan tâm đến cuộc đấu tranh lâu dài để xây dựng đất nước trong một hoàn cảnh sau chiến tranh, đó là: giới lãnh đạo chính trị đã sử dụng lòng yêu nước của người Việt vào những canh bạc chính trị của mình như thế nào? Câu trả lời của ông là: giới lãnh đạo chính trị trong bối cảnh chính trị Việt Nam hiện đại đã lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân vào những mưu đồ chủ nghĩa, phe phái, cộng sản hay quốc gia cũng thế thôi. Tác giả đã dựa trên tang chứng lịch sử là sự chông chát thù hằn đen tối, để dẫn đến kết luận là những kẻ lãnh đạo như thế đã chỉ làm cho lòng yêu nước của dân tộc trở nên nhảm nhí: người lãnh đạo cộng sản đã lừa lừa nước ở phía nam vào tù đầy, ngược đãi, tra thù... khi họ toàn thắng một cuộc chiến

dài lâu mà lịch sử sẽ định luận sau; giới lãnh đạo ở miền nam thì lợi dụng chiến tranh chống cộng để làm giàu bằng chức tước tiền của tham nhũng... Cường bức lý luận để bảo rằng bọn họ yêu nước trong những điều kiện tâm lý văn hóa vừa kể sẽ là thứ lập luận xa xỉ nếu không nói là mĩa mai. Những đánh giá về thành phần lãnh đạo Việt Nam ở hai miền nam bắc trước đây và nhà cầm quyền cộng sản hiện nay nhìn chung thì chẳng thể gọi là thất nhân tâm, như có vị nhận xét, mà chính là rất nhất quán với quan điểm dân chủ đa nguyên: Đó là bài học cho những người hoạt động chính trị ngày mai. Thế thì bài viết nói trên của NGK đã mở ra một đề tài đáng suy nghĩ: Người lãnh đạo chính trị của một nước Việt Nam theo hướng dân chủ đa nguyên phải đặt mối quan hệ với quần chúng, nhân dân như thế nào để tránh vết xe đổ của lịch sử?

Anh em làm công việc vận động quần chúng đều không khỏi có những lúc ngán ngẩm khi nhận thấy hiện tượng quần chúng ở trong nước hay ở hải ngoại đều thờ ơ với đất nước, hay đúng hơn là thờ ơ đối với hoạt động chính trị trong hoàn cảnh hiện nay. Nhưng có thể nào chỉ dựa vào hoàn cảnh hiện nay mà nhận định rằng lòng yêu nước của người Việt Nam đã bị thoái hóa được không? Đã hẳn là chúng ta không thể cười được khi đọc một bài báo nhỏ đại loại như bài "Hội khóc" của Phù Du (TL 88 - tr. 32), nhưng nghĩ cho cùng thì hiện tượng vừa nêu có những nguyên nhân hiện thực của chúng, và người hoạt động phải tìm cho ra để tu chỉnh cho sách lược vận động quần chúng của mình về lâu về dài.

Trên dòng lịch sử đã có không biết bao nhiêu là những thành công về công tác vận động quần chúng của cha ông. Mỗi giai đoạn lịch sử đều đã có những hội nghị Diên Hồng của nó nếu có được người lãnh đạo đúng đắn. Chúng ta hôm nay phải có những cố gắng học hỏi nghiêm chỉnh về kinh nghiệm lịch sử để tránh cho phong trào dân chủ những tiếng thở dài quá đáng. Khi chưa hiểu hết nỗi lòng về tâm lý quần chúng mà đã vội chê trách thì sẽ mất quan điểm quần chúng của phong trào dân chủ đa nguyên. Gần đây báo chí hay nói về sự thoái hóa lòng yêu nước của quần chúng ở hải ngoại. Cứ gì ở hải ngoại! Ở trong nước mấy ai hiểu rõ hiện tình của giáo hội Phật giáo? Mấy ai được hiểu rõ sự dửng dưng của Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt - những biểu tượng của phong trào dân chủ! Chẳng phải quần chúng trong nước cũng như ở hải ngoại chỉ biết nhón nhời ngồi chờ dân chủ đối lập mạnh

lên để nhảy vào ăn có đâu! Cũng chẳng phải lòng yêu nước bị thoái hóa gì cả. Một người làm chính trị kiểu Machiavelli cũng còn phải thừa nhận quần chúng là một sức mạnh dù là "sức mạnh mù lòa". Vấn đề đặt ra cho nhà chính trị là biết phát huy sức mạnh đó như thế nào, hướng về lý tưởng nào để cho dân giàu nước mạnh mà thôi.

Sự bất hạnh của sức mạnh quần chúng nhân dân Việt Nam là: chưa bao giờ - ít ra là trong lịch sử hiện đại - sức mạnh đó được trân trọng và phát huy chính đáng. Trải qua bao nhiêu chế độ nối tiếp nhau, trước những tình thế nghiêm trọng của đất nước, người công dân Việt Nam đã đứng lên đáp lời sông núi, xem như một nghĩa vụ thiêng liêng. Nhưng khi đất nước đã "vùng vẫy vàng" ai nấy lại trở về với cương vị của mình, giao lại việc cai quản việc nước cho nhà cầm quyền. Kết quả? Được thấy những nhà chính trị hứa hẹn những chương trình hay ho, được nghe bao nhiêu bài diễn văn hào nhoáng của đủ thứ lãnh tụ, quần chúng chỉ thấy mình bị lừa gạt. Lòng yêu nước của quần chúng luôn luôn bị phản bội, bị lợi dụng. Bởi những kẻ tự nhận là lãnh đạo họ. Quần chúng đã hành xử quyền công dân cuối cùng còn rớt lại trong tay họ: "xin cho hai chữ bình yên", hoặc tội nghiệp hơn thế nữa: "cầu cho bạo chúa sống lâu". Tâm lý "mủ ni che tai" của một bộ phận nào đó trong khối quần chúng thâm lặng kia còn cần phải được đặt vào bối cảnh xã hội của nó để thấy rằng đấy chính là sản phẩm của cả một nền giáo dục lạc lõng thiếu phương hướng đào luyện tư duy độc lập và ý thức chính trị cho công dân. Giáo dục đã chỉ nhằm mục đích rèn luyện người công dân trở nên những con cừu chính trị trong tay những tập đoàn nối đuôi nhau cầm quyền. Nền giáo dục đó đã kéo lê dân tộc qua hơn năm trăm năm (trải từ giáo dục phong kiến đến giáo dục thực dân) chứ ít ỏi gì! Một phần lớn những luận điểm của bài viết NGK sẽ rất có ý nghĩa để làm nền cho những chính sách văn hóa giáo dục, nhằm bầy lên một sức mạnh đang lụi trong giấc đông miên. Làm sao để cắt đứt vòng lẩn quẩn này, để nối lại sợi dây liên lạc bền chặt giữa nhà chính trị và quần chúng? NGK đề nghị một biện pháp đầu tiên: sám hối. (Tổ quốc phải biết ăn năn - TL 82, tr.5). Đấy chính là điểm khởi hành cho một không khí sinh hoạt chính trị mới cho dân tộc chúng ta. Xin nhắc lại: chỉ là điểm khởi đầu. Từ đó đến việc huy động được khối quần chúng còn là một bước dài. Đấy là một yếu tố quan trọng cần được trang bị cho những nhà chính trị để họ biết

làm chính trị sạch sẽ ở một trình độ chính trị có văn hóa. Khi nói đến tổ quốc có trái tim chứ không phải chỉ có nanh vuốt chẳng hạn, là chúng ta ước mơ ngày Việt Nam có được những nhà lãnh đạo có văn hóa.

Ở đây, bài học của những nước dân chủ phương tây là một kinh nghiệm đáng suy nghĩ. Trong một đất nước dân chủ, nghĩa là ở đó quyền tự do của công dân được tôn trọng, và quyền yêu nước của công dân không bị chà đạp, thì tỷ lệ những cử tri sử dụng quyền bầu phiếu không bao giờ đạt được đến tỷ lệ tuyệt vời mà ta thấy ở đất nước cộng sản (từ 90 đến 95 % số cử tri!). Nhưng có điều rất hiển nhiên là cho dù những công dân tích cực tham gia sinh hoạt chính trị chỉ ở một tỷ lệ dân số nhỏ, đã có những người hoạt động chính trị sử dụng xuất sắc quyền yêu nước của họ tại nghị trường, tại diễn đàn công cộng, trên cương vị chính quyền. Quyền yêu nước khi đó là quyền được làm đẹp đất nước mình, làm đẹp cuộc sống của đồng bào mình. Đó là điểm hẹn ước mơ của những người dân chủ Việt Nam hôm nay vậy. Giấc mơ đó có ở trong trang viết của NGK. Ông say mê nói về (những con người làm chính trị có) lòng yêu nước tự nguyện, trong sáng. Đó là lòng yêu nước "đã được phát minh lại".

Vấn đề tương quan trách nhiệm giữa lãnh đạo và quần chúng cần được đặt ra công khai để chuẩn bị cho hành trình vận động cho phong trào dân chủ đa nguyên ở trong nước cũng như ở hải ngoại trở nên cứng cáp, nhịp nhàng và nhất là có hiệu quả. Và đó lại là một việc khẩn thiết. Nỗ lực giải gỡ vấn đề này cũng sẽ là nỗ lực để vượt bỏ một tình cảnh đáng buồn đã gần như thâm căn cố đế trong não trạng dân tộc, mà có vị đã ví von rằng: ta có thừa lòng yêu nước nhưng lại thiếu lòng yêu nhau. Nhưng cuộc vận động chính trị nào cũng cần phải được chu đáo về hai yếu tố: tạo một tình thế chính trị chín muồi cho một cuộc thay đổi, và xây dựng một tổ chức chính trị thích ứng với tình thế. Phong trào dân chủ Việt Nam sẽ phải nhìn lại hai yếu tố này để tạo một vị trí chính trị có sức mạnh. Bằng không thì bất quá chỉ thỉnh thoảng ném ra vài bài báo hăm dọa đối với quần chúng. Và như thế chỉ càng tỏ ra mình là những kẻ vô trách nhiệm đối với đất nước, với quần chúng, với lịch sử mà thôi. Người cộng sản đã thành công đối với thời đại của họ là vì họ đã làm chủ được hai yếu tố mà họ gọi là tình thế cách mạng và tổ chức. Thời đại đấu tranh cho lý tưởng đa nguyên hôm nay thì sao?

Đặng Ứng Hà

Nhân quyền và Liên đới

Trần Ngọc Sơn

Không khí ngọt ngào trước Đại hội VIII

Sau một loạt bắt bớ, xử tù những người dám lên tiếng đòi công bằng, dân chủ trong đảng, phe bảo thủ Anh-Muời-Tùng vừa tung ra một đòn tấn công phe Võ Văn Kiệt và dân chúng vào đầu tháng hai 96: dưới chiêu bài chống "hiện tượng tiêu cực", họ ra lệnh dẹp tất cả băng hiệu tượng trưng cho "tư bản chủ nghĩa" mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tốn rất nhiều công sức mời vào Việt Nam.

Theo ký giả Alain Lebas của báo Libération ra ngày 17-2-96, các băng hiệu mang tên Fuji, Kodak, Toshiba, Samsung, Sunrise, Lotus, Boss, Esso, BP... phải được tháo gỡ nếu không chủ băng hiệu sẽ bị phạt từ 50 ngàn đến một triệu đồng. Hiện nay nhiều băng hiệu được đập lại bằng bao nhựa hoặc giấy báo chờ ngày...tươi sáng hơn.

Càng cận ngày đại hội VIII của Đảng Cộng sản (ĐCS) sắp tới, phe bảo thủ càng tỏ ra hung hỏ. Trên báo Lao Động, rất nhiều bài viết yêu cầu ĐCS tài trợ thêm vốn cho các xí nghiệp quốc doanh, một đòn tâm lý làm như phe bảo thủ Anh-Muời-Tùng chắc chắn sẽ thắng thế.

Nhiều nguồn tin về thay đổi nhân sự được tung ra như Phó Thủ tướng Phan Văn Khải sẽ lấy chỗ ông Kiệt và Bộ trưởng Nội vụ Bùi Thiện Ngộ sẽ lấy chỗ của ông Đỗ Mười. Theo ký giả Lebas thì ông Võ Văn Kiệt sẽ thế Đỗ Mười trong khi ông Lê Đức Anh vẫn không mất ghế chủ tịch nước.

Nguồn tin thay đổi nhân sự để lộ một điều là phe bảo thủ không mạnh như người ta tưởng mặc dù họ đang nắm cả bộ máy tổ chức ĐCS. Nếu họ đủ mạnh thì tại sao lại đặt vấn đề thay thế ông Đỗ Mười hay ông Lê Đức Anh trong bối cảnh giằng co quyền hành hiện nay? Tuổi tác không phải là lý do chính khi mọi người đều biết rằng ông Hồ Chí Minh và ông Lê Duẩn đã trị vì cho đến hơi thở cuối cùng.

Việt Nam cận đại đã trải qua nhiều cuộc tranh quyền. Sau khi tiêu diệt các

lãnh tụ không theo cộng sản (CS) để giành độc quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân, dưới chiêu bài "chống Mỹ cứu nước", ĐCS đã diệt luôn phe quốc gia ở miền Nam để áp đặt một chế độ độc tài sâu một chưa từng có trong lịch sử Việt Nam mà mọi người đều biết. Hậu quả của chế độ độc tài sâu một này đã đưa Việt Nam đến đỉnh thấp nhất của thời đại: một trong sáu nước nghèo nhất thế giới!

Trong thời kỳ chống thực dân, Việt Nam được nhiều người trên thế giới ủng hộ, hoặc trong thời kỳ chiến tranh mà Mỹ trực tiếp nhúng tay vào, phong trào ủng hộ Việt Nam từ hai phía cũng rất rầm rộ: những người ủng hộ CS và những người chống cộng. Nhưng 20 năm sau, những người đã từng ủng hộ ĐCS đã quay lưng lại, hay nói đúng hơn ĐCS đã quay lưng lại với họ. Chúng ta có thể kể những Joan Baez, những Jane Fonda, hoặc "có ý kiến" với ĐCS như nhà toán học Pháp Laurent Schwartz...

Hiện nay Việt Nam còn giá trị gì để hy vọng có được một phong trào thế giới ủng hộ hoặc yểm trợ Việt Nam?

Chủ nghĩa và con người

Phải hiểu những người đã từng ủng hộ ĐCS trong cuộc chiến tranh vừa qua ở một điểm: bao trùm lên trên tư tưởng của Marx, khi ông tố cáo sự bóc lột thậm tệ của chủ nghĩa tư bản thế kỷ 19, là ý tưởng nhân đạo giữa người với người. Nói một cách khác, lý tưởng CS đã toát ra được một quan niệm nhân đạo mà mọi người đều mơ tưởng, từ những người trí thức đến những người bần cùng. Nếu ai cũng biết hậu quả của chủ nghĩa CS đã hủy hoại con người sau 20 năm cầm quyền như thế nào thì chắc chắn sẽ không có nhiều người ủng hộ như trước kia. Chỉ tiếc rằng phía chống cộng đã bất lực, không nêu lên được sự thật phũ phàng và CS chỉ sụp đổ khi họ bắt đầu đặt nghi vấn trên chủ nghĩa của họ chứ không phải vì phe chống cộng đập vỡ được bức màn sắt.

Rút kinh nghiệm của sự sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô cũ, phe bảo thủ Anh-Muời-Tùng co cụm về chủ nghĩa CS cổ

điển, giáo điều, trong khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt hoài nghi, chỉ đưa ra một khẩu hiệu: "Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng và văn minh". Thay chủ nghĩa bằng con người, mặc dù không nói ra, phải chăng ông Kiệt đang ngấp nghé làm một cuộc sám hối cuối đời? Diễn biến hòa bình đã nằm trong đầu não ĐCS và "ổn định chính trị" chắc chắn sẽ được phe bảo thủ tiếp tục thực hiện bằng nhà tù, công an, quân đội thay vì bằng ổn định lòng người.

Nhân quyền, Liên đới xã hội: hai giá trị của một xã hội đáng kính

Sự kiện ĐCS suy yếu đã cho phép con người Việt Nam được tự do hơn. Lịch sử các dân tộc châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ đã có biết bao cuộc nổi dậy đòi tự do, vì vậy tự do là một giá trị chung cho con người, bất luận da trắng, da đen, da vàng. Chính ông Hồ Chí Minh đã đưa ra khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Một lần tôi về Hà Nội, anh trách nhiệm chi bộ đảng một cơ quan nói với tôi là dân Hà Nội kể chuyện vui rằng khi ông Lê Duẩn chết xuống gặp ông Hồ, ông Hồ hỏi: "các chú đã thực hiện di chúc của tôi đến đâu rồi?", Lê Duẩn trả lời: "thưa bác được một phần ba thôi". Và anh cười nói một phần ba của câu "Không có gì quý hơn độc lập tự do" tức là "Không có gì".

Chính những người cộng sản khi giả mạo di chúc của ông Hồ đã là những người thóa mạ ông Hồ đầu tiên. Hãy để cho ông Hồ yên nghỉ và lịch sử sẽ đánh giá ông Hồ khi tất cả sự tuyên truyền lăng xướng để cho sự thật nổi lên. Đưa "tư tưởng Hồ Chí Minh" ra trong lúc đất nước lúi xuống gần đến hàng cuối cùng của thế giới là tính buộc ông Hồ chết thêm một lần nữa.

Khái niệm nhân quyền cơ bản là khái niệm tự do và là một khái niệm không có tính thời gian, không gian. Rất nhiều nước chưa thực hiện nhân quyền, chủ yếu là những nước chậm tiến, độc tài, kém văn minh. Những nước đang thực hiện nhân quyền hiện nay cũng chưa áp dụng nhân quyền một cách tuyệt đối và

Thông Luận

thường trực. Khi cần bán vũ khí cho Đài Loan, Pháp "tạm quên" nhân quyền để mời đón Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng, người mà trước đó bị tố cáo là "nhờ bẩn" khi ra lệnh cho xe tăng dày xéo lên đoàn sinh viên biểu tình đòi tự do dân chủ ở Thiên An Môn. Tại sao vậy?

Phải chăng áp dụng nhân quyền một cách tuyệt đối, thường trực có quá nhiều khó khăn? Chính vì khó khăn như vậy nên việc áp dụng nhân quyền một cách tuyệt đối và thường trực trở thành một giá trị mà mọi người đều mơ ước, giá trị này là một thách thức. Việt Nam trong tương lai có dám nhận sự thách thức này chăng? nhận sự thách thức này là xem con người trên chủ nghĩa.

Một giá trị khác cho xã hội Việt Nam tương lai phải chăng là sự liên đới xã hội? Một xã hội công bằng là cần thiết vì nó là nền tảng của lẽ phải. Nhưng chỉ có công bằng thì vẫn chưa đủ. Xã hội nào cũng có kẻ giàu người nghèo, một nước ở hạng nghèo gần nhất thế giới như Việt Nam thì người nghèo thực chất là những người bản cùng. Sau gần nửa thế kỷ chiến tranh và hủy hoại, phải chăng sự liên đới đã trở thành một nhu cầu bức thiết?

Liệu nhân quyền và liên đới có khả năng vượt lên trên tất cả những tính toán về phát triển kinh tế chăng? Nếu được như vậy, có lẽ giá trị cao nhất mà Việt Nam sẽ mang lại cho cộng đồng thế giới là ở chỗ đó.

Lúc nào Việt Nam cũng cần sự yểm trợ của thế giới. Khi còn nghèo nàn lạc hậu, Việt Nam lại còn cần sự yểm trợ của nhân dân và chính phủ các nước trên thế giới hơn nữa.

Như đã nói ở trên, Việt Nam đã từng chinh phục được tình cảm của nhân dân và các chính phủ trên thế giới từ phía chống cộng cũng như từ phía có cảm tình với cộng sản. Từ hai mươi năm nay, ĐCS đã quay lưng lại với tất cả tình cảm mà thế giới đã dành cho chúng ta. Để lấy lại được tình cảm đó, không thể chỉ dựa trên "dân giàu nước mạnh xã hội công bằng và văn minh" như Thủ tướng Võ Văn Kiệt chủ trương mà phải dựa trên những giá trị tuy cũ mà mới: nhân quyền triệt để và thường trực đồng thời *liên đới trong xã hội Việt Nam*.

ĐCS vẫn tiếp tục độc tài, hẹp hòi, thù hận, tham nhũng. Đó không phải là đất lành để cho những giá trị này nảy nở.

Trần Ngọc Sơn

Phát triển hỗn loạn và hậu quả

Sau 20 năm vắng mặt, khi trở về thăm quê hương, có lẽ mọi người đều nhìn nhận là từ thành thị đến thôn quê, trên các trục lộ, ở đâu cũng thấy quang cảnh xe cộ tấp nập, nhà cửa xây cất dày đặc và người qua lại một cách hỗn loạn trên các đường phố.

Không có gì lạ, khi so sánh hai con số: 50 triệu dân vào năm 1975 và 72 triệu năm 1995. Dân số Việt Nam đã tăng 22 triệu, tức tăng 44% trong 20 năm qua. Với 50% dân số dưới 20 tuổi, tốc độ gia tăng dân số sẽ còn khủng khiếp hơn nữa.

Thử nhìn những con số ấy với diện tích đất đai. Diện tích chung cả nước khoảng 332.000km², 1/3 là vùng đồng bằng, nơi hiện khoảng 85% người Việt sinh sống với mật độ gần 600 người/km². (Pháp khoảng 100 người/km²). Trong vòng 30 năm nữa dân số Việt Nam sẽ lên đến 140 triệu người. Lúc bấy giờ, sẽ có ít nhất hơn một nửa dân số sẽ tập trung vào các thành thị, thay vì 20% như hiện giờ, để sinh sống. Hãy tưởng tượng cảnh 70 triệu người tập trung vào các thành phố, không gian trong các đô thị phải rộng lớn như thế nào, đất ruộng sẽ bị thu hẹp lại và sẽ không nuôi nổi một số dân quá lớn như vậy!

Giới hạn sinh đẻ và giới hạn đất đai xây cất là hai nhu cầu cấp bách kể từ nay. Giới hạn đất đai xây cất là hạn chế mật độ nhà cửa và không cho các đô thị, làng mạc bành trướng mãi mãi. (Con đường Hà Nội - Hà Đông đã trở thành dây phố tấp nập và sẽ bị tắc nghẽn. Không gian từ Biên Hòa đến Mỹ Tho, xuyên qua Sài Gòn - Chợ Lớn, cũng sẽ như vậy).

Xưa kia, người dân có tay nghề cất nhà theo lối cổ truyền, bố cục vững chắc và tế nhị. Các làng mạc ngăn nắp quy củ. Ngày nay, với phương tiện xây cất bằng xi-măng và bê-tông, và thường hay bắt chước kiểu "nhà tây" một cách kỳ quái, cấu trúc nhà cửa không thích hợp với nếp sống và khí hậu địa phương. Do đó ta thường gặp các kiểu nhà lổ lổng, thiếu tiện nghi, thiếu thẩm mỹ. Nơi nào có thể xây cất được là người ta dựng nhà, lập phố, bất chấp mọi quy luật kiến trúc, kể cả các công trình của nhà nước. Quang cảnh luộm thuộm từ trong nhà ra đến đường phố, kể cả thôn quê, đang phổ biến khắp cả nước. Càng

nhiều đô-la, người ta lại càng xây cất lung tung, bừa bãi. Khi "dân giàu nước mạnh", hãy tưởng tượng quang cảnh sẽ hỗn loạn đến chừng nào. Các nhà quy hoạch ngoại quốc thường khuyên là Sài Gòn và Hà Nội không nên bắt chước Bangkok, nghĩa là đừng để đô-la làm chủ quy hoạch (thiết kế đô thị), làm cho đường sá tắc nghẽn trong khói, bụi, ồn ào và ô nhiễm.

Thực tế cho thấy là cơn sốt xây cất ở Việt Nam không một nước nào trên thế giới sánh kịp. Đường sá tại các thành phố, kể cả Sài Gòn và Hà Nội, chưa được trang bị để đón nhận đủ loại xe cộ đang và sắp được hơn 10 hãng ngoại quốc sản xuất. (Trong khi đó đường như chưa có xưởng lắp ráp máy cày). Như vậy, sau này ô nhiễm ở Sài Gòn và Hà Nội sẽ vượt xa Bangkok, và quang cảnh hỗn loạn ở đô thị sẽ còn khủng khiếp hơn nữa!

Tàn nhẫn đuổi người nghèo buôn bán trên vỉa hè là điều chưa cần thiết vì cảnh lộn xộn họ tạo ra không ảnh hưởng đến tương lai của thành phố. Ngược lại, nạn người có tiền xây cất lung tung mới thật là vấn đề nan giải và nạn phá hoại thiên nhiên mới thật sự vô cùng tai hại. Trước các ngang trái ấy, sức ép dân số ở đô thị trong điều kiện quá gay gắt sẽ có khả năng làm xã hội đô thị bùng nổ dưới hình thức này hay hình thức khác và rất có thể cùng một lúc dưới nhiều hình thức khác nhau. Hãy nhìn cảnh dân chúng tại các đô thị lớn tại Brazil và Phi Luật Tân hiện nay sinh sống như thế nào thì ta có thể tưởng tượng cảnh các thành phố Việt Nam sẽ như thế ấy: hỗn loạn và tội ác sẽ bao trùm.

Cách giải quyết vấn đề thực ra cũng không đơn giản, nó đòi hỏi một sự chuẩn bị sâu rộng liên quan đến mọi lãnh vực và sinh hoạt xã hội, từ chánh trị, kinh tế, kỹ thuật đến tâm tư, lẽ lối suy nghĩ của người lãnh đạo trước hết và sau đó của người dân.

Không ai ngoài chính quyền có thể giải quyết tình trạng hỗn loạn xây cất hiện nay, nhưng có lẽ họ cũng không muốn giải quyết vội vì đó là một nguồn lợi mà họ muốn duy trì lâu dài để khai thác.

Paris, 23-12-1995
Nguyễn Văn Việt

Dân Việt Nam phải làm gì ngay lúc này?

Trong bài "Dân tộc Việt Nam trước sứ mệnh của mình" đăng trong báo Thông Luận số 84, tháng 7 năm 1995 tôi nói chưa hết lời, tôi xin nói tiếp.

Cho được chu toàn sứ mệnh của mình, dân tộc ta trước hết phải làm lại một cuộc cách mệnh toàn diện tự bên trong, một cách mệnh mà gần hết các nước cộng sản trên hoàn cầu, từ nam chí bắc, ngoài Trung Hoa, Bắc Cao Ly và Việt Nam, đã làm, một cách mệnh mà các nhà điều khiển xử ta, vì trễ trung quá, nên không ý thức.

Một chính sách tự cho là khoa học, đã được hơn một thế kỷ nay, mà kinh nghiệm hoàn cầu đều cho ta biết không có thể áp dụng được vì nó trái với luật thiên nhiên của Trời Đất, một chính sách độc tài, ác nghiệt, vô nhân đạo mà loài người chưa từng thấy, một chính sách đã làm tê liệt cả một lục địa (Trung Hoa, Việt Nam, Bắc Cao Ly), làm đến gần 50 triệu người chết vì đói hay rù tù, chính sách này mà dân ta muốn sống thì phải triệt bỏ nó đi tận rễ.

Chính sách này là chính sách nào?

Đây là đại cương của chính sách đó.

Trong khi nước ta cần sức của toàn dân để xây dựng lại một xứ sở đã bị 40 năm chiến tranh tàn phá hơn cả đại chiến thứ hai ở Âu châu, thì các quan cách mệnh của ta theo một chính sách vô lý chia dân ta ra làm hai hạng: một hạng hồi xưa giàu có và một hạng hồi xưa nghèo.

Bên ta hồi xưa ai giàu? Không kể một vài làng ở Ninh Bình hay Thái Bình mà ở trong đó có một vài triệu phú vì cho vay lãi mà trở nên giàu, hay là mấy ông nhà giàu ở ngoài tỉnh thành cũng vì cho vay lãi mà trở nên giàu, còn bao nhiêu họ khác ở các làng Trung châu, người giàu nghĩa là có 3,4 mẫu ruộng, mỗi ngày có hai, ba bữa cơm. Công chức nhờ có vợ tần tảo buôn bán mới để ra được một số tiền con, tậu nhà một gian để ở đường lão. Họ may mới có một vài người ở nhà gác. Những người này mà chính phủ cho là "giàu" nay bị trục xuất, các con không được vào đại học, không được làm ở các công sở, không có quyền lợi của một công dân. Thành thử bao nhiêu con em diên chủ xưa, có tài mà cũng không giúp được nước. Thành phần trí thức xưa như Trần Đức Thảo v.v ... không được thay thế. Đào tạo một người như Trần Đức Thảo ... không phải một

sáng một chiều mà có. Những học giả hiện thời ở bên nhà sang diễn thuyết tại Đại học Paris VII Diderot đều học thức tầm thường, trình độ chỉ bằng những người đồ Thành Chung hồi xưa là cùng. Như vậy nước ta làm sao mà tấn tới được? Ta nên nhớ rằng hồi Tự Đức, Thiệu Trị ta mất nước là vì văn hóa của ta lỗi thời không đi đúng với trào lưu văn hóa của thế giới. Thế giới thời đó là một thế giới khoa học của một thế kỷ tiến tiến, của một cuộc cách mạng đầu tiên của khoa học và kỹ thuật. Văn hóa thời đó cũng đã là một văn hóa của cách mệnh máy móc bằng hơi nước.

Hiện nay nước Nhật đã tiến tới một cách mệnh khoa học thứ ba rồi. Còn nước ta thì hãy còn lết đệt ở trong cách mệnh khoa học thứ nhất.

Theo thuyết giai cấp đấu tranh thì giai cấp vô sản có quyền tuyệt đối trên các giai cấp khác như vậy thật không phải công bằng mà lại còn làm tê liệt các bộ phận của nhà nước vì không đủ người tài để điều khiển các công sở. Không những thế, nó còn là mầm giống cho các cuộc nội loạn hay các cuộc xâm lăng sau này. Vì các nước thù địch thì chỉ rình những cơ hội thuận tiện để xâm chiếm nước ta.

Nguyên tắc thứ hai là phải lập lại quyền sở hữu cho toàn dân.

Quyền sở hữu là một động cơ kích thích lòng người ta để làm việc. Có ai làm không công cho ai bao giờ? Nếu không cho người ta được hưởng những kết quả của sự cố gắng của mình thì ai còn muốn cố gắng nữa? Họ sẽ bó tay lại mà đợi. Tại sao ở Liên Xô và các nước cộng sản, tuy rằng có thuyết stakhanovisme nghĩa là thi đua sản xuất mà vẫn thiếu thức ăn, cái mặc? Dù tuyên truyền giỏi đến đâu họ vẫn đứng khoanh tay lại mà đợi. Tội gì làm cho người khác ăn? Ở xứ ta có cái hiện tượng mới này là chỉ có một số quan cách mạng, một số đảng mafia, những nhà kinh doanh xứ ngoài mới là có quyền sở hữu. Dân thường đâu có quyền tư hữu? Ăn còn không có nữa là để dành. Cho nên vì chính sách cộng sản mà dân ta thành vô sản hết cả. Việt Nam là một nước mà cả dân đều vô sản, cay đắng chưa?

Nguyên tắc thứ ba là phải có tự do. Tự do làm việc, tự do kinh doanh (bạn tôi, ông Phạm Đình Ái, để sống mới mở một tiệm bán hóa học, thì hôm trước hôm sau gọi ra công an bắt đóng cửa); tự do suy tưởng, tự do sáng tạo, tự do lưu chuyển. Khi ông Aubaret, một tổng lãnh sự Pháp ở Xiêm, sang bệ kiến vua Tự Đức thì vua có hỏi: ông cho tôi biết làm sao Âu châu thịnh vượng đến như thế, thì Aubaret trả

nhời: vì Âu châu có tự do.

Câu trả nhời rất thần nhiên, dễ dàng, làm cho ta có thể ngạc nhiên: chỉ có thể thôi mà Âu châu hơn ta sao?

Nếu ta ôn lại sử ký thì ta thấy câu trả nhời đó không phải là không có lý. Xưa bên Âu châu cũng bị đói kém như bên Á đông ta, chỉ vì khi mất mùa dân không di chuyển được một cách dễ dàng lúa mì, ngũ cốc từ tỉnh này sang tỉnh khác, vì có nhiều thứ thuế nó cản trở sự di lại. Dân bị chết đói là vì thế. Hiện nay nếu ta đi từ Paris tới Versailles, hai bên đại lộ Avenue de Paris, có hai nhà đồ sộ kiến cổ ở giữa hai bên vệ đường, đây là trạm thu thuế đời xưa để lại. Hồi xưa trước chiến tranh thứ hai tôi cũng còn thấy vài trạm thu thuế rượu ở ngoại ô, như ở Toulouse, người ta thường mang rượu lậu vào tỉnh. Rượu cất lên ở nhà quê.

Ông Turgot, một nhà kinh tế học cùng là một chính trị gia, hồi đời vua Louis XV đã bãi bỏ những thứ thuế cản trở việc di chuyển.

Bên ta, hồi còn quân chủ, cũng có nhiều cấm đoán nó làm cho sự phát triển khó mà có được. Như áo đàn ông hay đàn bà không được dùng màu này hay màu kia, nhà không được cao bao nhiêu thước, không được cao quá dinh các quan. Một phải bề dài bề ngang từng này thước. Trong các bài thi không được phạm húy v.v ... Như vậy thì làm sao mà còn phát minh được? Văn hóa của ta đình trệ, văn minh của ta không phát triển cũng là vì đó.

Có khi dân ta bị hạn chế về phương diện tự do cũng là vì dân ta thiếu tinh thần kỷ luật chẳng? Một kỷ luật chỉ mạnh mẽ, có hiệu nghiệm khi nó tự ý muốn của người dân mà ra, khi nó in sâu vào tâm hồn của dân, nhờ giáo hóa, khi nó phải ngủ ở trong tâm ta. Nếu nó chỉ là một sự bắt buộc của luật lệ bên ngoài thì nó chỉ hời hợt ở ngoài, không sâu, không mạnh. Trật tự nó phải có căn bản tự trong ý trí dân.

Người Âu thường trách ta ở chỗ này: hễ đâu không còn luật lệ hần hoi, hễ đâu trách nhiệm không được còn rõ nữa là ta mượn cơ hội làm cần ngay.

Dân ta muốn tới được dân chủ thì phải bỏ cái tật này. Dân chủ không thể có khi không có trật tự.

Hiện nay người trong nước cũng như người ngoài nước đều công nhận nước ta là một nước không có kỷ luật, không có luật pháp, chính quyền có cũng như không vì chính nhà cầm quyền cũng không theo luật pháp do chính mình đã ban bố. Như vậy làm sao có trật tự trong nước được?

Nay đã lấy lại trật tự, nhà nước cộng

sản lại cho phép các quan nhà binh buôn bán như người thường. Như vậy còn ai cầm cán cân giữ thăng bằng cho nữa khi có những cuộc phân tranh, những việc kiện tụng trong công chúng? Trong những nước văn minh, nhà binh chỉ để cho nhà nước sử dụng khi hữu sự: chống xâm lăng, dẹp nội loạn...ngoài ra nhà binh phải là một quyền lực ngoài đảng phái, một khí cụ của nhà nước, trên các đảng phái, nếu không thì là loạn. Không có nước văn minh nào lại đồng hóa nhà binh với con buôn, ngoài các nước Phi châu như Zaïre, hay chính phủ Tưởng Giới Thạch hồi xưa.

Liều thuốc mới của chính phủ cộng sản trở nên một liều thuốc có thể giết chết con bệnh được.

Còn một vấn đề nóng bỏng nữa là vấn đề tôn giáo. Hiện nay ta thấy sự va chạm giữa công giáo La mã với chính quyền về vấn đề người kế vị Đức Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình. Một vấn đề thật là nhỏ nhen trở thành một vấn đề ngoại giao, một vấn đề tín ngưỡng can hệ cho một đoàn thể hơn hai triệu người. Trong khi đó thì nhà nước còn có bao nhiêu vấn đề khác cần giải quyết ngay: vấn đề biên thuý Miên và Việt Nam, giữa Trung Hoa và ta, vấn đề dầu hỏa ở Trường Sa, vấn đề đói kém trong dân gian, vấn đề Mafia và ma túy, vấn đề buôn lậu v.v... Tình những việc tày đình cả. Chính phủ hãy còn chưa ý thức được rằng vấn đề thứ nhất là phải lo cho dân được ấm no, được sống yên lành, không bị ai bóc lột. Còn tôn giáo là một việc nội tâm của mỗi công dân, chính phủ không có quyền quyết định trong đó. Lịch trình tiến hóa của nhân loại là phải đi tới một chính phủ "laic", nghĩa là đời phải ra đời, đạo phải ra đạo. Chúa Kitô đã phán: của của César thì phải trả cho César, của Chúa thì phải trả cho Chúa.

Về nội trị ta cũng cần bàn tới đồng bào Thượng. Hiện nay thì không có vấn đề. Nhưng ta biết ở ngoài Bắc, có nhiều dân cùng giống với các bộ lạc ở Văn Nam. Còn như ở Đắc Lắc, Ban Mê Thuột, người Pháp khi xưa rất chú ý tới các bộ lạc ở đấy. Vì lý do gì chắc anh em cũng dễ hiểu. Hồi xưa dưới chính thể Ngô Đình Diệm bao nhiêu người Mỹ đạo Tin Lành cũng tới các vùng này để giảng đạo.

Đối với các đồng bào Thượng, dân ta nên có một cử chỉ thân hữu, huynh đệ hơn, không nên có cái cử chỉ đàn anh, khinh miệt họ. Ta nên có óc rộng rãi cởi mở hơn, vì họ cũng có một nền văn hóa tuy không giống ta, nhưng cũng có cái giá trị riêng của nó đáng cho ta kính nể. Họ thường ngay thẳng, hiền lành hơn ta. Quan niệm

xưa của Rousseau, và nay của Levi-Strauss cho rằng văn minh không làm cho người ta tốt hơn, mà nhiều khi làm người ta tồi bại xấu hơn không phải là không đúng cả.

Ngoài vấn đề đồng bào Thượng ta còn có vấn đề Liên Bang Đông Dương.

Nhờ vị trí của ba dân tộc Miên, Lào, Việt Nam vì sống cạnh vách nhau trên bờ sông Cửu Long, một trong những con sông dài to nhất thế giới, vì địa thế của Cao Miên, Lào bắt hai nước này phải xuyên qua Việt Nam mới tới được Thái Bình Dương, cho nên dĩ nhiên Liên Bang Đông Dương phải có. Nhưng nó chỉ thành tựu được khi nó là một cộng đồng tự do của ba dân tộc tự do, có cùng một chí hướng. Ba dân tộc ta phải làm hòa với nhau; xoa dịu những vết thương mà sử ký đã để lại cho chúng ta. Cựu Liên Bang Đông Dương chỉ sống lại khi ba nước đó đã trưởng thành, đồng ý thức được những hiểm họa chung. Cựu Liên Bang Đông Dương sẽ hoàn thành khi không có nước nào trong ba nước chúng ta có ý định làm anh chị đối với hai nước kia.

Cho được sống an toàn trong thế kỷ 21 này, dân Việt Nam chúng ta nên ý thức rằng một thời đại mới đã tới; thời đại nhân loại đại đồng. Những tổ chức quốc tế như ONU, FAO, UNESCO, OMS chúng ta ủng hộ chúng ta khi hữu sự, như khi Tàu, Nhật uy hiếp ta về chính trị, kinh tế v.v... ta cần phải là một dân chủ kiểu mẫu so với các nước láng giềng và đối với ngay dân tộc ta. Ta không nên dựa vào một quyền thế nhất thời mà làm khó dễ những công ty ngoại quốc đang đầu tư bên ta. ta nên nhớ rằng hồi thế kỷ 19, Tàu và ta mất nước cũng là vì khinh thường luật quốc tế. Người Nhật hiện nay cũng rất đề ý tới khía cạnh này.

Kết luận: cho được chu toàn sứ mệnh của dân tộc ta, những người có trách nhiệm điều khiển dân ta trong lúc rất tế nhị này, là phải hoàn toàn bỏ chính sách cũ, phải có một tâm hồn mới. Họ không nên bừa bãi đến nỗi không kể cả lẽ phép thông thường trong khi ngoại giao với các nước ngoài. Nếu không, ta phải buộc lòng mà tìm hết biện pháp mà đuổi họ đi khỏi chính quyền. Dân ta hèn đến nỗi mà không đuổi được những tên côn đồ vừa ngu si, vừa tàn ác, vừa bạo ngược, không đếm xỉa tới nhân quyền đạo lý nữa chăng?

Nguyễn Huy Bảo.

(Cụ Bảo, 87 tuổi, là cựu viện trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn)

Phán quyết của Tối cao Pháp viện Karlsruher

Việt Nhân

Họ bảo cặp vợ chồng đó là khủng, vì đã không chịu cho con đi học trường có treo thánh giá mà còn kiện ra tòa nữa. Ernst Seler, 45 tuổi và vợ Renate, 38 tuổi, ngụ tại Nittenau, Regensburg thuộc tiểu bang Bayern München. Vào năm 1987, sau khi đã khiếu nại với nhà trường về việc tháo gỡ thánh giá treo trong lớp học của con không có kết quả, họ bèn cho cô bé nghỉ học. Thế là nhà trường phải tìm cách hòa giải. Hai bên đi đến thỏa thuận là nhà trường tháo thánh giá treo trước mặt lớp học, kể bên bảng đen, thay vào đó, một thập tự bằng gỗ thường - không có hình Chúa - được treo ở cửa ra vào lớp học. Đó chỉ là một giải pháp tạm thời. Sau khi cho con đi học lại, ông bà đã nhờ luật sư kiện thắng ra tòa. Năm 1991, tòa án tiểu bang Bayern München đem vụ này ra xử. Họ bị thua kiện. Đó là điều không đáng ngạc nhiên lắm vì Bayern München là thủ phủ của đảng CSU, đảng Thiên Chúa giáo rất là bảo thủ. Thất bại nhưng không nản lòng, họ bèn khiếu nại thắng lên Tối cao Pháp viện (*Bundesverwaltungsgericht*). Sau bốn năm chờ đợi, tháng 4-1995, tòa án Karlsruher đã đem vụ này ra xử. Thật là một bất ngờ lớn cho mọi người, khi Tối cao Pháp viện, tòa án cao nhất của Đức, tuyên bố cho cặp vợ chồng họ thắng kiện, coi sự bắt treo hình thánh giá ở trường học của tiểu bang Bayern München là vi phạm điều 4, chương 1 của hiến pháp về tự do và bình đẳng giữa các tôn giáo.

Sau phán quyết này, thiên hạ ồn cả lên. Các đảng phái, các chính trị gia tên tuổi đều lên tiếng, chia làm ba phe, chỉ trích, ủng hộ và chống đỡ cho phán quyết của Tối cao Pháp viện. Nhiều người quá thất vọng, đã dọa ám sát cặp vợ chồng "khủng" họ, nên ông bà được đặt dưới sự bảo vệ thường trực của cảnh sát. Thủ tướng Helmut Kohl thuộc đảng CDU (Thiên Chúa cấp tiến) đã nhân danh đảng và cá nhân ông, cho là "một phán quyết lạ lùng, không hiểu nổi (*unverständlich*)". Đặc biệt đảng CSU, nắm quyền từ lâu nay ở Bayern München, tác nhân của đạo luật địa phương bắt treo thánh giá trong trường, phản đối mạnh nhất. Ông Waigel, đảng trưởng, ông Stoiber, thủ tướng tiểu bang, đã lên tiếng chống đối mãnh liệt, dọa sẽ không

thi hành, nghĩa là vẫn treo thánh giá trong trường bằng một đạo luật tương tự khác. Giáo hội và Vatican cũng lên tiếng chỉ trích dữ dội giám mục *Ordinariat* thuộc địa phận München đã kêu gọi dân chúng đi biểu tình phản đối vào ngày 23-9-1995 và hưởng ứng lời kêu gọi có 300.000 người tham gia biểu tình ở München. Mặt khác, Đảng FDP (tự do) thuộc liên minh cầm quyền, các đảng đối lập SPD (xã hội), Grüne (bảo vệ môi sinh) đều lên tiếng bênh vực phán quyết. Đảng Grüne làm mạnh nhất, ông Werner Schulz, người đại diện đảng tại quốc hội, đòi hỏi "*nhà thờ phải rút khỏi trường học (Kirche soll aus Schule raus)*" và "*phải chấm dứt ngay sự liên hệ giữa chính quyền và giáo hội (Verquickung zwischen Staat und Kirche müsse endlich aufgelöst werden)*". Vì vụ này mà chủ bút tờ thời báo Die Welt, nổi tiếng khắp nước Đức, suýt bị chủ nhiệm Leo Kirch cách chức vì đã viết bài bình luận bênh vực phán quyết, nếu không có sự bênh vực mạnh mẽ của các đảng SPD, FDP, ... và ban đại diện công đoàn tờ báo. Ông Wilfrid Gerhart, thủ lĩnh đảng FDP, cho rằng "*hoàn toàn không thể chấp nhận được (völlig inakzeptabel)*, vì "*phi phạm trắng trợn vào quyền tự do báo chí (beispielloser Eingriff in die Pressefreiheit)*" và "*độc quyền tư tưởng (Meinungsmonopole)*".

Đằng sau những ồn ào đó, nói lên những gì?

Muốn hiểu rõ ràng cặn kẽ các vấn đề, chúng ta nên biết sơ qua về đời sống chính trị của Đức. Đức là nước theo chế độ dân chủ phân quyền. Ngoài chính phủ liên bang, thủ đô còn tạm thời ở Bonn, các địa phương còn có chính phủ tiểu bang và quốc hội riêng để cai trị tiểu bang đó. Đứng đầu chính phủ liên bang là Thủ tướng (*Bundeskansler*), có thêm ông Chủ tịch (*Präsident*), phụ giúp việc tiếp đón quốc khách và để kiểm soát lẫn nhau theo thể gọng kềm, để không có ai được độc quyền (Thủ tướng có toàn quyền điều hành việc nước nhưng lại có thể bị Chủ tịch - một chức vụ không có quyền hành pháp - cách chức). Đứng đầu mỗi tiểu bang, thì có Thủ tướng tiểu bang (*Minister-Präsident*), có chính phủ với đầy đủ các bộ ngoại trừ bộ quốc phòng và bộ ngoại giao. Bên cạnh đó cũng có nghị viện tiểu bang.

Về các đảng phái, hiện nay có hai đảng mạnh nhất là SPD và CDU. Hai đảng này thay nhau nắm quyền ở liên bang và các

tiểu bang (hiện giờ, đảng CDU lãnh đạo liên minh nắm quyền, nhưng ở bình diện tiểu bang, đảng SPD trội hơn). Ngoài ra, còn có các đảng nhỏ sau đây rất có giá trị. Đảng Grüne hiện đang đi lên, với tỷ số phiếu từ 5% đến 6% trong những năm trước, lên tới 10%, 11% trong năm vừa qua, là đảng mạnh thứ ba. Đảng FDP (trung lập) mặc dầu là đảng đang cầm quyền với đảng CDU và CSU ở liên bang, đã xuống dốc thảm thương, từ 6%, 7% trong những năm trước xuống còn 2%, 3% trong năm vừa qua. Đảng CSU có đặc thù là chỉ có mặt tiểu bang Bayern München mà thôi và nắm quyền ở tiểu bang này từ trước tới nay. Đảng PDS là hậu thân của đảng Cộng sản ở Đông Đức cũ chỉ được dân chúng Đức miền Đông bầu với tỷ số 10% và không có mặt ở miền Tây của Đức.

Sau khi đã đi qua các đảng phái chính trị ở Đức, ta không thấy làm lạ là tại sao có sự kiện ồn ào vừa xảy ra. Vì mỗi tiểu bang có nghị viện riêng, cho nên Bayern München mới có khả năng ra một đạo luật địa phương bắt các trường học treo thánh giá. Tối cao Pháp viện Karlsruhe hiện nay có tất cả là 16 người, chia làm hai *Senat*, đệ nhất *Senat* và đệ nhị *Senat*. Mỗi *Senat* gồm 8 người. Những thẩm phán thuộc tối cao pháp viện do các đảng phái đề nghị và phải được thượng viện (*Bundesrat*) và hạ viện (*Bundestag*) liên bang phê chuẩn với tước số là 2/3. Phán quyết vừa rồi là do đệ nhất *Senat* gồm các ông J.F.Henschel (do đảng FDP đề xướng), D.Grimm và J.Kühling (SPD), A.Söllner và Otto Seidl (CDU-CSU), các bà R.Jaeger và H.Seibert (SPD) và E.Haas (CDU-CSU). Những thẩm phán đã biểu quyết chống phán quyết đều là những người do các đảng CDU và CSU đề nghị. Cho nên thật là điều dễ hiểu, khi sau đó, Thủ tướng Kohl và các lãnh tụ Waigel và Stoiber lên tiếng chỉ trích phán quyết.

Đức là nước Thiên Chúa giáo thuần nhất. Đạo Thiên Chúa đã tới đây từ hồi bình minh lập quốc. Các triều đại xưa, thế quyền và thần quyền đều nhập chung làm một. Tiếng nói của Nhà thờ rất mạnh. Hiện nay luật pháp Đức bắt dân có đạo Thiên Chúa đi làm phải đóng thuế Nhà thờ. Thế mà dùng một cái, mấy ông Tối cao Pháp viện chơi ngăng, phán quyết trái cẳng ngồng như thế, thử hỏi không nào động sao được. May mà chưa có sự bạo động xảy ra nhờ tinh thần thượng tôn luật pháp của người Đức rất cao và chế độ rất

vùng. Thật ra phán quyết vừa rồi chỉ là giọt nước làm tràn cái ly mà thôi. Muốn hiểu ý vì sao nó đã gây náo động như thế hãy nghe các lời bình luận sau đây. Thủ tướng Kohl cho rằng "*với [ông] cũng như với đa số người thì phán quyết này [...] nói lên nhiều khía cạnh hơn là việc treo thánh giá đơn thuần. Nó đụng đến truyền thống Thiên Chúa của xứ sở chúng ta (Es geht um die christliche Tradition unseres Landes)*". Giám mục địa phận Aachen, Heinrich Mussinghoff cho rằng "*phán quyết này đẩy nhanh sự soi mòn những giá trị Thiên Chúa tại châu Âu (Erosion christliche abendländischer Werte)* và *bề gãy những giá trị văn hóa, trật tự của chúng ta*".

Những lời phát biểu trên đây của hai nhà lãnh đạo thể hiện thế quyền và thần quyền, đã nói lên tất cả những ý nghĩa thâm sâu trong vụ phán quyết về thánh giá này. Là người Việt Nam, có một truyền thống văn hóa riêng, chúng ta rút được những bài học gì trong vấn đề này?

Đứng trước những giá trị tinh thần bất đầu lung lay, sắp đổ vỡ, người Tây phương có khuynh hướng hướng về Đông phương màu nhiệm với các đạo Không, Lão, Phật, ... Họ đua nhau nghiên cứu các triết lý này và đem ra áp dụng. Là người Việt Nam mang trong lòng từ lúc mẹ đẻ những giá trị và đức tính này, chúng ta đáng hành diện và tự hào. Hãy cố gắng hơn nữa để phát huy và bảo tồn những giá trị này. Chúng ta không có một cách mạng tư tưởng như người phương Tây. Một cuộc cách mạng như thế thường là rất khó khăn nan giải và lâu dài hàng nhiều thế kỷ. Bài học cho chúng ta là hãy trở về nguồn.

Vấn đề Thượng Đế là một câu hỏi lớn. Ai cũng cho là chỉ có một Thượng Đế sắp đặt, an bài tất cả, thế mà người ta đã nhân danh Thượng Đế để sát hại đồng loại. Đạo nào cũng là nhất. Hồi giáo là nhất, Thiên Chúa giáo là nhất, Phật giáo là nhất, ... Đạo nào là đúng đây? Thế kỷ 20 đã làm được hai cách mạng vĩ đại: đánh bại chủ nghĩa cộng sản và khai sinh tin học. Thế kỷ 21 sẽ làm được những gì? Sẽ lời ra ánh sáng những "ông thần", "bà chúa" đã sát hại biết bao người vô tội. Loài người phải làm được điều đó, nếu không sẽ sống mãi trong bóng đêm của trí tuệ. Có quá nhiều tôn giáo mà ai cũng nhân danh tôn giáo mình để làm những chuyện ác độc, kể cả giết người. Thượng Đế có mặt trong tất cả mọi người, mọi loài, cỏ cây, hoa lá, chim

muôn, cầm thú, ... Hãy đi tìm Thượng Đế ở những cái đó, chớ không phải trong các thánh đường, cổ tự. Chúa Jesus đã nói rằng "Con người là đền thờ của Thượng Đế" và "ta là con của Chúa Cha". Thế mà người ta đã bỏ quên con người để lo cầu xin ở bên ngoài. Và câu nói trên phải hiểu được là tất cả chúng ta đều là con của đức Chúa Cha. Tại Đông phương người ta hẳn từng nói "con người là tiểu càn khôn trong đại càn khôn vũ trụ" đó sao? Cho nên một cách khôn ngoan nhất để tìm Thượng Đế là hãy quay về chính ta. Hồi Phật còn tại thế, có một đệ tử đã chất vấn người như thế này: "Ngài hãy nói cho tôi biết tôi từ đâu tới, sẽ đi về đâu, ai sinh ra muôn loài [...], nếu không tôi sẽ bỏ ngài, đi tìm đạo khác". Đức Phật điềm nhiên trả lời: "Này thiện nam tử, ta sẽ không bao giờ trả lời những câu hỏi trừu tượng như thế. Vì sao? vì nó không có ích gì cả. Vì như có người bị bắn mũi tên thuộc độc, nếu là khôn ngoan, ông sẽ rút mũi tên ra và lo tìm thuốc chữa trị hơn là nằm đó mà hỏi ai bắn, mũi tên này từ đâu tới, tại sao nó bắn tôi, ... Nhưng nếu nhà người muốn biết về các phương cách tu tập, ta sẽ chỉ cho. Khi mình biết tu tập đến nơi đến chốn, khai mở được tâm linh, thì Thượng Đế sẽ hiện diện rõ ràng, mà không cần đi tìm ở đâu xa xôi. Chứ trong lúc tâm linh chưa khai mở, còn sống trong u minh, người ta đến hù dọa "Thượng Đế", mình tin theo chỉ làm ma ám cho người ta sai sử mà thôi". Bài học cho chúng ta là lo tu tập, tìm Thượng Đế trong mỗi người chúng ta.

Xem phán quyết vừa qua là một cách mạng tư tưởng thì mới nhìn thấu suốt vấn đề. Một cuộc cách mạng thường đi từ hai hướng, hoặc từ dưới lên, hoặc từ trên xuống. Cách mạng chính trị, xã hội đi từ dưới lên, từ quần chúng khổ đau lan ra. Cách mạng tư tưởng, tôn giáo thì ngược lại, đi từ trên xuống, từ thượng tầng kiến trúc, những học giả, trí thức lan ra. Điều này hiện nay các nhà trí thức ở Đức đang làm. Quyết định vừa qua của Tối cao Pháp viện là một thí dụ.

Việt Nam không cần cuộc cách mạng tư tưởng. Việt Nam sau bao năm chinh chiến loạn ly làm con người đã bỏ quên nguồn gốc, chạy theo những tư tưởng ngoại lai, đang cần những bàn tay xây dựng và dĩ nhiên đang cần những người có tâm hồn dân tộc.

Việt Nhân
(Đức Quốc)

Thi sĩ Tản Đà và lòng yêu tổ quốc

Nếu những nhà phê bình văn học đánh giá Tản Đà là thi sĩ đầu tiên mở đường cho thơ văn Việt Nam hiện đại thì chúng ta lại thấy Tản Đà là cây bút chối lợi tình yêu quê hương đất nước, bắt đầu từ cái tên của ông gắn liền với sông núi Việt Nam, đến những điều ông viết và ông làm.

Ai đọc thơ của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu mà không thuộc lòng những vần thơ trữ tình của một tình yêu nước say đắm:

*Anh xuôi em tựa đầu cầu
Con sông vẫn đó con tàu đã qua
Lay trời gió bão phong ba
Cho tàu đổ ngược cho ta thấy mình.*

Cái duyên thơ văn Tản Đà tiêu biểu qua bài "Rau sống chùa Hương":

*Muốn ăn rau sống chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa
Mình đi, ta ở lại nhà
Cái dưa thời khú, cái cà thời thâm.*

Và thế rồi có người con gái gọi đến nhà thơ rau sống chùa Hương kèm theo một bài thơ đáp lại cũng thiết tha, mượt mà, đầy thi vị dân tộc không kém. Một thú vị nữa là nhà giáo Mai Lâm ở Cao Bằng, nghe tin An Nam tạp chí đình bản và nghe người ta đồn rằng Tản Đà mất, đã làm thơ viếng, khi mà thực ra Tản Đà hãy còn sống:

*Ôi thôi, hỡi bác Tản Đà!
Suối vàng nay đã lánh xa cuộc đời
Than ôi! còn đất còn trời
Còn non, còn nước, đâu người nước*

non?!

Thơ Tản Đà không chỉ được bình phẩm trong giới "rượu, thơ" mà còn được mọi tầng lớp trong xã hội hâm mộ. Người ta quý ông, bày tỏ tình cảm với ông bằng những việc làm cụ thể, và nhà thơ cũng đáp lại với cả tấm lòng một cách hết sức tinh tế:

*Thức ăn đến nớ là thanh
Mở ra chỉ một mùi chanh vắt vào
Nuốt thôi mát ruột làm sao
Lâu nay mới hã ước ao ăn hà
Cám ơn anh bếp cho qua
Gia Long số bảy, người nhà ông*

Lan.

Tản Đà cảm thông sâu sắc với nỗi cực khổ của người dân qua bài "Xem cô chải đánh

cá". Ông chia sẻ nỗi khốn cùng của những người bất hạnh vì tàn tật mù lòa qua bài "Sầm chợ":

*Trèo non xuống dốc để ai mà giúp
nhau*

*Cái phận ông trời cho khi tưởng đến
mà đau.*

Trong khi chúng ta biết rằng An Nam tạp chí của ông chết đi sống lại tới sáu lần, mỗi lần đình bản là một lần vỡ nợ, nhưng ông vẫn cố gắng để tờ báo sống được, với mục đích thức tỉnh đồng bào mình. Cuộc sống của ông khốn khó đến nỗi trả tiền mượn nhà là một nỗi lo thường trực của ông:

*Hôm qua chưa có tiền nhà
Suốt đêm lo nghĩ chẳng ra câu nào...
Ước ao tháng bảy sẵn tiền
Tiền nhà cứ tháng ta liền đóng ngay.*

Thế nhưng ông không vì nỗi khốn khó của mình mà lãng quên đời. Ông có cả một tình yêu thương con người, tình yêu quê hương đất nước thiết tha, ông đau cái đau của người dân, ông phần uất trước thế sự và kêu gọi mọi người đồng tâm hiệp lực vì tương lai xứ sở. Ông dứt ruột thốt ra khi thấy cảnh thiên tai lụt lội:

*Lệ đầy vơi, tình chia phôi
Bồng bế con thơ bán khắp nơi
Năm hào một đứa trẻ lên sáu
Cha còn sống đó, con mồ côi*

*...
Lúc thủy tai, này ai ôi
Quý tiếc thương yêu lấy giống nòi
Con cháu rồng tiên khi đã bị
Dừng nên rẽ rúng bỏ nhau hoài.*

Tình cảm của Tản Đà là tình cảm "nhiều điều phủ lấy giá gương" của con dân nước Việt, "miếng khi đói, gói khi no". Sống cuộc đời của người dân mất nước, chúng kiến bộ máy thống trị tạo ra lớp người cúi đầu làm tay sai, sống kiếp chó săn, cò mồi, bưng bát cơm ăn mà không biết suy nghĩ, không thấy nỗi nhục của đất nước. Ông đau xót với bốn bài "Vịnh bức dư đồ rách" mà mỗi bài về sau tình cảm lại ở mức độ cao hơn:

*Biết bao lúc trước công vờn về
Sao đến bây giờ rách tả tơi...*

Ông trách móc và chất vấn lương tâm:
*Dành chịu ngồi trông rách tả tơi
Buồn chẳng hỏi các chị em ơi!*

và ông tình nguyện chung vai gánh vác
cùng dân tộc:

*Non sông đứng ngấm lệ đầy vơi
Việc nhà chung cả ai ai đó
Ai có cùng ta sẽ liệu bồi.*

Thấy lòng người hừng hờ, dưng
dưng với quê hương đất nước, ông thét to
trong "Mặt Thèn xuân cảm":

*Dân hai nhăm triệu, ai người lớn
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.*

Ông trần trọc, vật vờ thấy dân tộc mình
vẫn trong tầm tối, thụt lùi khi mà văn
minh của thế giới đang tiến những bước
thật dài, thật xa (Chiếc tàu An Nam):

*Bốn bể năm châu náo cuộc đời
Con tàu bảo quốc chị em ơi...
Hỏi thăm Âu Mỹ bờ đâu bến
Mở máy guồng quay quá độ chơi.*

Thương yêu nước bao nhiêu, ông
căm ghét bấy nhiêu bọn người sống bản
thù, dựa vào chức quyền mà bòn rút
người dân lương thiện. Ông phản nộ về vụ
tuần phủ Vĩnh Yên Đào Trọng Vận, nhân
vụ tranh chấp gia sản đã ăn của đút gần ba
nghìn đồng ("Tờ chúc thư" cảm đề):

*Thật có hay là mắc tiếng oan
Kém năm trăm nửa đủ ba ngàn
Hơi đồng đã sạch mồm ông lớn
Mặt sắt còn bìa miệng thế gian
Cũng bởi thẳng dân ngu quá lộn
Cho nên quân nó để làm quan
Đào mà đào được nên đào mãi
Mềm cứng bấy giờ đất Vĩnh An.*

Ông giận nhưng thương người dân đại dốt
thành ra "đọc nước béo cò". Chúng ta liên
tưởng, nếu ông biết sự kiện 437 nghị viên
đã đồng tình 100% cái Hiến pháp 1992,
chắc rằng câu thơ của ông sẽ không dừng
lại "cùng tại thẳng dân ngu quá lộn".

Điều mà ai cũng hiểu được rằng, các chính
thể độc tài chỉ có thể tồn tại một khi đào
tạo ra được lớp tay sai đắc lực. Và đây,
ông chửi thẳng vào mặt những kẻ sống
kiếp tôi đòi hèn hạ, làm cò mồi để hưởng
chút công danh, sống trên đau khổ của

dân tộc ("Chim họa mi trông lồng"):

*Họa mi, ai về nên mi
Trông mi, mi đẹp, hát thì mi hay
Ai đưa mi đến chốn này?
Nước trong gạo trắng, mi ngày ăn
chơi*

*Lồng son của đỏ thành thời
Mi bay, mi nhảy sướng đời nhà mi
Nghĩ cho mi cũng gặp thì
Rừng xanh mi có nhớ gì nữa không?*

Năm 1924, tuần phủ Ninh Bình Từ Đạm
cho đọc vào núi đá Non Nước một bài thơ
nôm:

*Trăng gió vui cùng hắt
Lâm than bận mặc ai!
Ham chơi non với nước
Có phúc được ngồi dai.*

Năm sau Từ Đạm lại cho đọc một bản cò
và một bên đục hai lỗ bàn chân của mình.
Khinh bỉ tột độ kẻ hờm mình vô lại, Tản
Đà cũng thuê thợ khắc lên đá bên cạnh bài
thơ của Từ Đạm:

*Năm ngoái năm xưa đục mấy vằn
Năm nay quan lại đục hai chân
Khen cho đá cũng bền gan thật
Đúng mãi cho quan đục mấy vằn.*

Những Từ Đạm, những Đào Trọng
Vân đã đi khỏi thế giới này mà không để
lại gì, cho dù đã có một thời vang bóng bởi
quyền thế. Hơn thế nữa, mỗi khi đọc lại
những trang sách này, bao giờ đọc giả
cũng dành một sự khinh bỉ tuyệt đối cho
những kẻ sống đời tôi tớ, làm công việc
của chó **sói nhưng lại rất háo danh**, vô
liêm sỉ. **Ấy vậy mà đời nay nhiều kẻ vẫn**
không nhận ra điều đó, đúng như người ta
nói "trong bóng tối thì dù chữ to đến mấy
cũng không đọc được".

Sinh thời, Tản Đà đau nỗi đau mất nước,
cả dân tộc sống trong vòng nô lệ. Nhưng
ông có tầm nhìn của một chính trị gia lớn.
Ông không chỉ mong ước nền độc lập, tự
chủ cho nước nhà. Tâm sự của ông hiện
rõ qua bài thơ "Hai vườn bách thú" đăng
ở Đông Pháp thời báo, số 615, tháng 11/
1927. Trong bài này, ông còn tả "trông
mặt mũi, thân hình người Nhật Bản thực
không khác mấy người An Nam". Nhưng
hoài bão của ông là đất nước có tự do, dân
chủ và nhân quyền. Ông ngưỡng mộ J. J.
Rousseau, một triết gia lớn, một nhà tư
tưởng lớn người Pháp và coi J. J. Rousseau
là bậc thầy của mình ("Nhớ ông Lư Thoa"):

Ngồi buồn ta nhớ ông Lư Thoa

*Dân ước, dân quyền ông xướng ra.
Ở "Giấc mộng con", trong một cuộc*

du ngoạn trên thiên đình, ông tìm đến để
tâm sự với J. J. Rousseau. Trong câu
chuyện, lúc nào Tản Đà cũng đặt vấn đề
của dân tộc mình ra để tìm hướng giải
quyết. Đó chỉ là hệ quả của tình yêu tổ
quốc của ông, một lô gíc không thể khác
được của một con người chí cao học rộng,
một con người rất Việt Nam của Tản Đà.

Gần sáu chục năm sau sự ra đi của ông, giờ
đây cả dân tộc đã hiểu rằng chỉ có tự do,
dân chủ và nhân quyền mới bảo đảm cho
tương lai tươi sáng của dân tộc, tất nhiên
cũng là tương lai của mỗi người dân lương
thiện. Các thế hệ sau ông cũng chung một
hoài bão với ông, chấp nhận hy sinh.
Nhiều người đã ngã xuống trên con đường
đi tới. Nhiều người đã chịu đựng tù đầy
suốt cuộc đời và vẫn còn phải chịu đựng
tiếp. Lại có những người phải rời bỏ tổ
quốc thân yêu ra đi sống kiếp ly hương.
Nhưng nhìn lại, những hy sinh đó không
phải là vô ích. Nhờ những hy sinh đó mà
dân tộc ta đi đến chỗ đồng thuận, như ông
đã từng kêu gọi (đề bìa báo Hữu Thanh):

*Trung, Nam, Bắc chị cùng em
Chị em trông đó con chim gọi đàn!
Chim kia còn biết gọi đàn
Chút tình hữu ái chị bàn cùng em.*

Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng giờ
đây đã đi vào giai đoạn quyết định. Một
ngày không xa, đất nước ta sẽ có tự do dân
chủ, có đa đảng đa nguyên, hòa giải và
hòa hợp dân tộc, quyền sống của con
người được bảo đảm, chắc chắn mức sống
ngày một cao thêm, dân tộc ta sẽ đi tới văn
minh và hạnh phúc như bất cứ dân tộc tiên
tiến nào của thời đại. Trên bước đường
gian lao để đi tới, Tản Đà luôn ở bên
chúng ta, theo dõi và cổ vũ mọi con dân
nước Việt. Yêu mến, trân trọng thơ văn
Tản Đà và tài năng của ông, yêu mến và
trân trọng hơn hết là tâm hồn cao quý của
ông, chí khí và nhân cách lớn của ông, tình
yêu tổ quốc sâu nặng của ông. Chúng ta,
độc giả của Tản Đà, xứng đáng với ông,
xứng đáng với một chân thi sĩ của dân tộc.
Tản Đà sống mãi với non sông Việt Nam,
sống mãi với trái tim Việt Nam yêu nước.

Phạm Ngọc Trường
(Tours)

Thượng nghị sĩ Wellstone lên tiếng về trường hợp giáo sư Đoàn Viết Hoạt

LTS: Ngày 16-2-1996, thượng nghị sĩ Paul David Wellstone, tiểu bang Minnesota, đã gửi cho ông Lê Văn Bằng, đại sứ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, một lá thư với lời lẽ cứng rắn, phản đối cách đối xử thô bạo với giáo sư Đoàn Viết Hoạt của chính quyền cộng sản Việt Nam. Thượng nghị sĩ Wellstone trong quá khứ đã từng vận động tích cực cho việc cải thiện bang giao Việt-Mỹ.

Ông Wellstone cũng đã gửi một bản sao lá thư này cho ông John Shattuck, phụ tá ngoại trưởng Hoa Kỳ đặc trách về nhân quyền. Chúng tôi dịch nguyên văn sau đây là thư của thượng nghị sĩ Wellstone. Ông Wellstone yêu cầu được gặp đại sứ Lê Văn Bằng để thảo luận về trường hợp giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Nếu ông Lê Văn Bằng không chấp nhận gặp ông Wellstone thì các thượng nghị sĩ Mỹ sẽ coi là một xúc phạm đối với họ và Hà Nội sẽ phải chịu một thiệt hại lớn trong cố gắng mưu tìm sự hợp tác chặt chẽ hơn với Hoa Kỳ. Cuối năm 1995, Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ cũng đã khuyến cáo chính phủ Hoa Kỳ không gia tăng giao thiệp với Hà Nội hơn mức độ trước ngày bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Sau đây là lá thư của thượng nghị sĩ Wellstone.

Kính gửi Ngài **Lê Văn Bằng**
Tòa Đại Sứ Cộng Hòa Xã Hội Chủ
Nghĩa Việt Nam

Thưa Ngài đại sứ,
Tôi viết thư này cho Ngài để bày tỏ mối quan tâm liên tục và sâu sắc của tôi về tình trạng sức khỏe suy sụp mau chóng của giáo sư Đoàn Viết Hoạt hiện đang phải chịu đựng một bản án tù dài tại nhà tù Thanh Cẩm. Tôi được biết rằng ông Đoàn Huy, em của giáo sư Hoạt, đã thăm viếng giáo sư Hoạt ngày 15-1-1996. Ông Đoàn Huy đã trở về với một phúc trình rất đáng lo ngại về tình hình sức khỏe của giáo sư Hoạt.

Ông Đoàn Huy thuật lại rằng tình trạng sức khỏe nguy ngập kéo dài của giáo sư Hoạt hầu như không được quan tâm đến. Thí dụ, tôi hiểu rằng những người quản lý trại giam đã không hề săn sóc bệnh sạn thận nặng của ông Hoạt. Hậu

quả là sức khỏe của giáo sư Hoạt đã suy giảm nhanh chóng. Ông đau đớn thường xuyên và đã xuống cân rất nhiều. Ông đang đi tiểu ra máu vì bệnh đau thận gia tăng với điều kiện giam cầm nghiệt ngã. Tôi cũng ghi nhận là giáo sư Hoạt không được nhận thư từ và quà thăm nuôi của gia đình, kể cả những lương thực và thuốc men rất cần thiết. Gia đình giáo sư Hoạt cho hay thư từ và quà đã bị ban quản lý trại giam cố tình giữ lại.

Tôi đã theo dõi tình trạng của giáo sư Hoạt từ ngày ông bị bắt giam vào tháng 11-1990. Theo tôi, việc giam giữ ông trên hai năm trước ngày xử án đã vi phạm ngay cả bộ Luật Hình Sự của Việt Nam và đó là điểm khởi đầu của nhiều vi phạm khác đối với những quyền hợp pháp và nhân đạo mà ông phải được hưởng. Tôi đã nhiều lần lưu ý chính phủ của quý Ngài về những vi phạm này trong nhiều thư tôi đã gửi cho Ngài khi Ngài phục vụ phái đoàn Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc ngay khi giáo sư Hoạt bị bắt giam, tôi xin gửi Ngài một lần nữa bản sao của hai trong số những thư đó.

Sức khỏe của giáo sư Hoạt đang suy giảm nhanh chóng, sự kiện này đòi hỏi xét lại việc giam cầm của ông, tôi hy vọng đó sẽ là bước đầu đưa tới sự phóng thích ông vì lý do nhân đạo. Nhưng ngay trước sự xét lại đó, tôi khẩn thiết yêu cầu quý Ngài cho phép ngay tức khắc một đoàn bác sĩ quốc tế tới khám sức khỏe cho ông và điều trị theo cách họ thấy cần thiết. Tôi cũng yêu cầu quý vị để ông Hoạt được nhận lương thực và thuốc men cần thiết do gia đình ông gửi tới để điều trị bệnh sạn thận. Sau cùng tôi khẩn thiết yêu cầu quý Ngài cho phép gia đình ông được về Việt Nam thăm ông tại nhà tù Thanh Cẩm mà không gặp một trở ngại nào. Tôi được biết rằng đơn xin chiếu khán của vợ ông Hoạt để về thăm chồng đã bị quan chức Hà Nội từ chối; tôi yêu cầu Ngài làm tất cả những gì Ngài có thể làm được để chính quyền của các Ngài xét lại quyết định này. Cách đối xử thô bạo mà giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã phải chịu đựng trong ngục tù hoàn toàn không thể chấp nhận được theo những

tiêu chuẩn về nhân quyền đã được cả thế giới nhìn nhận. Tôi đã nhiều lần phát biểu sự phản đối mạnh mẽ của tôi đối với bản án mà ông Hoạt đã phải chịu đựng do hoạt động đối lập, bất bạo động và đã đòi trả tự do tức khắc cho ông. Tôi xin nhắc lại ở đây lời yêu cầu đó.

Tôi thường cổ vũ cho sự cải thiện quan hệ giữa hai nước chúng ta song song với những tiến bộ về nhân quyền và về vấn đề người Mỹ mất tích. Tuy nhiên, rõ ràng là chính phủ của quý Ngài tiếp tục tỏ ra thiếu thiện chí trong việc giải quyết những trường hợp điển hình như trường hợp giáo sư Đoàn Viết Hoạt, và việc chính quyền của quý Ngài bác khước những quyền căn bản của con người - quyền lập hội, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng - sẽ là những trở ngại rất nghiêm trọng cho việc cải thiện một cách thường trực và đáng kể những quan hệ về kinh tế và chính trị giữa hai nước chúng ta.

Tôi mời Ngài gặp tôi để cùng thảo luận về trường hợp giáo sư Đoàn Viết Hoạt một cách chi tiết hơn sau khi tôi trở lại Washington vào cuối tháng này. Nếu Ngài có thể gặp tôi, xin Ngài vui lòng cho thư ký gọi điện thoại cho người quản lý thời dụng biểu của tôi, MacLaren Johnson, số 224.5641.

Cám ơn sự lưu ý của Ngài đại sứ, tôi đợi tin Ngài càng sớm càng tốt về đề nghị trên đây và hy vọng được gặp Ngài để thảo luận trực tiếp.

Trân trọng,
Paul David Wellstone
Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ
Bản sao gửi John Shattuck, phụ tá ngoại
trưởng đặc trách nhân quyền.

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin

Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Thông Luận

**hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh và cảm ơn
quý vị cổ động để phổ biến nó**

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF
hoặc tương đương
Ngân phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Trung Quốc cạnh tranh quân đội bằng kỹ thuật của Nga và Mỹ

Trong giới chiến lược gia và sản xuất vũ khí, tin Nga đã nhượng cho Trung Quốc bản quyền sản xuất phản lực cơ Sukhoi 27 (SU-27) vang như một tiếng sét. Thật vậy, SU-27 là một loại phi cơ tiềm kích tối tân nhất trên thế giới, khả năng hoạt động của nó rất rộng và là đối thủ của bất cứ loại phi cơ tiềm kích tối tân nào của Tây Phương. Trước khi Liên Xô sụp đổ, loại phi cơ này chỉ dành riêng cho Hồng quân Liên Xô. Hiện nay, Trung Quốc đã có 24 chiếc SU-27 và sắp mua thêm 72 chiếc khác. Bắc Kinh chấp thuận chi trả cho Liên Xô 2 tỷ USD để chế tạo thêm 200 chiếc Su-27 từ đây đến năm 2005, tức hiện đại hóa 10% không quân.

Trước đó, sau biến cố Thiên An Môn năm 1989 và dưới sự áp lực của dư luận, các nước kỹ nghệ đã lấy quyết định không bán cho Trung Quốc những linh kiện giúp họ cạnh tranh hóa quân đội. Theo hai cuộc điều tra của nguyệt san Far Eastern Economic Review (FEER), Ngũ Giác Đài đã cho phép công ty SCM (Mỹ) bán cho công ty Hua Mei Communications những máy viễn thông hiện đại mặc dù biết rằng công ty này làm việc cho quân đội Trung Quốc. Tờ FEER cũng cho biết năm 1993, công ty McDonnell Douglas đã bán cho Trung Quốc 17 máy chế tạo thân máy bay. Số máy này đã được Trung Quốc dùng để chế tạo thân máy bay và thân hỏa tiễn. Trước những tin này, Bộ Quốc phòng Mỹ đã mở một cuộc điều tra để tìm hiểu lý do tại sao có việc bán dụng cụ viễn thông tinh vi cho Trung Quốc. Hãng McDonnell Douglas cũng tuyên bố họ sẽ vận động để Trung Quốc thi hành đúng đắn hợp đồng đã ký vì người ta đã phát hiện 6 máy chế tạo thân máy bay tại một xưởng chế tạo phi cơ và hỏa tiễn cách Bắc Kinh 1.000 km về phía Nam.

Trong khi đó, Hội chợ về Hàng không và Vũ khí do Singapore tổ chức trong hai ngày 10 và 11-2-1996, đã gặt hái nhiều kết quả. Lần đầu tiên tại Á Châu, Hoa Kỳ đã cho trưng bày oanh tạc cơ "tàng hình" B-2 với khẩu hiệu "Anytime, anywhere" (bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào). Và đây cũng là lần đầu tiên Pháp cho người Á Châu chiêm ngưỡng chiếc Rafale, một loại phi cơ có chức năng vừa oanh tạc vừa tiềm kích được trang bị tối tân nhất. Các nhà sản xuất khí giới ngày càng chú ý đến thị trường vũ khí Á Châu. Từ 10 năm nay,

ngân sách quốc phòng của một số quốc gia trong vùng đã gia tăng một cách mãnh mẽ: Đại Hàn (197%), Đài Loan (175%), Singapore (140%), Phi Luật Tân (85%)...

Á Châu là lục địa duy nhất có những tỷ lệ tăng trưởng kinh tế mạnh, từ 5 đến 10%. Nhưng cùng là lục địa có hiện tượng chạy đua vũ khí trong lúc thế giới còn lại đi vào quá trình giảm bớt vũ khí.

Bắc Kinh bức tức vì Đài Loan hoàn thành nền dân chủ

Ngày bầu cử tổng thống Trung Hoa Dân Quốc càng tới gần (23-3-1996), thái độ của Trung Quốc càng hung hăng. Đầu tháng 2-1996, thủ tướng Lý Bằng nhắc lại "Trung Quốc không khước từ biện pháp võ lực" nhằm thống nhất đất nước và "sẽ không có một lực lượng bên ngoài nào có quyền can thiệp".

Trước đó một tháng, lần đầu tiên từ thập niên 80, Hoa Kỳ đã đưa hàng không mẫu hạm Nimitz tuần tra tại eo biển phân cách Đài Loan và Trung Quốc. Theo tin từ báo chí Mỹ cho biết Trung Quốc đã có dự án bắn vào Đài Loan mỗi ngày một hỏa tiễn trong suốt một tháng sau ngày tuyển cử nếu Lý Đăng Huy đắc cử tổng thống. Trung Quốc còn hăm dọa họ đã đặt các Quân Đoàn trú đóng gần đảo Đài Loan trong tình trạng báo động đỏ. Bắc Kinh cho rằng Lý Đăng Huy có âm mưu muốn đảo lỵ khai Đài Loan với Hoa lục.

Thực ra, đối với Trung Quốc, "tội" lớn nhất của Lý Đăng Huy là muốn đưa Đài Loan đến nền dân chủ toàn diện và cùng lúc phá vỡ trước thế giới ngụ thuyết cho rằng thể chế dân chủ không phù hợp với người Châu Á. Cũng nên nói thêm là ngày 23-3 sắp tới, đây là lần đầu tiên trong lịch sử một cộng đồng người Hoa sẽ tuyển chọn lãnh tụ của mình theo phương thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp.

Pháp không muốn có tranh cãi về nhân quyền

Vài tuần trước khi hội nghị thượng đỉnh Á-Âu nhóm họp vào ngày 1 và 2-3-1996 tại Bangkok, có nhiều chỉ dấu cho thấy Pháp sẽ đề "thông điệp nhân quyền" trong túi.

Sau cuộc tiếp xúc với ngoại trưởng Hervé de Charette, ông Ali Atalas, bộ trưởng ngoại giao Indonesia, cho biết Pháp "hoàn toàn tán đồng" việc không để những tranh cãi về nhân quyền làm hỏng

cuộc họp sắp tới. Vào đầu tháng 2, mười ngoại trưởng Châu Á (ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Đại Hàn) đã họp mặt tại Thái Lan và cho biết họ không muốn bị phiền nhiễu vì những vấn đề liên quan đến nhân quyền hay xã hội. Việt Nam và Trung Quốc không muốn nghe nhắc đến vấn đề tù nhân chính trị hay các trại cải tạo; Nam Dương không muốn ai đề cập tới vấn đề miền Đông Timor, v.v... Hai bên Á-Á đã đồng ý là hội nghị sẽ chỉ thảo luận về các vấn đề kinh tế.

Nếu như vậy thì những tranh cãi giữa Mỹ và Trung Quốc về quyền tác giả, việc Trung Quốc phá giá hàng hóa xuất khẩu bằng cách sử dụng nhân công tù nhân là vấn đề nhân quyền hay kinh tế?

Cựu phu nhân của lãnh tụ Kim Jong-il thoát ly Bắc Hàn

Bà Sung Hyerim, 58 tuổi, cựu phu nhân của lãnh tụ Bắc Hàn, ông Kim Jong-il, đã trốn được ra ngoại quốc và hiện đang tị nạn tại Hòa Lan. Bà Sung Hyerim cho biết sẽ làm đơn xin định cư tại Nam Hàn. Vừa qua cũng có một người Bắc Hàn bắn chết 3 lính gác Bắc Hàn tại sứ quán Nga ở Pyongyang để vào xin tị nạn. Hiện nay số người muốn thoát ly khỏi Bắc Hàn càng ngày càng nhiều và nhiều chuyên gia tiên đoán là chế độ sắp sụp đổ. Mười tám tháng sau cái chết của lãnh tụ Kim Il Sung, ông Kim Jong-il vẫn chưa hành sử được tất cả quyền lực của ông.

Đời sống dân chúng Bắc Hàn hiện nay rất là khổ đốn, họ bị thiếu đói triền miên, nhất là sau nạn lụt mùa hè năm 1995. Lúc đầu Bắc Hàn đã xin viện trợ quốc tế nhưng sau lại thôi vì không muốn thế giới nhìn thấy tất cả những bề bối trong phương pháp quản lý và chỉ đạo của họ. Các nhà lãnh đạo Bắc Hàn muốn để cho dân mình đói còn hơn mất thể diện.

Tình hình Cam Pu Chia đen tối

Các quan sát viên quốc tế nhận xét rằng tình hình tại Cam Pu Chia ngày càng tồi tệ. Chính phủ không làm chủ được tình hình và gần như bị tị liệt bởi tham nhũng, cướp bóc, khủng hoảng kinh tế. Nông thôn nghèo đói, quân đội yếu kém trong khi Khmer Đỏ không ngừng củng cố những vùng chiếm đóng (10 đến 15% lãnh thổ) và còn đi quấy nhiễu ở nhiều vùng khác. Vụ bắt cóc và giết ba con tin Tây phương hồi cuối tháng 7-1995 chứng

THỜI SỰ...TÔI TỨC...THỜI SỰ...

tổ Khmer Đỏ không từ một phương pháp nào để đánh dấu sự hiện diện của họ.

Gia đình hoàng gia cũng rối trầm bề. Hoàng thân Sihanouk thường xuyên ở Bắc Kinh để chữa bệnh. Hoàng tử Norodom Sirivudh, anh em cùng cha khác mẹ với Sihanouk và cũng là người tranh giành ngôi vua với thủ tướng thứ nhất là hoàng tử Norodom Ranariddh, vừa rồi đã phải lánh nạn sang Pháp và bị xử giam 10 năm tù vì tội âm mưu ám sát vị thủ tướng thứ hai là Hun Sen.

Tình hình chính trị tại Cam Pu Chia rất khó giải quyết vì Khmer Đỏ, tuy bị cả thế giới lên án nhưng lại là lực lượng có thực lực không thể gạt bỏ ra khỏi mọi giải pháp.

Luật sư Đoàn Thanh Liêm tới Hoa Kỳ

Một trong các tù nhân lương tâm nổi tiếng nhất của Việt Nam, luật sư Đoàn Thanh Liêm vừa được trả tự do và trực xuất sang Hoa Kỳ ngày 9-2-1996.

Ông Đoàn Thanh Liêm, sinh năm 1934, tốt nghiệp cử nhân Luật tại Đại Học Sài Gòn năm 1958 và làm chuyên viên tại Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa từ đó cho tới năm 1962. Sau đó ông đi quân dịch và trở thành chuyên pháp lý tố tụng tại Bộ Quốc Phòng cho tới khi giải ngũ năm 1966. Ngay từ năm 1968, ông đã được biệt phái tham gia "chương trình phát triển Quận 8", một chương trình trong đó chính phủ Nguyễn Cao Kỳ giao cho các trí thức trẻ việc phát triển những quận thí điểm tại thành phố. Ông Liêm tiếp tục chương trình này cho tới năm 1971, sau đó hành nghề luật sư cho tới ngày 30-4-1975.

Trong thời gian phục vụ tại Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa, ông Đoàn Thanh Liêm cũng đã được gởi đi tập sự tại Quốc Hội Mỹ và tu nghiệp tại Washington Law School. Vị thế và cũng vì sở thích cá nhân, ông Liêm là một chuyên gia về triết lý luật hiến pháp. Trong thời gian hàng nghề, ông Liêm cũng có tham gia với tư cách một chuyên viên về các vấn đề cứu tế xã hội với Hội Đồng Các Giáo Hội Thế Giới (World Charity Council).

Sau ngày 30-4-1975, ông Liêm có được ông Trương Như Tán, bộ trưởng Tư Pháp của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam, mời tham gia vào Trung Tâm Luật Pháp của bộ này. Ngay sau đó, Chính Phủ Cách Mạng Lâm

Thời bị giải tán.

Ông Đoàn Thanh Liêm bị bắt trong vụ Michael Morrow ngày 23-4-1990. Michael Morrow là một ký giả phản chiến trước 1975, đã từng đóng góp đem ra ánh sáng vụ thảm sát Mỹ Lai. Sau 1975, Michael Morrow tới Việt Nam với tư cách doanh nhân. Tháng 4-1990, Michael Morrow bị bắt và buộc tội gián điệp, rồi bị trục xuất. Ông Đoàn Thanh Liêm bị bắt cùng với Michael Morrow và cũng bị buộc tội gián điệp, nhưng ngay sau đó tội danh được đổi thành "tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội".

Lý do của tội danh này là vì ông Đoàn Thanh Liêm đã cho phổ biến giới hạn một tài liệu mang tên "Năm điều thỏa thuận căn bản". Năm điều này là: 1. Quốc gia Việt Nam không thể đặt căn bản trên một chủ thuyết hay một tôn giáo nào; 2. Dân tộc Việt gồm nhiều sắc tộc và không thể đặt nền tảng trên chủng tộc mà phải coi như sự kết hợp của nhiều sắc tộc cùng chia sẻ một tương lai chung; 3. Nền tảng đất nước Việt Nam là lòng nhân ái dân tộc và là sự tôn trọng những truyền thống quốc tế về nhân quyền; 4. Kinh tế Việt Nam đặt nền tảng trên tư nhân, nhà nước không có chức năng kinh doanh; 5. Để phục hưng đất nước cần thể hiện trọn vẹn tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Ông Liêm bị xử 12 năm tù trong một phiên tòa chớp nhoáng, chỉ kéo dài 2 tiếng đồng hồ ngày 14-5-1992. Trước tòa, ông Liêm đã tuyên bố: "Việc tôi làm cứ để lịch sử phán xét. Quý vị muốn xử sao tùy ý, tôi không xin khoan hồng".

Được liên lạc bằng điện thoại, ông Đoàn Thanh Liêm cho biết sẽ gởi tới Thông Luận nguyên văn tài liệu này. Ông Liêm được chở thẳng từ nhà tù Hàm Tân ra phi trường Tân Sơn Nhất, tại đó ông gặp vợ, bốn người con và một cháu ngoại đã đợi sẵn để cùng lên máy bay sang Mỹ với ông. Ông Liêm có bảy người con và năm cháu ngoại, ba người con khác đã định cư tại Hoa Kỳ từ trước.

Luật sư Đoàn Thanh Liêm cho hay đã từ chối không chịu cam kết sẽ không hoạt động chính trị tại hải ngoại. Ý định của ông Liêm là sẽ dành một thời gian để nghỉ ngơi, quan sát và cập nhật hóa quan điểm. Sau thời gian đó sẽ đóng góp vào cuộc đấu tranh dân chủ hóa đất nước bằng đường lối bất bạo động.

Bà Trần Thị Thúc không được về nước

Bà Trần Thị Thúc, phu nhân giáo sư Đoàn Viết Hoạt, đã bị từ chối không được về nước thăm nuôi chồng.

Bà Thúc đã làm đơn xin về nước từ cuối tháng 11-1995. Bà được Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ hứa sẽ trả lời sau ba tuần lễ, nhưng mãi tới ngày 14-2-1996 Tòa Đại Sứ mới gọi điện thoại cho hay đơn của bà bị bác. Theo Tòa Đại Sứ Hà Nội, việc bà Thúc về nước là "chưa phù hợp vì do các hoạt động của bà gần đây tại hải ngoại".

Bà Thúc sang Mỹ từ tháng 8-1994 và đã bắt đầu ngay những cuộc vận động đòi trả tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Bà đi diễn thuyết tại nhiều nơi tại Mỹ. Bà cũng đi thăm viếng Đức, Ba Lan và Pháp, và được các tổ chức thiện nguyện và các chính phủ tiếp đón. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã trở thành hội viên danh dự của Văn Bút Ba Lan, Văn Bút Đức, Văn Bút Pháp, Văn Bút Canada. Tháng 11-1995, bà Thúc đã được mời điều trần tại Hạ Viện Mỹ cùng với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện và ông Nguyễn Tấn Trí vừa được trả tự do và trực xuất sang Mỹ lúc đó.

Cũng trong tháng 11-1995, bà Thúc đã thay mặt giáo sư Đoàn Viết Hoạt nhận giải thưởng của tổ chức Robert Kennedy Memorial từ tay thượng nghị sĩ Edward Kennedy.

Trong tháng 12-1995, bà Thúc đã nói chuyện trước một cử tọa 350 người trong một buổi thuyết trình do hội HO Minnesota tổ chức.

Ngày 11-4-1996 sắp tới bà Thúc sẽ nói chuyện tại Toronto trong một cuộc họp mặt do Văn Bút Canada tổ chức để bênh vực các tù nhân chính trị. Văn Bút Canada dự trù sẽ có 1.800 người tham dự.

Ngoài ra bà Thúc cũng đã đóng vai trò tích cực trong việc thành lập Nhóm Vận Động ủng hộ những người đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong nước. Nhóm Vận Động đã thảo ra một tuyên cáo và đang vận động người ký tên ủng hộ.

Bà Thúc cho hay trong mỗi phát biểu bà đều giữ vững lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc của giáo sư Đoàn Viết Hoạt.

Hiện nay chính quyền cộng sản Việt Nam đang tìm một giải pháp cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt tương tự như luật sư Đoàn Thanh Liêm, nghĩa là trả tự do và trực xuất sang Mỹ. Ông Hoạt đã khước từ giải pháp

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

này. Chính quyền cộng sản đang đối xử một cách rất nghiệt ngã với ông Hoạt. Việc họ cấm bà Thúc về thăm chồng cũng nằm trong chính sách gia tăng áp lực buộc ông Hoạt, hoặc ít ra bà Thúc, chấp nhận giải pháp để họ trục xuất ông Hoạt sang Mỹ.

Lấy tiền nhà nước chơi đề

Hiện tượng đánh số đề tại Việt Nam bành trướng một cách mạnh mẽ. Nó không những phát triển ở miền Nam mà còn lan rộng đến những làng xã, tỉnh thành miền Bắc, kể cả những huyện lỵ xa xôi vùng biên giới Hoa-Việt đông người sắc tộc cư trú.

Đánh số đề là một hình thức cá cược trước khi có kết quả cuộc xổ số do nhà nước tổ chức. Thường thì một số trung gian, đại diện cho một số chủ thầu, đứng ra ghi đề và thu tiền cá cược của những người chơi. Khi đã biết kết quả cuộc xổ số, những ai trúng đề sẽ được những trung gian này chung tiền một cách thỏa đáng. Đánh đề rất dễ, chỉ cần người chơi đến gặp người trung gian để mua đề với những con số mình hy vọng sẽ ra trong cuộc xổ số sắp tới. Những con số này thường là hai, ba hoặc bốn con số chót của những lô trúng độc đắc. Các con số cá cược càng lớn, tiền trúng càng nhiều. Số tiền cá cược tùy theo khả năng của người mua, từ vài ngàn đến vài triệu. Tỷ lệ trúng tùy cũng theo qui luật của mỗi nơi nhận đề, từ một ăn mười đến một ăn một trăm. Rất ít khi người bán đề bị lỗ vì số tiền thu do người mua đề mang lại cao hơn số tiền phải chi cho người trúng. Mặc dù vậy, cũng có nhiều chủ đề sạt nghiệp vì số người trúng quá đông.

Chính vì dễ chơi và dễ hy vọng trúng, nó không những hấp dẫn số đông dân chúng nghèo khổ mà còn cả những nhân viên, quan chức cộng sản. Những người này đã không ngần ngại lấy từ ngân quỹ nhà nước những số tiền khổng lồ để làm chủ đề hay chơi đề.

Tại Hà Tĩnh, cho đến cuối năm 1995, nhân viên của 12 ngân hàng nhà nước của tỉnh đã trích trên 200 tỷ đồng (2 triệu USD) của ngân hàng ra chơi đề. Riêng tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, nhân viên kho bạc huyện xuất trên hai tỷ đồng của kho bạc ra chơi đề. Một chủ nhiệm ngân hàng huyện Văn Yên (Yên Bái) đem 5,2 tỷ để chơi đề, vv... Đây chỉ là những

vụ tiêu biểu đã được phát hiện khi thua cá cược.

Công ty tư doanh đang bị đe dọa

Theo số liệu thống kê của chính quyền Sài Gòn thì cho đến cuối năm 1995 tổng số công ty ngoài quốc doanh, tức công ty tư nhân, tại thành phố là 6.181 công ty, với tổng số vốn là 3.175 tỷ đồng (khoảng 300.000 USD). Trong đó, 48% đầu tư vào lãnh vực thương mại và dịch vụ, 24,2% vào sản xuất công nghiệp nhẹ và 14,8% vào xây cất. Hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm tỷ lệ cao nhất (54,3%) với 3.360 công ty, trong đó 54,4% có số vốn trung bình là 780 triệu đồng/cơ sở. Kế là các loại công ty tư nhân (tiệm buôn, cửa hàng ăn uống, dịch vụ): 2.747 cơ sở (44,4%) với số vốn trung bình là 180 triệu đồng/cơ sở. Số còn lại là công ty cổ phần: 74 công ty (1,2%) với vốn trung bình 7,1 tỷ/cơ sở. Riêng năm 1995, Sài Gòn có thêm 1.847 công ty tư doanh được thành lập với số vốn đăng ký 700 tỷ đồng, trung bình mỗi cơ sở 379 triệu đồng.

Đa số các công ty tư doanh đều tập trung ở các khu vực trung tâm thành phố. Nhìn chung, so với tỷ lệ dân số của thành phố, số lượng các công ty tư doanh không nhiều so với các quốc gia khác trong vùng, trung bình cứ mỗi 810 dân mới có một cơ sở. Mặc dầu đã ít ỏi, sự tồn tại của họ đang bị đe dọa. Theo dự thảo Báo Cáo Chính Trị cho Đại Hội VIII của đảng cộng sản Việt Nam vào tháng 6-1996, các loại công ty này sẽ không có một tương lai nào, hoặc sẽ được "khuyến khích" biến thể thành những hợp tác xã hoặc sẽ bị nhà nước can thiệp thường xuyên vào công việc kinh doanh bằng những biện pháp thuế khóa nặng nề để không thể cạnh tranh với các công ty quốc doanh.

Thêm vào đó, chính quyền cộng sản dự trù thành lập tổ chức cơ sở đảng trong các cơ sở tư doanh. Tại Sài Gòn, ngày 6-1-1996, ban tổ chức trung ương đảng đã làm việc với đại diện các doanh nghiệp ngoài quốc doanh về việc chuẩn bị thành lập các cơ sở đảng này.

Cuộc cách mạng văn hóa nhỏ?

Một chiến dịch bài trừ văn hóa phẩm đồi trụy đã được khởi động tại khắp các tỉnh thành ở Việt Nam từ đầu năm 1996. Nhiều đoàn thể thanh niên, học sinh, sinh

viên và hội phụ nữ được huy động tham gia chiến dịch. Đối tượng của chiến dịch là các trung tâm buôn bán văn hóa phẩm, khách sạn, vũ trường, quán cà-phê, nhà hàng ca nhạc và các nơi bị tình nghi có mại dâm và cờ bạc.

Nhìn qua bề mặt thì đây là một chiến dịch nhằm duy trì kỷ cương, phép nước nhưng thực tế thì không phải vậy. Từ tháng 12-1995, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ra lệnh cho các chính quyền địa phương ra những chỉ thị cụ thể để thi hành nghị định 87/CP của chính phủ về việc bài trừ tệ đoan xã hội. Sự kiện này là tiếp nối logic của thư ông Kiệt gửi Bộ Chính Trị hồi tháng 8-1995 về việc phân biệt đảng và nhà nước. Vì hiện nay các cơ quan của đảng và quân đội đang nắm giữ nhiều cơ sở kinh doanh mà chính phủ không có quyền kiểm soát. Kết quả chỉ những cơ sở tư nhân là bị thiệt thòi. Không ai dám động đến các khách sạn, vũ trường bị tình nghi có mại dâm và cờ bạc được quân đội, công an và đảng bộ địa phương "bảo trợ".

Ông Ca Lê Thuần, giám đốc Sở Văn Hóa Thông Tin thành phố Sài Gòn, nói: "Chẳng hạn, vấn đề vũ trường, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác ký đồng ý cho hợp tác liên doanh khách sạn từ ba sao trở lên là có vũ trường, tắm hơi, massage và karaoke... Trong khi đó, thành phố thấy có trên 40 vũ trường hoạt động thì hoảng quá... Trong khi đó, hoạt động văn hóa trong khu vực kinh tế tư nhân ngày càng nhiều và đa dạng. Và bên cạnh mặt tốt thì nó góp phần lộn xộn không ít. Xã hội hóa hoạt động văn hóa, nhưng công tác xây dựng định chế pháp luật lại không theo kịp nên sinh ra nhiều rắc rối, phức tạp và tự phát".

Hiện nay tại Sài Gòn có 2.596 cửa hàng dịch vụ cho thuê băng video, 218 nhà hàng karaoke, 24 vũ trường, 102 nhà hàng ca múa nhạc được sở Văn Hóa Thông Tin cấp giấy phép hoạt động hợp lệ. Trong ngày 16-1-1996, các đội bài trừ dưới sự chỉ đạo của Sở Văn Hóa và Sở Công An thành phố đã tịch thu 89.000 tang vật, trong đó có 30.999 cuốn băng video, 12.473 băng cassette, 134 đĩa laser, 13.009 đĩa compact, 3 máy đánh bạc và hơn 45.000 sách báo, lịch đủ loại. Ngoài ra chính quyền còn ra lệnh cho các công ty ngoại quốc tháo gỡ các panô, hộp đèn quảng cáo viết bằng ngoại ngữ lớn hơn những quảng cáo viết bằng tiếng Việt,

THỜI SỰ... TIN TỨC...

những bảng quảng cáo rất lớn của các hãng Coca Cola, Kodak bị sơn phủ lại.

Trẻ em mại dâm gia tăng

Một báo cáo cho thấy Việt Nam hiện có khoảng 200.000 phụ nữ bán dâm, trong đó có 14.000 trẻ em (7%) dưới 18 tuổi. Theo ghi nhận của Viện Pasteur Sài Gòn, trong số 150 ca mại dâm bị nhiễm HIV+ được phát hiện trong năm 1995 tại các tỉnh miền Tây thì có 34 ca dưới 19 tuổi (22,66%). Tệ nạn trẻ em vì thành niên hành nghề mại dâm ngày càng gia tăng và tỷ lệ lây bệnh SIDA cũng gia tăng theo. Khách mua dâm thường thích các cô gái nhỏ và không dùng bao cao su vì cho rằng trẻ em ít nhiễm bệnh và ít khả năng từ chối những đòi hỏi của người mua dâm.

Gái mại dâm vì thành niên Việt Nam không những hành nghề trong nước mà còn sang các quốc gia khác trong vùng qua những đường dây buôn gái sang Cambốt, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Thái Lan. Theo một điều tra chính thức của Ủy ban Quốc gia Phòng chống SIDA Campuchia thì 30% gái mại dâm tại quốc gia này là người Việt Nam. Nhưng theo ước tính của Quỹ Cứu Trợ Nhi Đồng Anh Quốc điều tra nạn mại dâm tại Phnom Penh thì tỷ lệ gái mại dâm người Việt lên đến 80%. Chỉ riêng tại một ổ bán dâm nhỏ ở khu Tuolkok, các gái mại dâm đều là người Việt, tuổi từ 15 đến 16.

Nhiều em bán vé số, bán báo, đánh giày cả trai lẫn gái ở các trung tâm thành phố lớn cũng đang bị lạm dụng tình dục. Một nhóm điều tra tại Sài Gòn cho biết chỉ riêng công viên 23-9 (Sài Gòn), trung bình có 50 em bụi đời, trong đó 2/3 là nam, thì hầu như em nào ở lứa tuổi 13-16 cũng đã có quan hệ tình dục.

Cạnh tranh bất chính?

Theo số liệu thống kê của ngành du lịch, năm 1995 toàn ngành có thêm 8.000 phòng khách sạn mới, đưa tổng số phòng khách sạn hiện nay lên 42.388 phòng, trong đó 22.287 phòng đủ tiêu chuẩn phục vụ khách quốc tế (các con số này không đề đến những phòng khách sạn do tư nhân quản lý). Số phòng nghỉ đưa vào kinh doanh còn được bổ sung thêm 12.735 phòng của 448 nhà khách, nhà nghỉ dành cho cán bộ, viên chức nhà nước. Sự kiện gia tăng phòng khách sạn là do tiên đoán khách đầu tư nước ngoài sẽ đổ ập vào Việt Nam do kiểm thị trường khi Luật Đầu Tư

được ban hành năm 1989. Thật vậy, trên các chuyến bay vào Việt Nam, gần như 59% là khách ngoại quốc, đa số là người Hoa.

Nhưng người Hoa đến Việt Nam đầu tư không vào thuê phòng tại các khách sạn của nhà nước, họ tìm đến những khách sạn do đồng hương của họ quản lý, hoặc tạm trú trong những hãng xưởng do đồng hương họ làm chủ. Khách Tây phương đến Việt Nam đầu tư hoặc du lịch chỉ ở vài ngày rồi đi, nhiều người còn tuyên bố họ sẽ không trở lại nữa vì bị lừa đảo hoặc bị khinh thường. Do đó có hiện tượng tại những trung tâm thành phố lớn như Sài Gòn, Hà Nội, Đà Nẵng có nạn dư thừa phòng khách sạn. Các khách sạn của Công ty Du lịch quốc doanh ế ẩm một cách thảm hại. Thêm vào đó là phong cách phục vụ lơ đãng và giá cả không phù hợp với thực tế càng làm mất khách.

Thí dụ: giá thuê trung bình một phòng đơn (single) tại khách sạn Hương Giang (Huế) cho khách nước ngoài (kể cả Việt kiều) là 30 USD/đêm, trong khi tại một khách sạn khác của tư nhân giá một phòng đôi (twin) cũng đầy đủ tiện nghi như Hương Giang chỉ 10 USD, thêm vào đó khách thuê còn được chiều chuộng một cách trân trọng. Giá thuê phòng trung bình tại một khách sạn sang của tư nhân (liên doanh với nước ngoài) như Floating Hotel Sài Gòn là 150 USD/đêm, khách phải đặt thuê trước mới có chỗ, ngược lại chỉ kế cận đó vài chục mét khách sạn Majestic lại vắng khách, có khi ban quản lý hạ giá xuống 50 USD/đêm nhưng vẫn ít người vào thuê. Trong khi đó nhiều hộ tư nhân tân trang lại nhà cửa đề bày cho thuê phòng với giá từ 3 đến 5 USD/ngày.

Để nâng đỡ các khách sạn quốc doanh, các chính quyền địa phương ban hành nhiều biện pháp quản lý chặt chẽ các khách sạn tư nhân và các hộ tư nhân có phòng cho thuê như kiểm tra hành chính, kiểm soát vệ sinh, giá cả, đánh thuế nặng, v.v... và tổ cáo các khách sạn tư nhân cạnh tranh bất chính bằng cách "phá giá thuê phòng để thu hút khách và mở thêm các dịch vụ khác để tăng doanh thu". Hiện nay những tư nhân nào kinh doanh khách sạn đều bị lỗ lã, nhiều người đã bị khánh tận vì không trả nổi tiền lãi do vay nợ ngân hàng (trên 30%/năm).

~~~~~

## Thư độc giả

### Con giáp thứ 13 ?

Lục qua chồng thư từ, báo chí để trên bàn, tôi giật bản mình. Cái gì mà đen sì thế kia? Thư báo tang hủ? Nhìn kỹ lại thì ra là báo Thông Luận.

Nhìn tới, nhìn lui, để gần rồi lại để xa, nhưng óc tưởng tượng sau một ngày làm việc mệt nhọc, không chịu làm việc nữa. Nhìn mãi không ra hình gì. À chắc là Thông Luận muốn chế ra con giáp thứ 13 chăng?

Sau khi đọc lá thư đầu năm của ông chủ nhiệm thì tôi mới vỡ lẽ ra. Thì ra thế, hiển nhiên quá, lời giải thích rõ ràng quá, thế mà còn không hiểu hay là nhìn không ra thì hóa ra là mình ngu lắm sao? Hèn gì mà các anh chị trong Thông Luận đều đồng ý, không ai có ý kiến gì ngược lại lời giải thích của ông chủ nhiệm.

Nhưng theo ý tôi, nếu đã chọn logo mà còn phải giải thích dài dòng để thiên hạ nhìn ra và hiểu được ý của mình (cũng còn phải xét lại!) thì cái logo đó không đạt.

Lương Hồ Quỳ (Lognes)

*LTS: Thưa chị, họa sĩ vẽ Logo thường không chờ đợi người nhìn phải nghĩ hay hiểu như mình. Tranh vẽ nào mà không có người khen kẻ chê? Dù sao cũng cảm ơn chị đã cho biết rõ ý kiến.*

### Sơ suất tối thiểu

Tôi được đọc Thông Luận do một người từ Việt Nam đến Tours học có người nhà ở Paris, không biết là ai, có đem về Tours hai số báo Thông Luận. Tôi đọc thấy mình chấp nhận được, và quả thật, hơn 3, 4 năm đọc, tôi thấy Thông Luận có nhiều tiến bộ về mọi mặt: về cách viết, về văn phong, ngay cả những bài đả kích đả đôm của Phù Du cũng khó có thể bắt bẻ. Chỉ những sơ suất về chính tả thì vẫn còn, nhưng có chiều ít hơn. Những người uyên thâm như ông Trần Thanh Hiệp (trước đây) hoặc ông Tôn Thất Thiện, anh Trần Ngọc Sơn (hiện nay), và nhất là anh Vũ Thiện Hân, dù đã được bạn Nguyễn Hữu Đức nhắc nhở, mà chữ "Đảng" vẫn cứ viết hoa, đó là những sơ suất tối thiểu. Và những sơ suất tối thiểu làm cho bài viết giảm giá đi rất nhiều.

Trương Ngọc (Tours)

*LTS: Thưa anh, chữ Đảng viết hoa là viết tắt tên Đảng Cộng Sản Việt Nam chứ không có ý nghĩa tôn kính gì. Xin cảm ơn anh đã góp ý với các tác giả.*

## Những cái trạm điện thoại tự động

Nghe nói ở Việt Nam dạo này có nhiều trạm điện thoại tự động lắm. Hàng ngàn chiếc, toàn của Pháp với của Úc, kim loại màu, kính mờ ca sáng choang cả lên. Đường phố Hà Nội, Sài Gòn và các đô thị khác sau vụ đẹp hàng quà bán rong trên vỉa hè chắc là sẽ đẹp mắt hơn, sinh động hơn nhiều, hấp dẫn vô khối khách du lịch tứ phương.

Thật là tiện lợi, bỏ ra mấy trăm đồng bạc có đắt hơn tiền tem một tí thì lại nhanh chóng, đỡ mất công viết lách, thư từ, chờ đợi hồi hộp. Có từ đầu đến cuối thành phố mà thư đi cùng mất mấy ngày, chờ thư đến cũng hàng nửa tuần nữa, lỡ hết công việc. Đây là với những người bình thường, còn đối với những đôi lứa đang yêu, chiều chiều dù cách xa hàng trăm cây lô méch mà vẫn được nghe thấy hơi thở của nhau thì những cái trạm điện thoại tự động quả là những thiên thần.

Cũng nghe nói ở bên cạnh mỗi cái trạm điện thoại tự động bây giờ lại có một "đồng chí" công an đứng gác nữa. Gác thật, một trăm phần trăm. Không phải để nghe lén, mà là để canh đạo chích ngay cũng như đêm, bất cứ lúc nào cũng có thể nâng tay trên túi bạc của nhà nước (mặc dù toàn bạc lẻ, cạch cạch). Cũng là để canh dân bán trời không văn tự rất thích tháo kính, tháo mê ca của các công trình công cộng về lắp cửa sổ, cửa cái nhà mình, chỉ ít cũng lát được cái mặt bàn uống rượu, giữ gìn lớp véc ni, hay là thay lớp giấy bóng kính của cái khung ảnh. Số khung sườn bằng kim loại màu, bán đồng nát cùng được khối tiền, còn nếu muốn kể cả số linh kiện điện tử dây nhợ nữa thì bội quá... Sau cùng, nhưng cũng rất quan trọng, là để canh mấy ông nhà quê, mắt trước mặt sau không thấy ai là chui ngay vào trạm điện thoại tự động để xả những bản khoản vương vấn trong người.

Tạm tính cứ mười vạn dân Việt Nam sở hữu một trạm điện thoại tự động thì cả nước có xấp xỉ bảy ngàn trạm. Mỗi trạm cần ba "đồng chí" công an canh cả ba ca, ngành công an cần tuyển thêm ít nhất là hăm một ngàn nhân viên nữa. Chẳng biết lời lãi của ngành bưu điện từ những cái trạm điện thoại tự động này có nhiều không, chứ chắc số kinh phí để trả cho số nhân viên kia chẳng phải ít. Vào thời buổi kinh tế thị trường này, thù lao, đãi ngộ không xứng đáng, khéo lại phản tác dụng,

quá bằng nuôi ong tay áo.

Trên thế giới, ngoài Việt Nam ra chẳng biết có nước nào khác lại cần đến một số công an đông đảo vậy để canh trạm điện thoại tự động hay không. Điều này thật đáng chép thêm vào cuốn "Những kỷ lục Ghimet".

Nguyễn Chính Nghi (Đức Quốc)

## NĂM CHUỘT

Bính Tý năm này chuột rúc kho;  
Tập đoàn bảo thủ sợ thua to  
Lục tục kéo sang châu Bắc khuyết  
Tháng sáu năm nay lại diễn trò...

Trần Ngôn

Kính mời quý vị đến dự đêm

## Văn Nghệ & Dạ Vũ Mùa Xuân

Thứ bảy 4/5/1996 từ 19g30 đến sáng

tại Espace Liberté (Mairie de Massy)

1 Avenue du Général De Gaulle, 91 300 Massy

RER B : Massy-Palaiseau

19 giờ 30 : gặp mặt và trò chuyện

20 giờ 30 : văn nghệ

22 giờ 30 : dạ vũ với ban nhạc sống The Time

Năm nay chương trình văn nghệ sẽ gồm những mục đặc biệt sau:

Kịch vui : Tuần Ty Đào Huế

với Nữ nghệ sĩ Kim Chính

"Hội Trùng dương"

tác phẩm nổi tiếng của Phạm Đình Chương

với Ban Hợp xướng Ngàn Thông

và nhiều tiết mục văn nghệ đặc sắc khác : AVT, vọng cổ, múa...

Vé vào cửa : 120 F người lớn (100 F nếu mua trước)

100 F sinh viên, học sinh (80 F nếu mua trước)

Liên lạc để mua vé trước :

Mỹ Lan : 69 84 82 88

Cầm Phượng : 60 29 05 37

Kiều Tiên : 69 20 23 16

Xuân Mỹ : 46 61 22 06

Bà Trần Thanh Hiệp : 42 49 38 92